

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

ĐỀ TÀI

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ KHO TẠI
TRUNG TÂM LOGISTICS CỦA CÔNG TY CỔ
PHẦN TRANSIMEX – CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG**

SINH VIÊN THỰC HIỆN: NGUYỄN QUỐC KHANG

MÃ SỐ SINH VIÊN: 2254050134

KHÓA HỌC: 2022 – 2026

Đà Nẵng, tháng 05 năm 2026

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

ĐỀ TÀI

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ KHO TẠI
TRUNG TÂM LOGISTICS CỦA CÔNG TY CỔ
PHẦN TRANSIMEX – CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG**

Giảng viên hướng dẫn : ThS. Nguyễn Thị Thu Hà

Sinh viên thực hiện : Nguyễn Quốc Khang

Khóa học : 2022 – 2026

Lớp : 22LC3

Mã số sinh viên : 2254050134

Đà Nẵng, tháng 05 năm 2026

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong những năm gần đây, Đà Nẵng đang dần trở thành trung tâm kinh tế, thương mại và logistics quan trọng của khu vực miền Trung – Tây Nguyên. Với lợi thế về vị trí địa lý cùng hệ thống cảng biển, sân bay và hạ tầng giao thông ngày càng được đầu tư hoàn thiện, thành phố là nơi tập trung nhiều hoạt động xuất nhập khẩu, lưu thông và phân phối hàng hóa. Sự phát triển của các khu công nghiệp, khu công nghệ cao và hoạt động thương mại đã kéo theo nhu cầu lớn về dịch vụ logistics, đặc biệt là dịch vụ kho bãi và quản lý hàng hóa.

Trong hoạt động logistics, kho bãi không chỉ là nơi lưu trữ hàng hóa mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả vận hành và chất lượng dịch vụ của doanh nghiệp. Công tác quản lý kho hiệu quả giúp doanh nghiệp kiểm soát chính xác hàng tồn kho, tối ưu diện tích lưu trữ, rút ngắn thời gian xử lý đơn hàng và giảm chi phí vận hành. Ngược lại, nếu hoạt động quản lý kho chưa hợp lý sẽ dễ phát sinh tình trạng sai lệch tồn kho, chậm xử lý hàng hóa và ảnh hưởng đến hiệu quả khai thác kho.

Công ty Cổ phần Transimex – Chi nhánh Đà Nẵng là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực logistics với hệ thống kho bãi và trung tâm logistics phục vụ nhiều khách hàng trong và ngoài nước. Trung tâm Logistics của công ty hiện đang thực hiện các hoạt động lưu trữ, quản lý và phân phối hàng hóa với khối lượng lớn và đa dạng chủng loại. Tuy nhiên, dưới áp lực gia tăng về lượng hàng hóa và yêu cầu ngày càng cao của khách hàng, công tác quản lý kho tại doanh nghiệp vẫn còn một số hạn chế cần được hoàn thiện.

Thực tế cho thấy, vào các thời điểm lượng hàng tập trung lớn, hoạt động lưu trữ và xuất hàng tại kho có thể xảy ra tình trạng quá tải cục bộ, ảnh hưởng đến thời gian xử lý đơn hàng. Việc bố trí hàng hóa trong kho ở một số khu vực chưa thực sự tối ưu, dẫn đến mất nhiều thời gian trong quá trình tìm kiếm và lấy hàng. Ngoài ra, quá trình phối hợp giữa các bộ phận trong hoạt động nhập – xuất hàng hóa đôi lúc còn chưa đồng bộ, ảnh hưởng đến hiệu quả vận hành chung của kho.

Trong bối cảnh cạnh tranh của ngành logistics ngày càng cao, việc hoàn thiện công tác quản lý kho là yêu cầu cần thiết nhằm nâng cao hiệu quả vận hành và chất lượng dịch vụ khách hàng. Do đó, việc nghiên cứu thực trạng và đề xuất các giải pháp phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý kho tại Trung tâm Logistics Transimex – Chi nhánh Đà Nẵng có ý nghĩa thực tiễn quan trọng đối với doanh nghiệp.

.2. Mục tiêu nghiên cứu.

Mục tiêu chung

Phân tích thực trạng và đề xuất giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản lý kho tại Trung tâm Logistics Transimex Đà Nẵng.

Mục tiêu cụ thể

- Hệ thống hóa cơ sở lý luận về quản lý kho trong logistics
- Phân tích thực trạng quản lý kho tại Trung tâm Logistics Transimex Đà Nẵng
- Đánh giá ưu điểm và hạn chế trong công tác quản lý kho
- Đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý kho

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: Công tác quản lý kho và vận hành kho tại Trung tâm Logistics Transimex Đà Nẵng

Phạm vi nghiên cứu

Không gian: Công ty Cổ phần Transimex – Chi nhánh Đà Nẵng

Thời gian: 2025 – 2026

Nội dung:

- Hoạt động lưu trữ hàng hóa
- Quản lý tồn kho
- Trang thiết bị và cơ sở vật chất kho

- Quy trình vận hành kho
- Hệ thống phần mềm quản lý kho

4. Phương pháp nghiên cứu.

Phương pháp thu thập số liệu thứ cấp

Phương pháp quan sát thực tế tại Trung tâm Logistics

Phương pháp thống kê mô tả

Phương pháp phân tích và so sánh

5. Kết cấu đề tài

Chương 1: Cơ sở lý luận về quản lý kho trong logistics.

Chương 2: Thực trạng công tác quản lý kho tại Trung tâm Logistics của Công ty Cổ phần Transimex – Chi nhánh Đà Nẵng

Chương 3: Giải pháp hoàn thiện công tác quản lý kho tại Trung tâm Logistics của Công ty Cổ phần Transimex – Chi nhánh Đà Nẵng

LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành bài khóa luận tốt nghiệp này, trước hết em xin gửi lời cảm ơn chân thành và sâu sắc đến Công ty Cổ phần Transimex – Chi nhánh Đà Nẵng đã tạo điều kiện thuận lợi và hỗ trợ em trong suốt quá trình thực tập và thực hiện khóa luận. Trong thời gian thực tập tại doanh nghiệp, em đã có cơ hội tiếp cận thực tế môi trường làm việc chuyên nghiệp, tìm hiểu về hoạt động logistics cũng như công tác quản lý kho tại doanh nghiệp. Đây là khoảng thời gian quý báu giúp em tích lũy thêm nhiều kiến thức và kinh nghiệm thực tiễn phục vụ cho quá trình học tập cũng như công việc sau này.

Em cũng xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Ban Giám hiệu Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng cùng quý thầy cô Khoa Kinh tế đã luôn tận tâm giảng dạy và truyền đạt cho em những kiến thức quý báu trong suốt thời gian học tập tại trường. Những kiến thức chuyên môn cùng sự hướng dẫn tận tình của quý thầy cô là nền tảng quan trọng giúp em vận dụng vào thực tế trong quá trình thực tập và thực hiện khóa luận.

Em xin chân thành cảm ơn các anh chị tại bộ phận kho, đặc biệt là anh Hồ Văn Quý – Quản lý Trung tâm Logistics Transimex Đà Nẵng đã trực tiếp hướng dẫn, chia sẻ kinh nghiệm và tạo điều kiện thuận lợi để em tiếp cận thực tế công việc. Những kinh nghiệm thực tiễn mà các anh chị chia sẻ đã giúp em hiểu rõ hơn về hoạt động quản lý kho và môi trường làm việc thực tế tại doanh nghiệp.

Đặc biệt, em xin trân trọng cảm ơn cô Nguyễn Thị Thu Hà – giảng viên hướng dẫn đã luôn tận tình chỉ bảo, đồng hành và hỗ trợ em trong suốt quá trình thực hiện khóa luận. Những góp ý và sự hướng dẫn của cô đã giúp em hoàn thành khóa luận một cách tốt hơn.

Mặc dù đã cố gắng hoàn thiện khóa luận với tất cả sự nỗ lực của bản thân, tuy nhiên do kiến thức và kinh nghiệm thực tế còn hạn chế nên bài khóa luận khó tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được những ý kiến đóng góp quý báu từ quý thầy cô và doanh nghiệp để em có thể hoàn thiện bản thân hơn trong học tập và công việc sau này.

Em xin trân trọng cảm ơn!

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ KHO HÀNG.....	1
1.1 .. Tổng quan về kho hàng	1
1.1.1 Khái niệm kho hàng	1
1.1.2 Vai trò của kho hàng	1
1.1.3 Chức năng của kho.....	3
1.1.4 Phân loại kho hàng.....	4
1.2.Nội dung công tác quản lý kho.....	6
1.2.1 Quản lý nhập kho	7
1.2.2 Quản lý lưu trữ hàng hóa.....	8
1.2.3 Quản lý tồn kho.....	8
1.2.4 Quản lý xuất kho.....	10
1.3.. Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý kho	11
1.3.1.Yếu tố bên trong	11
1.3.2 Yếu tố bên ngoài	13
1.4.Tổ chức và bố trí kho	14
1.4.1 Nguyên tắc bố trí kho.....	14
1.4.2 Các phương pháp sắp xếp hàng hóa	17
1.5.Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả quản lý kho	19
1.5.1 Tỷ lệ luân chuyển tồn kho (ITR)	19
1.5.2. Tỷ lệ hoàn thành giao hàng đúng hạn (OTIF)	20
1.5.3. Độ chính xác của tồn kho (IAR).....	21
1.5.4. Tỷ lệ hàng tồn kho lâu ngày (SLOB).....	22
1.5.5. Chi phí lưu giữ tồn kho (ICC)	23
1.5.6. Tỷ lệ thiếu hàng (BR).....	24
1.5.7. Độ chính xác của dự báo nhu cầu (DFA).....	25
1.5.8. Hiệu suất đơn hàng hoàn hảo (POP).....	26
1.5.9. Hàng tồn kho không sử dụng (DS)	27

1.5.10. Chu kỳ đơn hàng (OCT).....	28
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ KHO TẠI TRANSIMEX ĐÀ NẴNG.....	29
2.1 Tổng quan về Công ty Transimex – Chi nhánh Đà Nẵng	29
2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển	29
2.1.2 Tầm nhìn, sứ mệnh và giá trị cốt lõi :	30
2.1.3 Chức năng và lĩnh vực hoạt động	31
2.1.4 Cơ cấu tổ chức	33
2.1.5 Chức năng và nhiệm vụ của các phòng ban	33
2.1.6 Ngành nghề kinh doanh	36
2.2 Phân tích thực trạng hoạt động kinh doanh của trung tâm logistics Transimex	37
2.2.1 Lĩnh vực kinh doanh và hoạt động kinh doanh của trung tâm logistcs Transimex – chi nhánh Đà Nẵng	37
2.2.2 Khách hàng	41
2.2.3 Đối thủ cạnh tranh.....	42
2.3 Nguồn lực và kết quả hoạt động kinh doanh của trung tâm logistics transimex – chi nhánh Đà Nẵng	44
2.3.1 Cơ sở vật chất ,hệ thống kho bãi tại trung tâm logistics Transimex - chi nhánh Đà Nẵng.....	44
2.3.2 Nguồn nhân lực.....	47
2.3.3 Nguồn lực tài chính.....	51
2.4 Tổng quan về hệ thống kho tại trung tâm logicstics Transimex – chi nhánh Đà Nẵng	52
2.4.1 Quy mô, diện tích , trang thiết bị và nhân sự	53
2.4.2 Vai trò của kho trong chuỗi	54
2.4.3 Thực trạng công tác quản lý kho tại trung tâm Logistics Transimex – Đà nẵng	55
2.5 Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả quản lý kho tại trung tâm logistcs transimex..	75
2.6. Các yếu tố ảnh hưởng tới công tác quản lý kho tại trung tâm logistics transimex	78
2.6.1. Nhân sự kho	78

2.6.2. Cơ sở vật chất và trang thiết bị	79
2.6.3. Hệ thống công nghệ thông tin.....	80
2.6.4. Nhu cầu khách hàng	81
2.6.5. Hạ tầng logistics và giao thông.....	81
2.6.6. Yếu tố thị trường và kinh tế.....	82
2.7. Đánh giá công tác quản lý kho	83
2.7.1. Kết quả đạt được	83
2.7.2. Hạn chế.....	85
2.7.3 Nguyên nhân.....	85
CHƯƠNG 3 HOÀN THIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ KHO HÀNG TẠI TRUNG TÂM LOGISCTICS TRANSIMEX ĐÀ NẴNG.....	88
3.1 Nghiên cứu và dự báo môi trường kinh doanh của công ty	88
3.2 Mục tiêu và định hướng phát triển của công ty trong thời gian tới.....	88
3.3 Một số giải pháp nhằm hoàn thiện hoạt động quản lý kho	92
3.3.1 Hoàn thiện hệ thống công nghệ trong quản lý kho.....	93
3.3.2 Tối ưu hóa bố trí và lưu trữ hàng hóa trong kho	94
3.3.3 Nâng cao hiệu quả quản lý tồn kho.....	96
3.3.4 Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực kho.....	97
3.3.5 Tăng cường phối hợp giữa các bộ phận trong hoạt động kho vận	99
3.4 Kiến nghị	100
3.4.1 Đối với doanh nghiệp.....	100
3.4.2 Đối với cơ quan nhà nước	101
TÀI LIỆU THAM KHẢO	102

DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình 1.1: Nội dung công tác quản lý kho.....	7
Hình 1.2: Quy trình kiểm soát lưu trữ tồn kho	9
Hình 1.3: Quy trình xuất kho.....	10
Hình 1.4: Sơ đồ chữ U.....	15
Hình 1.5: Sơ đồ chữ I.....	15
Hình 1.6: Sơ đồ hình chữ L	16
Hình 2.1: Logo của Công ty Cổ phần Transimex	29
Hình 2.2: Sơ đồ tổ chức của Transimex Đà Nẵng.....	33
Hình 2.3: Cơ cấu doanh thu các loại hình dịch vụ chính của Transimex Đà Nẵng ...	37
Hình 2.9: seal và container hàng nhập kho tại Trung tâm Logistics Transimex Đà Nẵng.....	52
Hình 2.10 thông tin nhập cont đến từ nhà cung cấp.....	53
Hình 2.11: Pallet detail.....	53
Hình 2.13 nhân viên bốc xếp và máy quét hệ thống nhập kho.....	54
Hình 2.14 nhân viên bốc xếp và kiểm tra hàng hóa	56
Hình 2.15 pallet detail và thông tin cont nhập	57
Hình 2.16 Máy quét hàng nhập.....	58
Hình 2.17 Hàng hóa được sắp xếp vào vị trí.....	59
Hình 2.18 chứng từ xuất kho theo vị trí.....	62
Hình 2.19 kiểm tra tình trạng tồn kho trên hệ thống Infor.....	63
Hình 2.20 Thực tập sinh hỗ trợ lấy hàng theo vị trí.....	64
Hình 2.21 thực tập sinh hỗ trợ kiểm tra hàng xuất thực tế	65

DANH MỤC BẢNG

Bảng 2.4: Tình hình hoạt động kinh doanh của Transimex.....	38
Bảng 1.5: Nhóm khách hàng.....	42
Bảng 2.6: Đội xe và trang thiết bị của Transimex Đà Nẵng.....	45
Bảng 2.7: Cơ cấu lao động của Transimex Đà Nẵng.....	48
Bảng 2.8: Bảng cân đối kế toán (báo cáo tài chính sau thuế năm 2023-2024).....	51

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ KHO HÀNG

1.1 . Tổng quan về kho hàng

1.1.1 Khái niệm kho hàng

Kho hàng là không gian vật lý hoặc hệ thống lưu trữ được sử dụng để chứa hàng hóa trước khi hàng được đưa vào sản xuất, phân phối hoặc tiêu thụ. Kho có thể là một tòa nhà chuyên dụng hoặc khu vực riêng trong nhà máy, cảng, trung tâm phân phối.

Kho hàng không chỉ đơn thuần là nơi chứa hàng, mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì sự liên tục của chuỗi cung ứng. Trong hệ thống logistics, kho là điểm trung gian giúp điều tiết hàng hóa, giảm áp lực cho vận tải và giữ cho dòng hàng luôn ổn định giữa các khâu sản xuất – lưu trữ – phân phối. [1]

Kết luận: Kho hàng được hiểu là không gian vật lý hoặc hệ thống lưu trữ dùng để tiếp nhận, lưu giữ và bảo quản hàng hóa trong một khoảng thời gian nhất định trước khi đưa vào quá trình sản xuất, phân phối hoặc tiêu thụ.

1.1.2 Vai trò của kho hàng

Kho hàng đóng vai trò quan trọng trong chuỗi cung ứng, giúp điều tiết dòng chảy hàng hóa, đảm bảo không bị gián đoạn trong quá trình cung cấp.

Bên cạnh việc là nơi lưu trữ, kho hàng hóa còn thực hiện nhiều nhiệm vụ khác như quản lý tồn kho, phân loại sản phẩm, đóng gói và chuẩn bị cho quá trình vận chuyển. Một hệ thống kho hàng được tổ chức tốt giúp doanh nghiệp tiết kiệm chi phí và tối ưu hóa hoạt động kinh doanh. [1]

Với vai trò là một mắt xích quan trọng trong chuỗi cung ứng, kho hàng thực hiện nhiều chức năng thiết yếu nhằm đảm bảo sự vận hành hiệu quả của dòng hàng hóa, bao gồm

a) Lưu trữ hàng hóa dự trữ

Một trong những chức năng cơ bản nhất của kho hàng là lưu trữ hàng hóa để phục vụ nhu cầu sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng. Hàng tồn kho có thể là nguyên liệu thô, bán thành phẩm hoặc thành phẩm chuẩn bị xuất ra thị trường.

b) Đảm bảo nguồn cung ổn định

Trong các lĩnh vực sản xuất hoặc kinh doanh bán lẻ, kho hàng giúp duy trì nguồn cung liên tục, giảm thiểu rủi ro thiếu hụt hàng hóa do gián đoạn sản xuất hoặc vận chuyển.

c) Tối ưu hóa chi phí vận hành

Việc lưu trữ hàng hóa tại kho giúp doanh nghiệp giảm áp lực vận chuyển khẩn cấp, tránh chi phí cao phát sinh từ các đơn hàng gấp. Ngoài ra, nếu tận dụng được kho bãi hợp lý, doanh nghiệp có thể mua hàng với số lượng lớn để hưởng chiết khấu, giảm giá thành sản phẩm.

d) Hỗ trợ xử lý hàng hóa

Một số kho không chỉ là nơi lưu trữ mà còn kết hợp với các hoạt động xử lý như đóng gói, dán nhãn, kiểm tra chất lượng trước khi phân phối. Điều này giúp doanh nghiệp tuân thủ quy định xuất nhập khẩu và đảm bảo hàng hóa sẵn sàng trước khi tới tay khách hàng.

e) Giảm rủi ro trong vận tải

Lưu kho tại các vị trí chiến lược giúp giảm thiểu chi phí và thời gian vận chuyển. Đặc biệt, một số doanh nghiệp thiết lập hệ thống kho trung tâm để phân phối hàng hóa đến các khu vực khác nhau một cách hiệu quả, giảm nguy cơ chậm trễ hoặc hư hỏng hàng hóa trong quá trình vận chuyển.

d) Tăng hiệu suất dịch vụ khách hàng

Trong thương mại điện tử (e-commerce), kho hàng có vai trò cực kỳ quan trọng. Việc bố trí kho hàng hợp lý giúp rút ngắn thời gian giao hàng, đặc biệt với mô hình kho fulfillment, giúp doanh nghiệp đáp ứng nhanh chóng nhu cầu của khách hàng. [1]

1.1.3 Chức năng của kho

Kho hàng đóng vai trò thiết yếu trong chuỗi cung ứng, không chỉ là nơi lưu trữ hàng hóa mà còn hỗ trợ các hoạt động quản lý, phân phối, và tối ưu chi phí vận hành. Để hiểu rõ hơn, chúng ta sẽ đi vào từng chức năng cụ thể của kho hàng dưới đây.

1.1.3.1. Lưu trữ hàng hóa

Kho hàng đảm bảo an toàn cho hàng hóa bằng cách bảo vệ chúng khỏi các yếu tố bên ngoài như độ ẩm, nhiệt độ và va đập. Những hàng hóa nhạy cảm, đặc biệt là thực phẩm, thuốc hoặc hàng điện tử, yêu cầu điều kiện bảo quản nghiêm ngặt để đảm bảo chất lượng. Ví dụ, kho lạnh dùng để bảo quản thực phẩm hoặc dược phẩm, duy trì nhiệt độ thích hợp để kéo dài thời gian sử dụng và đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn an toàn.

1.1.3.2. Phân loại và đóng gói

Một trong những nhiệm vụ quan trọng của kho hàng là phân loại hàng hóa theo danh mục, mã sản phẩm, hoặc theo lô hàng. Phân loại khoa học giúp nhân viên dễ dàng tìm kiếm và chuẩn bị hàng hóa cho các đơn hàng.

Ngoài ra, việc đóng gói trong kho hàng được thực hiện theo yêu cầu của khách hàng hoặc tiêu chuẩn vận chuyển. Điều này giúp hàng hóa không bị hư hỏng trong quá trình vận chuyển và đáp ứng yêu cầu của đối tác hoặc nhà bán lẻ.

1.1.3.3. Quản lý tồn kho hiệu quả

Một kho hàng được quản lý tốt sẽ giúp doanh nghiệp giảm thiểu tình trạng tồn kho quá mức hoặc thiếu hụt hàng hóa. Việc áp dụng các phần mềm quản lý kho hiện đại giúp doanh nghiệp theo dõi lượng hàng trong thời gian thực, từ đó tối ưu hóa quá trình nhập và xuất hàng. Hệ thống mã vạch và RFID giúp giảm thiểu sai sót trong quá trình kiểm kê, tiết kiệm thời gian và công sức của nhân viên.

1.1.3.4. Tối ưu quá trình vận chuyển

Kho hàng hóa gần các tuyến đường giao thông trọng yếu hoặc khu vực tiêu thụ giúp rút ngắn thời gian và chi phí giao hàng. Sắp xếp hàng hóa khoa học trong kho còn giúp quá

trình bốc dỡ và chuẩn bị đơn hàng nhanh chóng, tăng hiệu suất hoạt động và giảm thời gian chờ. [1]

1.1.4 Phân loại kho hàng

Trong hoạt động logistics, kho hàng được phân loại theo nhiều tiêu chí khác nhau nhằm phục vụ hiệu quả cho quá trình lưu trữ, bảo quản và phân phối hàng hóa. Mỗi loại kho đều có những đặc điểm, ưu điểm và hạn chế riêng, phù hợp với từng nhu cầu sử dụng cụ thể.

1.1.4.1 Phân loại theo chức năng

Dựa trên cách mà kho hàng vận hành trong chuỗi cung ứng, chúng ta có thể chia thành:

- *Kho trung chuyển*

Là loại kho đóng vai trò là điểm tập kết tạm thời, nơi hàng hóa được tiếp nhận và nhanh chóng phân phối đến điểm đích mà không lưu trữ trong thời gian dài. Loại kho này có ưu điểm là giúp rút ngắn thời gian giao hàng, giảm chi phí lưu kho và phù hợp với các mô hình logistics tốc độ cao như thương mại điện tử. Tuy nhiên, kho trung chuyển không phù hợp với các loại hàng hóa cần bảo quản lâu dài, đồng thời yêu cầu quy trình vận hành nhanh và chính xác, nếu không dễ xảy ra sai sót trong quá trình xử lý.

- *Kho bảo quản*

Được sử dụng để lưu trữ hàng hóa trong thời gian dài, phổ biến trong các ngành như thực phẩm đông lạnh, nguyên vật liệu xây dựng hoặc linh kiện điện tử. Ưu điểm của loại kho này là đảm bảo duy trì chất lượng hàng hóa trong thời gian dài và đáp ứng nhu cầu dự trữ. Tuy nhiên, nhược điểm là chi phí lưu kho cao, dễ phát sinh tồn kho dư thừa và đòi hỏi công tác quản lý tồn kho chặt chẽ để tránh hư hỏng hoặc lỗi thời.

- *Kho trung tâm phân phối*

Là loại kho được thiết kế nhằm tối ưu hóa việc tiếp nhận hàng từ nhiều nguồn và phân phối đến các điểm bán lẻ hoặc khách hàng cuối cùng.

Kho này có ưu điểm là nâng cao hiệu quả phân phối, giảm chi phí vận chuyển tổng thể và hỗ trợ tốt cho chuỗi cung ứng hiện đại. Tuy nhiên, việc đầu tư xây dựng và vận hành kho trung tâm phân phối đòi hỏi chi phí lớn, đồng thời yêu cầu hệ thống công nghệ quản lý tiên tiến và quy trình vận hành phức tạp.

1.1.4.2. Phân loại theo đặc tính của hàng hóa

Tùy vào tính chất của hàng hóa mà kho có những yêu cầu bảo quản khác nhau. Một số loại kho hàng đặc thù gồm:

Kho lạnh: Lưu trữ thực phẩm tươi sống, dược phẩm, hoặc hóa chất cần bảo quản ở nhiệt độ thấp. Ví dụ, kho bảo quản vaccine thường yêu cầu nhiệt độ dưới -20°C . Ưu điểm của kho lạnh là giúp duy trì chất lượng và kéo dài thời gian sử dụng của hàng hóa. Tuy nhiên, chi phí đầu tư và vận hành loại kho này khá cao, đồng thời yêu cầu kỹ thuật nghiêm ngặt và tiềm ẩn rủi ro nếu hệ thống làm lạnh gặp sự cố.

Kho hàng nguy hiểm: Lưu trữ hàng dễ cháy nổ, hóa chất độc hại, cần tuân thủ nghiêm ngặt các quy định an toàn. Ưu điểm của kho này là đảm bảo an toàn trong quá trình lưu trữ và tuân thủ các quy định pháp luật. Tuy nhiên, việc xây dựng và vận hành kho đòi hỏi tiêu chuẩn cao, chi phí lớn và quy trình quản lý nghiêm ngặt, đồng thời tiềm ẩn nhiều rủi ro nếu xảy ra sai sót.

Kho hàng có kiểm soát độ ẩm: Dành cho các mặt hàng như giấy tờ quan trọng, thuốc lá, đồ điện tử – những hàng hóa dễ bị ảnh hưởng bởi độ ẩm cao. Ưu điểm của loại kho này là hạn chế hư hỏng do tác động của môi trường. Tuy nhiên, chi phí đầu tư và vận hành tương đối cao, đồng thời cần theo dõi và kiểm soát liên tục.

Kho ngoại quan: Sử dụng cho hàng nhập khẩu chưa làm thủ tục hải quan. Doanh nghiệp có thể bảo quản hàng trong kho này mà chưa phải đóng thuế nhập khẩu ngay. Ưu điểm nổi bật của kho ngoại quan là giúp doanh nghiệp chưa phải nộp thuế nhập khẩu ngay, từ đó tăng tính linh hoạt trong hoạt động kinh doanh và hỗ trợ tái xuất hàng hóa. Tuy nhiên, kho chịu sự kiểm soát chặt chẽ của cơ quan hải quan, thủ tục phức tạp và không phù hợp cho lưu trữ dài hạn.

1.1.4.3. Phân loại theo quyền sở hữu

Không phải doanh nghiệp nào cũng có điều kiện đầu tư một kho riêng. Vì vậy, các mô hình kho theo quyền sở hữu đã ra đời để đáp ứng nhu cầu khác nhau:

Kho riêng (Private Warehouse)

Doanh nghiệp tự xây dựng và vận hành kho để phục vụ nhu cầu nội bộ, như kho của các tập đoàn lớn như Coca-Cola hay Vinamilk. Ưu điểm của loại kho này là doanh nghiệp có toàn quyền kiểm soát, đảm bảo tính bảo mật và phù hợp với các doanh nghiệp có quy mô lớn. Tuy nhiên, chi phí đầu tư ban đầu cao và thiếu tính linh hoạt khi nhu cầu lưu trữ thay đổi.

Kho thuê ngoài (Public Warehouse)

Dịch vụ cho thuê kho giúp doanh nghiệp linh hoạt về mặt chi phí, phù hợp với những công ty không muốn đầu tư vốn lớn vào cơ sở hạ tầng kho bãi. Ưu điểm của loại kho này là giúp doanh nghiệp giảm chi phí đầu tư ban đầu, linh hoạt trong sử dụng và giảm gánh nặng quản lý. Tuy nhiên, doanh nghiệp sẽ bị hạn chế về quyền kiểm soát và phụ thuộc vào đơn vị cung cấp dịch vụ.

Kho chung (Shared Warehouse)

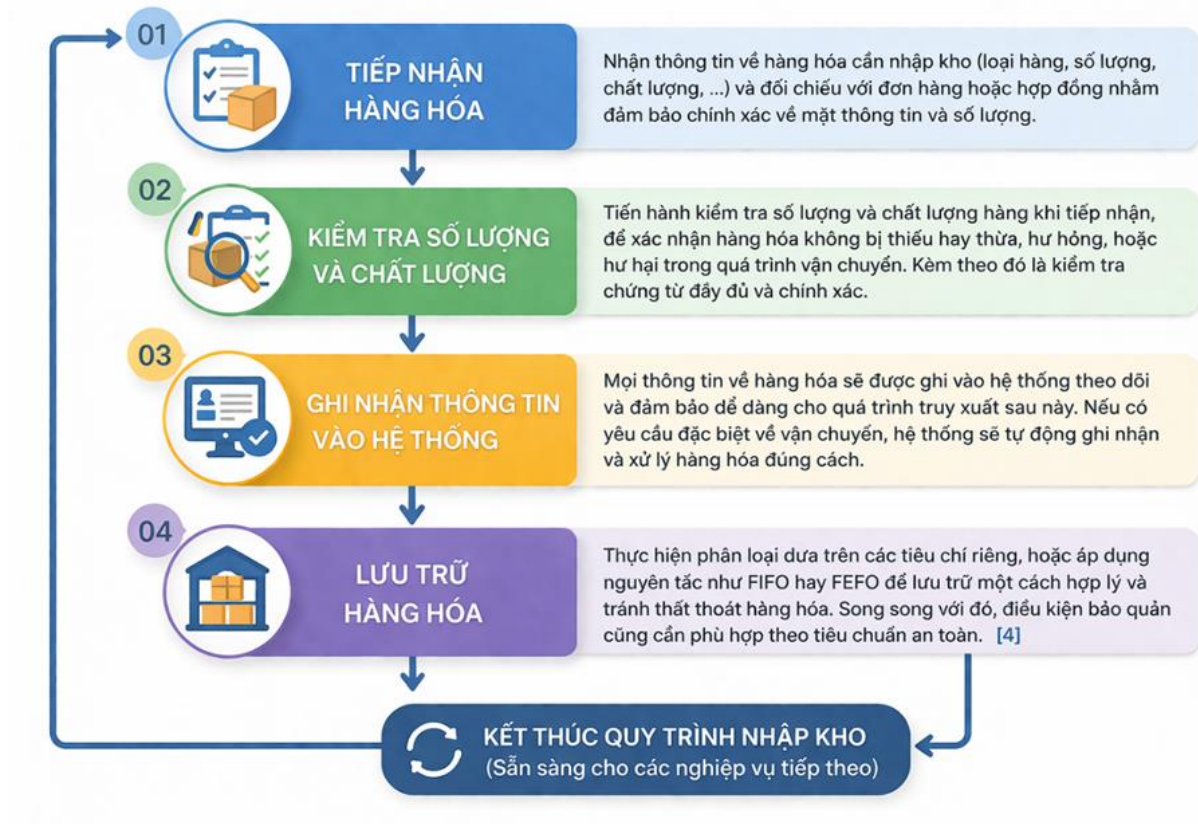
Một dạng kho thuê nhưng nhiều doanh nghiệp cùng sử dụng. Điều này giúp tiết kiệm chi phí trong khi vẫn có thể tận dụng hệ thống logistics hiện đại từ đơn vị vận hành kho. Ưu điểm là tiết kiệm chi phí, tận dụng được cơ sở hạ tầng hiện đại và phù hợp với các doanh nghiệp có nhu cầu lưu trữ không ổn định. Tuy nhiên, việc quản lý hàng hóa có thể phức tạp, dễ xảy ra nhầm lẫn và phụ thuộc vào đơn vị vận hành kho [1]

1.2 Nội dung công tác quản lý kho

Công tác quản lý kho là một hoạt động quan trọng trong hệ thống logistics của doanh nghiệp, nhằm đảm bảo quá trình lưu trữ, bảo quản và lưu chuyển hàng hóa diễn ra một cách hiệu quả, chính xác và an toàn. Việc quản lý kho không chỉ giúp doanh nghiệp kiểm soát tốt số lượng và tình trạng hàng hóa mà còn góp phần tối ưu hóa chi phí lưu trữ và nâng cao hiệu quả hoạt động phân phối.

1.2.1 Quản lý nhập kho

Quản lý nhập kho là quá trình tiếp nhận hàng hóa từ nhà cung cấp, nhà sản xuất hoặc đơn vị vận chuyển vào kho của doanh nghiệp ,hoạt động này bao gồm:



Hình 1.1: Nội dung công tác quản lý kho

Tiếp nhận hàng hóa: Nhận thông tin về hàng hóa cần nhập kho (loại hàng, số lượng, chất lượng...) và đối chiếu với đơn hàng hoặc hợp đồng nhằm đảm bảo chính xác về mặt thông tin và số lượng.

Kiểm tra số lượng và chất lượng: Tiến hành kiểm tra số lượng và chất lượng hàng khi tiếp nhận, để xác nhận hàng hóa không bị thiếu hay thừa, hư hỏng, hoặc hư hại trong quá trình vận chuyển. Kèm theo đó là kiểm tra chứng từ đầy đủ và chính xác.

Ghi nhận thông tin vào hệ thống: Mọi thông tin về hàng hóa sẽ được ghi vào hệ thống theo dõi và đảm bảo dễ dàng cho quá trình truy xuất sau này. Nếu có yêu cầu đặc biệt về vận chuyển, hệ thống sẽ tự động ghi nhận và xử lý hàng hóa đúng cách.

Lưu trữ hàng hóa: Thực hiện phân loại dựa trên các tiêu chí riêng, hoặc áp dụng nguyên tắc như FIFO hay FEFO để lưu trữ một cách hợp lý và tránh thất thoát hàng hóa. Song song với đó, điều kiện bảo quản cũng cần phù hợp theo tiêu chuẩn an toàn. [2]

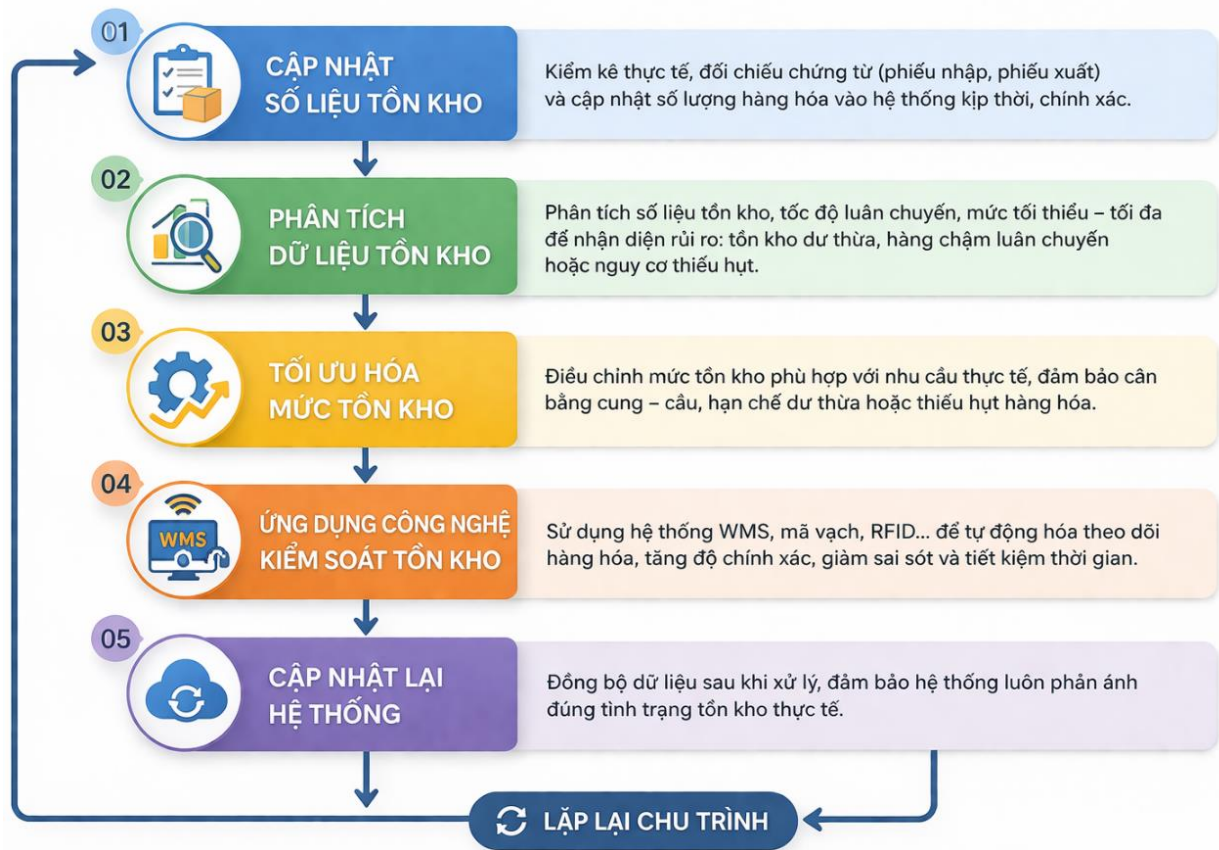
1.2.2 Quản lý lưu trữ hàng hóa

Quản lý lưu trữ hàng hóa là hoạt động sắp xếp, bố trí và bảo quản hàng hóa trong kho một cách hợp lý nhằm đảm bảo an toàn và thuận tiện cho việc quản lý. Tùy theo đặc tính của từng loại hàng hóa, doanh nghiệp áp dụng các phương pháp lưu trữ phù hợp như phân loại theo chủng loại, kích thước, thời gian nhập kho hoặc điều kiện bảo quản. Việc quản lý lưu trữ hàng hóa hiệu quả giúp tối ưu hóa không gian kho và hạn chế hư hỏng hàng hóa [2]

1.2.3 Quản lý tồn kho

Quản lý tồn kho là quá trình theo dõi, kiểm soát và điều chỉnh số lượng hàng hóa hiện có trong kho nhằm đảm bảo sự cân đối giữa nhu cầu sử dụng và khả năng cung ứng. Hoạt động này bao gồm việc kiểm kê định kỳ, cập nhật số liệu tồn kho, phân tích tình hình biến động hàng hóa và đưa ra các quyết định bổ sung hoặc điều chỉnh lượng hàng tồn kho khi cần thiết. Quản lý tồn kho hiệu quả giúp doanh nghiệp tránh tình trạng thiếu hụt hàng hóa hoặc tồn kho quá mức, từ đó tối ưu hóa chi phí lưu trữ và nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Quy trình kiểm soát lưu trữ tồn kho:



Hình 1.2: Quy trình kiểm soát lưu trữ tồn kho

Cập nhật số liệu tồn kho: Mỗi khi có sự thay đổi về số lượng hàng hóa, doanh nghiệp cần kiểm lại hàng hóa thực tế, đối chiếu chứng từ và so với dữ liệu liên quan. Hành động này có thể thực hiện thủ công hoặc tự động, tùy vào hệ thống kho mà doanh nghiệp sử dụng.

Phân tích dữ liệu tồn kho: Tồn kho quá cao hay quá thấp cũng sẽ gây ra những ảnh hưởng nhất định, vì vậy doanh nghiệp có thể áp dụng các phương pháp phân tích và mô hình định lượng nhằm nâng cao hiệu quả kiểm soát hàng hóa.

Tối ưu hóa mức tồn kho: Mức tồn kho cần điều chỉnh cho phù hợp với nhu cầu thực tế của thị trường, vì mục tiêu tối ưu hóa tồn kho là giảm thiểu tình trạng thừa hoặc thiếu hàng.

Ứng dụng công nghệ kiểm soát tồn kho: Sử dụng các phần mềm kiểm soát tồn kho WMS hoặc RFID để tiết kiệm thời gian, tiết kiệm chi phí, tăng độ chính xác và tối ưu hóa quản lý tồn kho. [2]

1.2.4 Quản lý xuất kho

Quản lý xuất kho là quá trình chuẩn bị và thực hiện việc xuất hàng hóa từ kho để phục vụ cho hoạt động sản xuất, phân phối hoặc giao hàng cho khách hàng. Hoạt động này bao gồm việc kiểm tra chứng từ xuất kho, chuẩn bị và đóng gói hàng hóa, kiểm tra số lượng và chất lượng trước khi giao hàng cũng như cập nhật thông tin xuất kho vào hệ thống quản lý. Việc quản lý xuất kho chặt chẽ giúp đảm bảo hàng hóa được giao đúng số lượng, đúng chủng loại và đúng thời gian theo yêu cầu.

Quy trình xuất kho:



Hình 1.3: Quy trình xuất kho

Nhận đơn hàng xuất kho: Các bộ phận ban liên quan sẽ được yêu cầu xuất hàng. Sau khi kiểm tra kỹ lưỡng, nếu có bất kỳ sự thiếu hụt nào, cần báo ngay cho bộ phận liên quan để có phương án giải quyết.

Chuẩn bị hàng hóa: Nhân viên kho tiến hành lấy hàng dựa trên yêu cầu trong đơn hàng. Lưu ý kiểm tra kỹ số lượng, chất lượng và các yêu cầu đặc biệt (nếu có) của hàng hóa để giảm thiểu rủi ro giao sai hoặc hư hỏng trong quá trình vận chuyển.

Đóng gói và ghi nhận thông tin: Tùy thuộc vào loại hàng, sử dụng vật liệu đóng gói phù hợp để bảo vệ hàng hóa.

Sau đó cập nhập thông tin chi tiết loại hàng xuất kho trên hệ thống phần mềm quản lý kho.

Giao hàng: Hàng sẽ chuyển giao cho bộ phận vận chuyển hoặc đối tác logistics. Và khi hàng được giao tới tay khách hàng, bước cuối cùng là nhận xác nhận từ họ để hoàn tất quy trình xuất kho. [2]

1.3 . Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý kho

Công tác quản lý kho là một hoạt động quan trọng trong hệ thống logistics của doanh nghiệp, nhằm đảm bảo quá trình lưu trữ, bảo quản và lưu chuyển hàng hóa diễn ra một cách hiệu quả, chính xác và an toàn. Việc quản lý kho không chỉ giúp doanh nghiệp kiểm soát tốt số lượng và tình trạng hàng hóa mà còn góp phần tối ưu hóa chi phí lưu trữ và nâng cao hiệu quả hoạt động phân phối.

1.3.1.Yếu tố bên trong

1.3.1.1 Nhân sự kho

Nhân sự kho là yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến hiệu quả của hoạt động quản lý kho. Đội ngũ nhân sự trong kho thường bao gồm quản lý kho, nhân viên kho, nhân viên kiểm kê và công nhân bốc xếp. Các nhân sự này chịu trách nhiệm thực hiện các công việc như tiếp nhận hàng hóa, kiểm tra số lượng và tình trạng hàng hóa, sắp xếp và lưu trữ hàng trong kho, cũng như thực hiện các hoạt động xuất kho theo yêu cầu.

Trình độ chuyên môn, kinh nghiệm làm việc và ý thức trách nhiệm của nhân sự kho có ảnh hưởng lớn đến độ chính xác trong việc quản lý hàng hóa cũng như khả năng hạn chế sai sót trong quá trình nhập – xuất kho. Do đó, doanh nghiệp cần chú trọng đến việc đào tạo, nâng cao kỹ năng chuyên môn và phân công công việc hợp lý cho đội ngũ nhân sự kho nhằm nâng cao hiệu quả quản lý.

1.3.1.2 Trang thiết bị và cơ sở vật chất

Trang thiết bị và cơ sở vật chất là yếu tố quan trọng hỗ trợ cho hoạt động vận hành và quản lý kho. Các trang thiết bị thường được sử dụng trong kho bao gồm hệ thống kệ chứa hàng, pallet, xe nâng, cân điện tử, hệ thống camera giám sát và các thiết bị hỗ trợ bốc xếp hàng hóa.

Bên cạnh đó, cơ sở vật chất của kho như diện tích kho, hệ thống chiếu sáng, thông gió, hệ thống phòng cháy chữa cháy và khu vực phân loại hàng hóa cũng ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng lưu trữ và bảo quản hàng hóa. Việc đầu tư đầy đủ và bố trí hợp lý các trang thiết bị và cơ sở vật chất sẽ giúp tối ưu hóa không gian lưu trữ, nâng cao hiệu quả quản lý và giảm thiểu rủi ro hư hỏng hàng hóa trong quá trình lưu trữ.

1.3.1.3 Hệ thống phần mềm quản lý kho

Hệ thống phần mềm quản lý kho là công cụ công nghệ thông tin được sử dụng để hỗ trợ doanh nghiệp trong việc quản lý và kiểm soát các hoạt động diễn ra trong kho. Thông qua hệ thống phần mềm, các thông tin liên quan đến hàng hóa như số lượng, chủng loại, vị trí lưu trữ và tình trạng tồn kho được cập nhật và quản lý một cách chính xác và kịp thời.

Việc ứng dụng phần mềm quản lý kho giúp doanh nghiệp nâng cao hiệu quả quản lý hàng hóa, giảm thiểu sai sót trong quá trình nhập – xuất kho, đồng thời hỗ trợ theo dõi và kiểm soát tồn kho một cách hiệu quả. Bên cạnh đó, hệ thống phần mềm còn giúp lưu trữ và xử lý dữ liệu nhanh chóng, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tra cứu thông tin và hỗ trợ doanh nghiệp đưa ra các quyết định quản lý phù hợp.

1.3.2 Yếu tố bên ngoài

1.3.2.1 Môi trường kinh tế

Môi trường kinh tế có ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động quản lý kho của doanh nghiệp. Các yếu tố như tốc độ tăng trưởng kinh tế, mức độ phát triển của thị trường, lạm phát hay biến động giá cả hàng hóa đều có thể tác động đến nhu cầu lưu trữ và phân phối hàng hóa.

Khi nền kinh tế phát triển và nhu cầu tiêu dùng tăng cao, lượng hàng hóa lưu chuyển trong hệ thống logistics cũng gia tăng, kéo theo nhu cầu mở rộng quy mô và nâng cao hiệu quả quản lý kho. Ngược lại, khi nền kinh tế gặp khó khăn, doanh nghiệp có thể phải điều chỉnh quy mô tồn kho và tối ưu hóa chi phí lưu trữ để thích ứng với sự thay đổi của thị trường.

1.3.2.2 Hạ tầng logistics

Hệ thống hạ tầng logistics là một yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của kho hàng. Hạ tầng logistics bao gồm hệ thống giao thông vận tải, cảng biển, sân bay, trung tâm logistics và các tuyến vận chuyển kết nối giữa các khu vực.

Một hệ thống hạ tầng logistics phát triển và đồng bộ sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc vận chuyển và lưu chuyển hàng hóa, giúp rút ngắn thời gian giao nhận và nâng cao hiệu quả quản lý kho. Ngược lại, nếu hạ tầng logistics chưa phát triển hoặc thiếu đồng bộ, quá trình vận chuyển và phân phối hàng hóa có thể gặp nhiều khó khăn, từ đó ảnh hưởng đến hoạt động của kho.

1.3.2.3 Nhu cầu khách hàng

Nhu cầu của khách hàng là một trong những yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến hoạt động quản lý kho của doanh nghiệp. Sự thay đổi về số lượng đơn hàng, chủng loại sản phẩm và thời gian giao hàng có thể tác động trực tiếp đến lượng hàng tồn kho cũng như cách thức tổ chức hoạt động trong kho.

Khi nhu cầu của khách hàng tăng cao hoặc có sự biến động lớn, doanh nghiệp cần có kế hoạch điều chỉnh lượng hàng tồn kho và tổ chức hoạt động kho bãi một cách linh hoạt

để đáp ứng kịp thời yêu cầu của thị trường. Do đó, việc theo dõi và dự báo nhu cầu khách hàng đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả quản lý kho và đảm bảo khả năng cung ứng hàng hóa của doanh nghiệp.

1.4 Tổ chức và bố trí kho

Tổ chức và bố trí kho là việc sắp xếp hệ thống không gian, hàng hóa, thiết bị và nhân sự một cách khoa học nhằm tối ưu hóa diện tích lưu trữ, tăng tốc độ xuất nhập và đảm bảo an toàn hàng hóa. Quy trình này bao gồm việc phân khu chức năng (nhập, lưu trữ, xuất), thiết lập sơ đồ kệ hàng và quản lý quy trình kho

1.4.1 Nguyên tắc bố trí kho

Việc bố trí và sắp xếp kho hàng đóng vai trò quan trọng trong hoạt động quản lý kho của doanh nghiệp. Một cách bố trí kho hợp lý không chỉ giúp tối ưu hóa diện tích lưu trữ mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động nhập kho, lưu trữ và xuất kho diễn ra nhanh chóng và hiệu quả. Đồng thời, việc sắp xếp hàng hóa khoa học còn góp phần giảm thiểu rủi ro hư hỏng hàng hóa, tiết kiệm thời gian tìm kiếm và nâng cao hiệu quả vận hành của kho.

Các bước tổ chức và bố trí kho tối ưu

Phân loại và mã hóa hàng hóa (SKU): Mã SKU (Stock Keeping Unit) là mã số hoặc ký tự đại diện cho từng loại sản phẩm trong kho. Việc sử dụng mã SKU giúp doanh nghiệp dễ dàng quản lý hàng hóa, nhanh chóng tìm kiếm sản phẩm và theo dõi tồn kho một cách chính xác. Với mã SKU, quá trình kiểm kê và quản lý hàng hóa trở nên đơn giản hơn rất nhiều, giảm thiểu sai sót và tăng hiệu quả công việc.

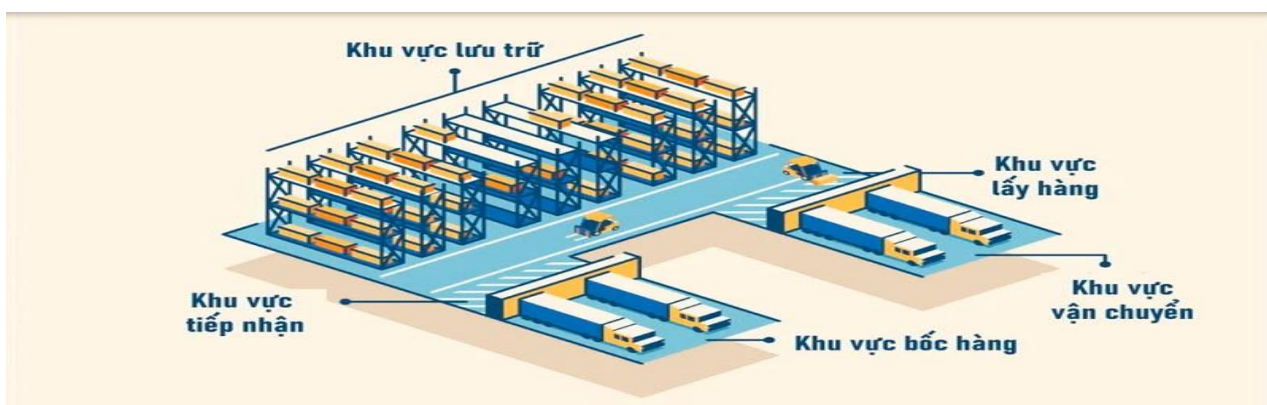
Khoanh vùng khu vực và lập sơ đồ kho hoàn chỉnh: Khoanh vùng và lập sơ đồ kho là bước quan trọng để tối ưu hóa không gian và quản lý hàng hóa. Khi phân loại hàng hóa, doanh nghiệp nên dựa trên tính chất, tần suất sử dụng, kích thước và trọng lượng của từng loại.

Các khu vực chính trong kho nên được quy định rõ ràng, bao gồm khu vực nhập hàng, lưu trữ, đóng gói và xuất hàng. Điều này giúp cho việc quản lý và di chuyển hàng

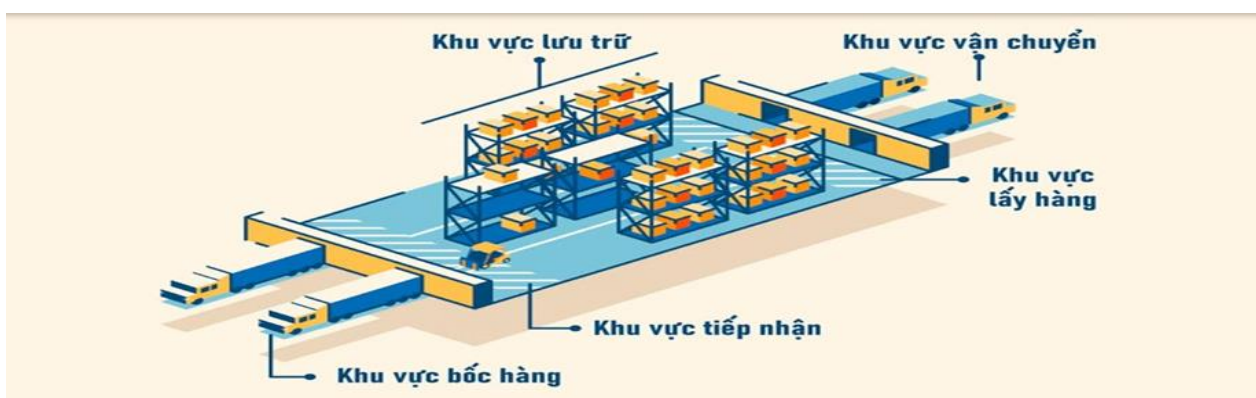
hóa trở nên dễ dàng và hiệu quả hơn. Ngoài ra, cần chú ý đến tiện ích và an toàn, đảm bảo lối đi rộng rãi, dễ dàng di chuyển và phòng chống cháy nổ.

Có ba mẫu sơ đồ kho phổ biến:

- Sơ đồ chữ U: *thích hợp cho kho có diện tích nhỏ, tối ưu không gian di chuyển và dễ quản lý*
- Sơ đồ chữ I: *phù hợp với các kho dài và hẹp, tạo lối đi thẳng từ đầu đến cuối, giúp di chuyển thuận tiện*
- Sơ đồ chữ L: *Lý tưởng cho các kho có hình dáng không đều, tối ưu hóa không gian góc và giúp sử dụng hiệu quả diện tích*



Hình 1.4: Sơ đồ chữ U



Hình 1.5: Sơ đồ chữ I



Hình 1.6: Sơ đồ hình chữ L

Áp dụng các nguyên tắc xếp hàng phù hợp

Áp dụng các nguyên tắc xếp hàng phù hợp là điều cần thiết để đảm bảo hiệu quả quản lý kho.

- Nguyên tắc FIFO (First In, First Out) tức là hàng hóa nhập trước sẽ được xuất trước, giúp tránh hư hỏng và quá hạn sử dụng.
- Nguyên tắc LIFO (Last In, First Out) là hàng hóa nhập sau sẽ được xuất trước, phù hợp với những mặt hàng không có hạn sử dụng.
- Ngoài ra, nguyên tắc ABC phân loại hàng hóa theo giá trị và tần suất sử dụng để bố trí hàng hóa một cách hợp lý, giúp tối ưu hóa quy trình quản lý.

Sử dụng kệ kho hàng phù hợp

Không chỉ dừng lại ở việc bố trí không gian, việc lựa chọn và sử dụng kệ kho hàng phù hợp cũng góp phần quan trọng vào việc tối ưu hóa hoạt động kho bãi. Kệ pallet là giải pháp lý tưởng cho việc lưu trữ hàng hóa có tải trọng lớn và kích thước công kênh, giúp tận dụng tối đa không gian sàn.

Kệ tầng lại cho phép tận dụng chiều cao của kho, tiết kiệm diện tích mặt bằng và tăng khả năng lưu trữ. Còn đối với những kho hàng cần sự linh hoạt, kệ di động là một lựa chọn tối ưu, giúp dễ dàng di chuyển và tiếp cận hàng hóa khi cần thiết.

Việc kết hợp các loại kệ kho hàng khác nhau một cách khoa học sẽ tạo nên một hệ thống lưu trữ hiệu quả, đáp ứng tốt nhu cầu của doanh nghiệp và tối ưu hóa không gian kho bãi.

Mỗi ngành hàng và mỗi doanh nghiệp sẽ có nhu cầu lưu trữ hàng hoá khác nhau, vì vậy doanh nghiệp nên tìm hiểu thật kỹ về những loại kệ chuyên dụng dành riêng cho ngành hàng của mình.

Lắp đặt các biển chỉ dẫn

Lắp đặt các biển chỉ dẫn trong kho hàng là một bước không thể thiếu để đảm bảo quy trình vận hành trơn tru và an toàn cho nhân viên. Các biển chỉ dẫn không chỉ giúp nhân viên định hướng và tìm kiếm hàng hóa một cách dễ dàng, mà còn là phần quan trọng trong việc thiết lập một môi trường làm việc chuyên nghiệp và tuân thủ các quy định an toàn.

Các loại biển báo có thể bao gồm nhưng không giới hạn ở biển chỉ dẫn vị trí, biển báo an toàn, biển hướng dẫn sử dụng thiết bị, và biển thông tin về hàng hóa. Mỗi biển chỉ dẫn nên được thiết kế rõ ràng, dễ đọc và có vị trí đặt hợp lý để dễ quan sát.

Biển báo chỉ dẫn không chỉ là cần thiết mà còn là điều bắt buộc đối với doanh nghiệp khi vận hành kho bãi, đảm bảo tất cả mọi người khi vào kho đều được chỉ dẫn và thực hiện đúng chức năng của từng vị trí. Tránh rủi ro gây hư hỏng tài sản và ảnh hưởng đến sức khỏe của người lao động khi làm việc tại kho. [3]

1.4.2 Các phương pháp sắp xếp hàng hóa

Trong hoạt động quản lý kho, việc sắp xếp hàng hóa hợp lý giúp doanh nghiệp dễ dàng kiểm soát, tiết kiệm thời gian tìm kiếm và nâng cao hiệu quả nhập – xuất kho. Tùy theo đặc điểm hàng hóa và điều kiện vận hành, doanh nghiệp có thể áp dụng nhiều phương pháp khác nhau như: [3]

1.4.2.1. Các phương pháp và nguyên tắc sắp xếp hàng hóa chính

a) phương pháp và nguyên tắc sắp xếp

Sắp xếp theo đặc tính khu vực

Phân loại hàng hóa dựa trên tính chất vật lý và nhu cầu vận hành để đảm bảo an toàn.

Sắp xếp theo đặc tính bảo quản: Chia khu vực riêng cho hàng cần nhiệt độ lạnh, độ ẩm thấp, hoặc tránh ánh sáng trực tiếp để đảm bảo chất lượng.

Sắp xếp theo khu vực chức năng: Phân chia rõ ràng các khu vực: Khu nhập hàng, khu lưu trữ chính, khu đóng gói và khu xuất hàng để quy trình vận hành trơn tru.

Khu vực hàng đặc biệt: Cách ly các mặt hàng dễ cháy nổ, hóa chất độc hại hoặc hàng có giá trị cao vào các khu vực lưu trữ chuyên biệt có kiểm soát an ninh. [3]

Nguyên tắc quản lý luồng hàng (FIFO, LIFO, FEFO):

FIFO (First In, First Out - Nhập trước, Xuất trước): Hàng hóa nhập vào trước sẽ được xuất đi trước. Phù hợp với hàng có hạn sử dụng ngắn hoặc dễ lỗi thời.

LIFO (Last In, First Out - Nhập sau, Xuất trước): Hàng mới nhập được xếp phía trước để xuất đi ngay. Thường dùng cho vật liệu xây dựng (gạch, cát, đá) không bị ảnh hưởng bởi thời gian.

FEFO (First Expired, First Out - Hạn dùng trước, Xuất trước): Ưu tiên xuất các lô hàng có ngày hết hạn gần nhất, bất kể thời điểm nhập kho. Đây là quy tắc bắt buộc cho thực phẩm và dược phẩm. [4]

Tối ưu không gian bằng kệ và lối đi:

Sử dụng pallet để chồng hàng an toàn, tiết kiệm diện tích sàn.

Sắp xếp hàng thường xuyên xuất nhập ở khu vực gần cửa, tầng thấp để thuận tiện di chuyển.

Quản lý bằng hệ thống:

Đánh dấu vị trí hàng hóa (vị trí pallet, tầng kệ, lối đi) và sử dụng sơ đồ kho.

Sử dụng mã SKU (Stock Keeping Unit) để định danh sản phẩm, kết hợp phần mềm quản lý kho, theo Nhanh.vn, [Bizfly](http://Bizfly.vn),... [4]

b) Sắp xếp theo đặc tính và khu vực

Phân loại hàng hóa dựa trên tính chất vật lý và nhu cầu vận hành để đảm bảo an toàn.

Sắp xếp theo đặc tính bảo quản: Chia khu vực riêng cho hàng cần nhiệt độ lạnh, độ ẩm thấp, hoặc tránh ánh sáng trực tiếp để đảm bảo chất lượng.

Sắp xếp theo khu vực chức năng: Phân chia rõ ràng các khu vực: Khu nhập hàng, khu lưu trữ chính, khu đóng gói và khu xuất hàng để quy trình vận hành trơn tru.

Khu vực hàng đặc biệt: Cách ly các mặt hàng dễ cháy nổ, hóa chất độc hại hoặc hàng có giá trị cao vào các khu vực lưu trữ chuyên biệt có kiểm soát an ninh. [3]

c) Tối ưu theo tần suất và kích thước

Phương pháp này tập trung vào việc giảm thiểu thời gian di chuyển và tận dụng diện tích.

Sắp xếp theo tần suất lưu chuyển: Hàng bán chạy (Fast-moving) được đặt ở vị trí thấp, gần cửa xuất hàng. Hàng ít biến động (Slow-moving) đặt ở vị trí cao hơn hoặc phía sâu bên trong kho.

Sắp xếp theo kích thước và trọng lượng: Hàng nặng, cồng kềnh đặt ở tầng thấp nhất của giá kệ để đảm bảo an toàn. Hàng nhẹ, nhỏ gọn xếp ở các tầng cao hơn.

Quy hoạch mã hàng (SKU): Mỗi loại sản phẩm có mã riêng và vị trí cố định, giúp nhân viên tìm kiếm và kiểm kê nhanh chóng thông qua sơ đồ kho. [4]

1.5 Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả quản lý kho

Để đánh giá mức độ hiệu quả của công tác quản lý kho, doanh nghiệp thường sử dụng hệ thống các chỉ tiêu phản ánh khả năng kiểm soát hàng hóa, mức độ sử dụng không gian lưu trữ cũng như hiệu quả vận hành tổng thể của kho bãi. Các chỉ tiêu này không chỉ giúp doanh nghiệp theo dõi tình hình tồn kho theo thời gian mà còn là cơ sở để phân tích, phát hiện các vấn đề tồn tại và đề xuất các giải pháp cải thiện phù hợp. Việc áp dụng đồng bộ các chỉ tiêu đánh giá sẽ góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động logistics, tối ưu chi phí và cải thiện mức độ đáp ứng nhu cầu khách hàng.

1.5.1 Tỷ lệ luân chuyển tồn kho (ITR)

Tỷ lệ luân chuyển tồn kho (Inventory Turnover Rate - ITR) là chỉ số quan trọng đo lường tốc độ hàng tồn kho được bán, sử dụng hoặc thay thế.

Công thức tính:

$$\text{Tỷ lệ luân chuyển tồn kho} = \frac{\text{Giá vốn hàng bán}}{\text{Giá trị tồn kho trung bình}} \times 100\%$$

Tỷ lệ luân chuyển cao cho thấy hàng hóa được tiêu thụ nhanh, giảm chi phí lưu kho và rủi ro lỗi thời. Ngược lại, tỷ lệ thấp có thể dẫn đến tồn đọng hàng hóa, làm gia tăng chi phí bảo quản và ảnh hưởng đến dòng tiền của doanh nghiệp.

Mức độ đánh giá tỷ lệ luân chuyển tồn kho (ITR)

ITR cao cho thấy hàng hóa luân chuyển nhanh, thời gian lưu kho ngắn, giúp giảm chi phí lưu kho và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. Đồng thời hạn chế rủi ro hàng lỗi thời, hư hỏng.(tốt)

ITR quá cao phản ánh mức tồn kho quá thấp, dễ dẫn đến thiếu hàng khi nhu cầu tăng, gây gián đoạn bán hàng và phát sinh chi phí bổ sung hàng hóa gấp.(cảnh báo)

ITR thấp cho thấy hàng tồn kho lớn, luân chuyển chậm, làm tăng chi phí lưu kho và gây ứ đọng vốn, đồng thời tiềm ẩn rủi ro hàng hóa lỗi thời hoặc giảm giá trị.(không tốt)

Ý nghĩa : Phản ánh tốc độ luân chuyển hàng hóa trong kho, từ đó đánh giá hiệu quả sử dụng vốn và khả năng tiêu thụ hàng hóa. Chỉ tiêu này cho thấy doanh nghiệp có đang duy trì mức tồn kho hợp lý hay không.

1.5.2. Tỷ lệ hoàn thành giao hàng đúng hạn (OTIF)

Tỷ lệ hoàn thành giao hàng đúng hạn (On Time In Full - OTIF) đo lường khả năng giao hàng đầy đủ và đúng hạn của nhà cung cấp hoặc nhà sản xuất.

Công thức tính:

$$\text{Tỷ lệ hoàn thành giao hàng đúng hạn} = \frac{\text{Số lượng đơn hàng giao đúng hạn}}{\text{tổng số đơn hàng đã giao}} \times 100\%$$

Chỉ số này có ý nghĩa quan trọng trong việc đánh giá độ tin cậy của chuỗi cung ứng và mức độ hài lòng của khách hàng. OTIF càng cao chứng tỏ doanh nghiệp có khả năng đáp ứng tốt các cam kết giao hàng.

Mức độ đánh giá tỷ lệ hoàn thành giao hàng đúng hạn (OTIF)

Tỷ lệ hoàn thành giao hàng đúng hạn $\geq 95\%$ (Rất tốt). Đảm bảo gần như toàn bộ đơn hàng được giao đúng thời gian cam kết, cho thấy quy trình vận hành và phối hợp logistics hiệu quả. Mức này giúp doanh nghiệp duy trì độ tin cậy cao, nâng cao sự hài lòng và củng cố mối quan hệ lâu dài với khách hàng.

Tỷ lệ hoàn thành giao hàng đúng hạn $90\% - 95\%$ (tốt). Phần lớn đơn hàng được giao đúng hạn, phản ánh hoạt động tương đối ổn định. Tuy nhiên, vẫn tồn tại một tỷ lệ nhỏ đơn hàng trễ, đòi hỏi doanh nghiệp cần theo dõi và kiểm soát tốt hơn ở các khâu như điều phối vận chuyển hoặc xử lý đơn hàng.

Tỷ lệ hoàn thành giao hàng đúng hạn $< 90\%$: (Cần cải thiện) Tình trạng giao hàng trễ xảy ra với tần suất đáng kể, có thể bắt nguồn từ hạn chế trong lập kế hoạch, năng lực vận chuyển hoặc phối hợp giữa các bộ phận. Điều này bắt đầu ảnh hưởng đến trải nghiệm khách hàng và hiệu quả dịch vụ.

Tỷ lệ hoàn thành giao hàng đúng hạn $< 80\%$: (Kém, ảnh hưởng lớn đến khách hàng) Tỷ lệ giao hàng trễ cao, phản ánh sự thiếu ổn định trong toàn bộ quá trình vận hành. Điều này không chỉ làm giảm mức độ hài lòng mà còn ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín doanh nghiệp, gia tăng khiếu nại và nguy cơ mất khách hàng.

Ý nghĩa : Đo lường mức độ thực hiện cam kết với khách hàng về thời gian và số lượng giao hàng. Đây là chỉ tiêu quan trọng đánh giá chất lượng dịch vụ logistics.

1.5.3. Độ chính xác của tồn kho (IAR)

Độ chính xác của tồn kho (Inventory Accuracy Rate - IAR) phản ánh mức độ khớp đúng giữa số liệu tồn kho trên hệ thống và số lượng thực tế kiểm kê tại kho.

Công thức tính độ chính xác của tồn kho

$$\left(1 - \frac{\text{Số lượng hàng hóa theo ghi nhận} - \text{Số lượng hàng hóa thực tế kiểm kê}}{\text{Số lượng hàng hóa theo ghi nhận}}\right) \times 100\%$$

Chỉ số này giúp ngăn ngừa tình trạng thiếu hàng, dư thừa và đảm bảo trải nghiệm khách hàng tích cực.

Mức độ đánh giá Độ chính xác của tồn kho

Độ chính xác của tồn kho $\geq 98\%$: (Rất tốt) Dữ liệu tồn kho gần như trùng khớp với thực tế, cho thấy hệ thống quản lý kho và quy trình kiểm soát hoạt động hiệu quả. Điều này giúp doanh nghiệp ra quyết định chính xác, hạn chế tối đa rủi ro thiếu hàng hoặc tồn kho sai lệch.

Độ chính xác của tồn kho $95\% - 98\%$: (bình thường) Sai lệch tồn kho ở mức thấp và trong phạm vi kiểm soát. Tuy nhiên, doanh nghiệp vẫn cần cải thiện quy trình kiểm kê, nhập – xuất dữ liệu để nâng cao độ chính xác và giảm thiểu rủi ro tiềm ẩn.

Độ chính xác của tồn kho $< 95\%$: (Sai lệch lớn, cần kiểm soát) Xuất hiện sự chênh lệch đáng kể giữa số liệu hệ thống và thực tế, có thể do sai sót trong ghi nhận, thất thoát hàng hóa hoặc quy trình quản lý chưa chặt chẽ. Điều này ảnh hưởng đến việc lập kế hoạch nhập – xuất và kiểm soát tồn kho.

Độ chính xác của tồn kho $< 90\%$: (Rủi ro cao) Sai lệch lớn, phản ánh hệ thống quản lý tồn kho thiếu kiểm soát. Doanh nghiệp dễ gặp tình trạng thiếu hàng hoặc dư thừa, gây gián đoạn hoạt động kinh doanh và làm giảm hiệu quả sử dụng vốn. (dễ thiếu hàng hoặc dư thừa)

Ý nghĩa : Chỉ tiêu này phản ánh độ tin cậy của dữ liệu tồn kho, là cơ sở quan trọng để doanh nghiệp đưa ra quyết định nhập hàng, xuất hàng và dự trữ hợp lý. Đồng thời, chỉ số này còn góp phần nâng cao hiệu quả vận hành kho và cải thiện chất lượng dịch vụ khách hàng.

1.5.4. Tỷ lệ hàng tồn kho lâu ngày (SLOB)

Tỷ lệ hàng tồn kho lâu ngày (Slow-Moving and Obsolete - SLOB) phản ánh phần trăm hàng tồn kho không di chuyển hoặc đã lỗi thời so với tổng tồn kho.

Công thức tính Tỷ lệ hàng tồn kho lâu ngày

$$\text{Tỷ lệ hàng tồn kho lâu ngày} = \frac{\text{Giá trị tồn kho lâu ngày}}{\text{Tổng giá trị tồn kho}} \times 100\%$$

Chỉ số này giúp đánh giá mức độ lành mạnh của tồn kho và xu hướng thay đổi. Tỷ lệ cao cho thấy tồn kho kém hiệu quả, làm tăng chi phí lưu trữ và nguy cơ giảm giá trị hàng hóa. Đây là chỉ dấu quan trọng về chất lượng dự báo và chiến lược mua hàng.

Mức độ đánh giá Tỷ lệ hàng tồn kho lâu ngày

Tỷ lệ hàng tồn kho lâu ngày < 10%: (Tốt) Mức tồn kho lành mạnh, phần lớn hàng hóa được luân chuyển hiệu quả. Doanh nghiệp kiểm soát tốt hoạt động nhập hàng và dự báo nhu cầu. (tồn kho lành mạnh)

Tỷ lệ hàng tồn kho lâu ngày 10% – 20%: (Trung bình) Bắt đầu xuất hiện một tỷ lệ hàng chậm luân chuyển, cho thấy dấu hiệu chưa tối ưu trong quản lý tồn kho hoặc dự báo nhu cầu, cần theo dõi và điều chỉnh.

Tỷ lệ hàng tồn kho lâu ngày > 20%: (Cao) Tồn kho kém hiệu quả, lượng hàng chậm luân chuyển lớn làm gia tăng chi phí lưu trữ và rủi ro giảm giá trị hàng hóa. Doanh nghiệp cần có biện pháp xử lý phù hợp. → (tồn kho kém hiệu quả)

Tỷ lệ hàng tồn kho lâu ngày > 30%: (Rất xấu) Tỷ lệ hàng tồn kho lâu ngày ở mức nghiêm trọng, phản ánh sai lệch lớn trong kế hoạch mua hàng hoặc tiêu thụ. Cần nhanh chóng triển khai các giải pháp như xả hàng, giảm giá hoặc thanh lý tồn kho. → (cần xử lý tồn kho ngày)

Ý nghĩa : Chỉ tiêu này phản ánh mức độ tồn kho kém hiệu quả và là cơ sở quan trọng để doanh nghiệp đánh giá chất lượng dự báo nhu cầu, chiến lược mua hàng và hiệu quả quản lý tồn kho. Qua đó, doanh nghiệp có thể đưa ra các quyết định phù hợp nhằm tối ưu hóa chi phí và cải thiện dòng tiền.

1.5.5. Chi phí lưu giữ tồn kho (ICC)

Chi phí lưu giữ tồn kho là tổng chi phí phát sinh trong quá trình doanh nghiệp duy trì hàng tồn kho trong một khoảng thời gian nhất định, bao gồm chi phí kho bãi, bảo quản, bảo hiểm, rủi ro hư hỏng và chi phí cơ hội của vốn.

Công thức tính Chi phí lưu giữ tồn kho

Chi phí lưu giữ tồn kho =

$$\frac{\text{Chi phí mua hàng tồn kho} + \text{chi phí rủi ro tồn kho} + \text{chi phí dịch vụ tồn kho}}{\text{số lượng hàng hóa theo ghi nhận}} \times 100\%$$

Chi phí này bao gồm chi phí kho bãi, bảo hiểm, hư hỏng và chi phí cơ hội. ICC càng cao chứng tỏ doanh nghiệp đang chịu áp lực lớn từ tồn kho.

Mức độ đánh giá (giá trị tồn kho/năm)

Chi phí lưu giữ tồn kho 10% – 20% (thấp) Chi phí lưu giữ tồn kho được kiểm soát hiệu quả, cho thấy doanh nghiệp quản lý tồn kho hợp lý và tối ưu hóa chi phí. (Tốt)

Chi phí lưu giữ tồn kho 20% – 30%: (Trung bình) Chi phí ở mức chấp nhận được nhưng còn tiềm năng tối ưu. Doanh nghiệp cần rà soát các yếu tố như tồn kho dư thừa hoặc chi phí lưu kho.

Chi phí lưu giữ tồn kho > 30%: (Cao) Chi phí lưu giữ tồn kho lớn, phản ánh tồn kho chưa tối ưu hoặc chi phí vận hành kho cao, làm giảm hiệu quả sử dụng vốn và lợi nhuận.
→ (tồn kho chưa tối ưu)

Ý nghĩa : Đo lường chi phí phát sinh khi duy trì tồn kho, bao gồm chi phí kho bãi, bảo quản, rủi ro và chi phí cơ hội. Là cơ sở để doanh nghiệp tối ưu mức tồn kho kinh tế và quyết định chính sách nhập hàng.

1.5.6. Tỷ lệ thiếu hàng (BR)

Tỷ lệ thiếu hàng (Backorder Rate) là tỷ lệ đơn hàng không được đáp ứng đầy đủ.

Công thức tính:

$$\text{Tỷ lệ thiếu hàng} = \frac{\text{Số lượng thiếu hàng}}{\text{tổng nhu cầu}} \times 100\%$$

Chỉ số này đánh giá chiến lược tồn kho và chuỗi cung ứng, đo lường mức độ không đáp ứng được nhu cầu của khách hàng. Tỷ lệ này càng cao càng ảnh hưởng tiêu cực đến trải nghiệm khách hàng và doanh thu. Nguyên nhân thường do dự báo sai hoặc tồn kho không hợp lý.

Mức độ đánh giá :

- *Tỷ lệ thiếu hàng dưới 5%: Thấp → quản lý tồn kho tốt, khả năng đáp ứng nhu cầu cao.*
- *Tỷ lệ thiếu hàng từ 5% – 10%: Trung bình → vẫn có thể chấp nhận được nhưng cần theo dõi.*
- *Tỷ lệ thiếu hàng trên 10%: Cao → cần cải thiện công tác dự báo nhu cầu và quản lý tồn kho.*

1.5.7. Độ chính xác của dự báo nhu cầu (DFA)

Độ chính xác của dự báo nhu cầu phản ánh mức độ chênh lệch giữa nhu cầu thực tế và nhu cầu dự báo. Chỉ tiêu này đặc biệt quan trọng đối với các doanh nghiệp sản xuất theo dự báo, do ảnh hưởng trực tiếp đến kế hoạch tồn kho và sản xuất.

Công thức tính

$$\text{Độ chính xác dự báo nhu cầu} = \left[1 - \frac{(\text{nhu cầu thực tế} - \text{nhu cầu dự báo})}{\text{nhu cầu dự báo}} \right] \times 100\%$$

Phản ánh mức độ chính xác của hoạt động dự báo. có ảnh hưởng trực tiếp đến toàn bộ hệ thống quản lý kho. Dự báo sai sẽ dẫn đến tồn kho dư thừa hoặc thiếu hụt.

Mức độ đánh giá :

Độ chính xác của dự báo nhu cầu $DFA \geq 90\%$: (Rất tốt) Dự báo sát với nhu cầu thực tế, giúp doanh nghiệp lập kế hoạch tồn kho và sản xuất hiệu quả, hạn chế tối đa tình trạng dư thừa hoặc thiếu hụt hàng hóa

Độ chính xác của dự báo nhu cầu $DFA 80\% - 90\%$: (Tốt) Dự báo tương đối chính xác, đáp ứng phần lớn nhu cầu thực tế. Tuy nhiên, vẫn tồn tại sai lệch nhất định cần được cải thiện thông qua việc nâng cao chất lượng dữ liệu và phương pháp dự báo.

Độ chính xác của dự báo nhu cầu $DF < 80\%$: (Dự báo chưa hiệu quả) Sai lệch giữa dự báo và thực tế khá lớn, có thể dẫn đến tồn kho dư thừa hoặc thiếu hụt, ảnh hưởng đến hiệu quả vận hành và chi phí.

Độ chính xác của dự báo nhu cầu $DFA < 70\%$: (Kém) Dự báo thiếu chính xác nghiêm trọng, gây mất cân đối cung – cầu, làm tăng chi phí tồn kho hoặc mất cơ hội kinh doanh do thiếu hàng. → gây dư thừa hoặc thiếu hụt lớn

Ý nghĩa: Chỉ tiêu này phản ánh chất lượng hoạt động dự báo nhu cầu – yếu tố đầu vào quan trọng của toàn bộ hệ thống quản lý tồn kho. Độ chính xác dự báo càng cao giúp doanh nghiệp tối ưu mức tồn kho, giảm chi phí và nâng cao khả năng đáp ứng khách hàng.

1.5.8. Hiệu suất đơn hàng hoàn hảo (POP)

Hiệu suất đơn hàng hoàn hảo (Perfect Order Performance - POP) có khái niệm tương đương với chỉ số giao hàng đúng hạn và đầy đủ

(OTIF, còn có tên khác là DIFOT - Delivery In Full, On Time). Tuy nhiên, OTIF thông thường chỉ xem xét yếu tố về số lượng đơn hàng và ngày thực hiện, mà POP thì còn bao gồm các yếu tố như hư hỏng, lỗi và sai sót khi gia công.

Công thức tính:

$$\text{Hiệu suất đơn hàng hoàn hảo} = (1 - (\text{Số đơn không giao đúng hạn} + \text{Số đơn không giao đầy đủ} + \text{Bị hư hỏng hoặc có lỗi khi giao} + \text{Xử lý không chính xác}) / \text{Tổng số đơn hàng}) \times 100\%$$

Khác với Tỷ lệ hoàn thành giao hàng đúng hạn “OTIF”, Hiệu suất đơn hàng hoàn hảo “POP” không chỉ đo lường “đúng và đủ” mà còn bao gồm yếu tố chất lượng. Đây là chỉ tiêu phản ánh toàn diện hiệu quả vận hành logistics.

Mức độ đánh giá :

- Hiệu suất đơn hàng hoàn hảo $\geq 95\%$: Rất tốt → hoạt động logistics hiệu quả và ổn định.
- Hiệu suất đơn hàng hoàn hảo $90\% - 95\%$: Tốt → đáp ứng tương đối tốt nhu cầu khách hàng.
- Hiệu suất đơn hàng hoàn hảo $80\% - \text{dưới } 90\%$: Cần cải thiện → vẫn còn nhiều sai sót trong quá trình thực hiện đơn hàng.

- Hiệu suất đơn hàng hoàn hảo < 80%: Kém → hiệu quả vận hành thấp, ảnh hưởng lớn đến chất lượng dịch vụ và trải nghiệm khách hàng.

Ý nghĩa : Đánh giá toàn diện chất lượng xử lý đơn hàng (đúng hạn, đủ số lượng, không lỗi, không hư hỏng). Đây là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh năng lực vận hành logistics.

1.5.9. Hàng tồn kho không sử dụng (DS)

Hàng tồn kho không sử dụng (Deadstock - DS) là các hàng hóa không thể bán được vì lý do nào đó và phải tồn đọng trong kho. Các nguyên nhân tồn đọng có thể do bị quá hạn sử dụng, hàng hóa còn thừa trong quý, hàng đã lỗi thời hoặc hư hỏng, hàng lỗi.

Công thức tính Hàng tồn kho không sử dụng

$$\text{Hàng tồn kho không sử dụng} = \frac{\text{số lượng hàng tồn kho không sử dụng}}{\text{tổng số lượng tồn kho}} \times 100\%$$

Tỷ lệ hàng tồn kho không sử dụng cao cho thấy cần cải thiện chiến lược tối ưu hóa tồn kho, vì nó làm tăng chi phí quản lý, chiếm diện tích kho, gây giảm lợi nhuận tổng thể của doanh nghiệp.

Mức độ đánh giá :

Hàng tồn kho không sử dụng < 5%: (Tốt) Tỷ lệ hàng không sử dụng thấp, cho thấy doanh nghiệp kiểm soát tốt tồn kho và hạn chế phát sinh hàng lỗi thời hoặc dư thừa.

Hàng tồn kho không sử dụng 5% – 10%: (Trung bình) Bắt đầu xuất hiện lượng hàng không sử dụng đáng kể, phản ánh một số hạn chế trong dự báo nhu cầu hoặc quản lý tồn kho, cần theo dõi và cải thiện

Hàng tồn kho không sử dụng > 10%: (Cao) Tỷ lệ lớn, làm tăng chi phí lưu kho, chiếm dụng không gian và gây lãng phí nguồn lực. Doanh nghiệp cần có biện pháp xử lý như xả hàng, giảm giá hoặc thanh lý → cần xử lý tồn kho

Hàng tồn kho không sử dụng > 20%: (Rất xấu) Mức tồn kho không sử dụng nghiêm trọng, phản ánh sai lệch lớn trong chiến lược mua hàng hoặc dự báo. Ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả tài chính và hoạt động kinh doanh.

Ý nghĩa : Chỉ tiêu này phản ánh mức độ lãng phí trong tồn kho và hiệu quả quản lý hàng hóa của doanh nghiệp. Qua đó, doanh nghiệp có thể đánh giá chất lượng dự báo nhu cầu, chính sách nhập hàng và đưa ra các biện pháp xử lý tồn kho nhằm tối ưu chi phí và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

1.5.10. Chu kỳ đơn hàng (OCT)

Chu kỳ đơn hàng (Order Cycle Time - OCT) là thời gian trung bình để doanh nghiệp xử lý và hoàn thành đơn hàng của khách hàng kể từ ngày nhận được order (không bao gồm thời gian vận chuyển). Chu kỳ đơn hàng ngắn chứng tỏ doanh nghiệp có khả năng đáp ứng nhu cầu khách hàng cao, hiệu suất sản xuất cao.

Công thức tính:

$$\text{Chu kỳ đơn hàng} = \frac{(\text{ngày giao hàng} - \text{ngày đặt hàng})}{\text{tổng số lượng đơn hàng}} \times 100\%$$

Chỉ số này chủ yếu để phản ánh hiệu quả hoạt động của kho hàng hoặc của nhà cung cấp dịch vụ logistics. Chu kỳ đơn hàng dài có thể muốn nói doanh nghiệp cần cải thiện layout kho, đào tạo lại nhân sự hoặc tìm đối tác cung ứng mới.

Mức độ đánh giá :

Chu kỳ đơn hàng **Ngắn (1–2 ngày):** Thời gian xử lý nhanh, cho thấy quy trình vận hành hiệu quả, bố trí kho hợp lý và khả năng đáp ứng đơn hàng cao. “Rất tốt”

Chu kỳ đơn hàng **Trung bình (3–5 ngày):** Thời gian xử lý ở mức ổn định, tuy nhiên vẫn có thể cải thiện thông qua tối ưu quy trình hoặc nâng cao năng suất nhân sự. “Chấp nhận được”

Chu kỳ đơn hàng **Dài (> 5 ngày):** Chậm → Thời gian xử lý chậm, phản ánh hạn chế trong vận hành như bố trí kho chưa tối ưu, quy trình xử lý phức tạp hoặc năng lực nhân sự chưa đáp ứng. “cần cải thiện quy trình”

Ý nghĩa Chỉ tiêu này phản ánh hiệu quả hoạt động nội bộ của kho và hệ thống logistics. Chu kỳ đơn hàng càng ngắn giúp doanh nghiệp nâng cao khả năng đáp ứng khách hàng, giảm thời gian chờ và cải thiện chất lượng dịch vụ . [2]

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ KHO TẠI TRANSIMEX ĐÀ NẴNG

2.1 Tổng quan về Công ty Transimex – Chi nhánh Đà Nẵng



Hình 2.1: Logo của Công ty Cổ phần Transimex

Nguồn: Website của Transimex

Tên tiếng việt: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX TẠI ĐÀ NẴNG

Tên tiếng anh: TRANSIMEX CORPORATION - DANANG BRANCH

Người đại diện: Nguyễn Thanh Tuấn

Địa chỉ chi nhánh: Lô C2-9 đường số 10, Khu Công nghiệp Hoà Cẩm, Phường Hoà Thọ Tây, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng

Mã số thuế: 0301874259-003

Fax: (84-236) 356 1587/ 88

Email: tmsdn.info@transimex.com.vn

Loại hình pháp lý: Chi nhánh - là đơn vị phụ thuộc của Công ty Cổ phần Transimex

2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển

1983: Thành lập Công ty Kho vận Giao nhận Ngoại thương, là tiền thân của Công ty Cổ phần Transimex

1993: Lập chi nhánh tại Đà Nẵng

2000: Chính thức chuyển thành công ty cổ phần

2015: Khánh thành Trung tâm Logistics Transimex tại Đà Nẵng

2023: Kỷ niệm 40 năm thành lập Công ty

Chức năng và lĩnh vực hoạt động

Giao nhận vận tải quốc tế

Đây là hoạt động cung cấp dịch vụ vận chuyển xuyên biên giới, là một phần của chuỗi dịch vụ logistics tích hợp do Transimex cung cấp. Dịch vụ này thực hiện tích hợp các hoạt động như:

- Vận chuyển hàng nguyên container (FCL)/ hàng lẻ (LCL) bằng đường biển
- Vận chuyển hàng Door to Door nội địa
- Vận chuyển hàng bằng đường hàng không (Air)
- Chuyên chở và khai báo Hải Quan.

Dịch vụ kho hàng và phân phối

- Lưu giữ hàng hoá xuất nhập khẩu, hàng nội địa, hàng tiêu dùng
- Kho lạnh
- Trung tâm phân phối hàng hoá xuất nhập khẩu, hàng tiêu dùng nội địa tại Miền Trung
- Hàng trung chuyển từ Lào về Đà Nẵng

Vận tải đường bộ (Trucking)

Công ty cung cấp dịch vụ vận tải đường bộ với đội xe vận tải hiện đại cùng tài xế chuyên nghiệp. Dịch vụ này của công ty bao gồm vận chuyển bằng xe tải nhỏ phân phối (bao gồm cả xe lạnh) và xe đầu kéo container, phù hợp với tất cả chủng loại mặt hàng và khối lượng vận chuyển của khách hàng.

2.1.2 Tầm nhìn, sứ mệnh và giá trị cốt lõi :

Tầm nhìn:

Transimex định hướng trở thành tập đoàn cung cấp dịch vụ logistics tích hợp hàng đầu tại Việt Nam, có năng lực cung cấp các giải pháp chuỗi cung ứng toàn diện, hiện đại và hiệu quả, từng bước khẳng định vị thế trên thị trường khu vực và quốc tế.

Sứ mệnh:

Công ty cam kết không ngừng hoàn thiện và tối ưu hóa chuỗi cung ứng dịch vụ, cung cấp các giải pháp logistics tổng thể với chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng, đồng thời góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất – kinh doanh của đối tác.

Giá trị cốt lõi:

Trong quá trình hoạt động, Transimex luôn lấy khách hàng làm trung tâm, hướng đến việc tạo ra các giá trị cốt lõi bao gồm: tốc độ, sự chính xác, tinh thần trách nhiệm, hiệu quả trong vận hành, phát triển bền vững và năng lực tiên phong. Đây là nền tảng quan trọng giúp công ty nâng cao chất lượng dịch vụ, xây dựng uy tín thương hiệu và duy trì lợi thế cạnh tranh trên thị trường logistics.

2.1.3 Chức năng và lĩnh vực hoạt động

a) Chức năng

Trung tâm Logistics Transimex – Chi nhánh Đà Nẵng, có chức năng tổ chức, quản lý và vận hành các hoạt động logistics tại khu vực miền Trung. Trung tâm đóng vai trò là đầu mối tiếp nhận, lưu trữ, xử lý và phân phối hàng hóa, góp phần đảm bảo sự lưu thông liên tục và hiệu quả của chuỗi cung ứng.

Bên cạnh đó, trung tâm thực hiện chức năng quản lý kho bãi và kiểm soát tồn kho, bao gồm việc theo dõi, cập nhật dữ liệu hàng hóa trên hệ thống, kiểm kê định kỳ và xử lý sai lệch (nếu có). Đồng thời, trung tâm phối hợp với các bộ phận liên quan trong hoạt động giao nhận và vận tải nhằm đảm bảo hàng hóa được xử lý đúng quy trình, đúng thời gian và đáp ứng các yêu cầu về chất lượng.

Ngoài ra, trung tâm còn đảm nhận chức năng hỗ trợ khách hàng trong việc tối ưu hóa hoạt động logistics thông qua việc cung cấp các giải pháp lưu trữ, phân phối và quản lý hàng hóa phù hợp với đặc thù của từng doanh nghiệp, từ đó góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất – kinh doanh.

b) Lĩnh vực hoạt động

Trung tâm Logistics Transimex – Chi nhánh Đà Nẵng hoạt động chủ yếu trong các lĩnh vực sau

Dịch vụ kho bãi và lưu trữ hàng hóa:

Quản lý và khai thác hệ thống kho với nhiều loại hình như kho thường và kho ngoại quan; thực hiện lưu trữ, bảo quản hàng hóa theo quy định, đảm bảo an toàn và hạn chế tối đa rủi ro phát sinh trong quá trình lưu kho.

Quản lý và kiểm soát tồn kho:

Thực hiện theo dõi, cập nhật và kiểm soát số liệu tồn kho trên hệ thống; tổ chức kiểm kê định kỳ nhằm đảm bảo tính chính xác giữa dữ liệu và thực tế, phục vụ cho công tác lập kế hoạch và điều phối hàng hóa.

Dịch vụ xử lý hàng hóa trong kho:

Bao gồm các hoạt động tiếp nhận hàng, kiểm tra số lượng và chất lượng, phân loại, đóng gói, dán nhãn, soạn hàng (picking) và chuẩn bị hàng hóa để xuất kho theo yêu cầu của khách hàng.

Dịch vụ phân phối và vận tải nội địa:

Tổ chức vận chuyển hàng hóa từ kho đến các điểm giao nhận trong khu vực miền Trung và các tỉnh lân cận, đảm bảo thời gian giao hàng và chất lượng dịch vụ.

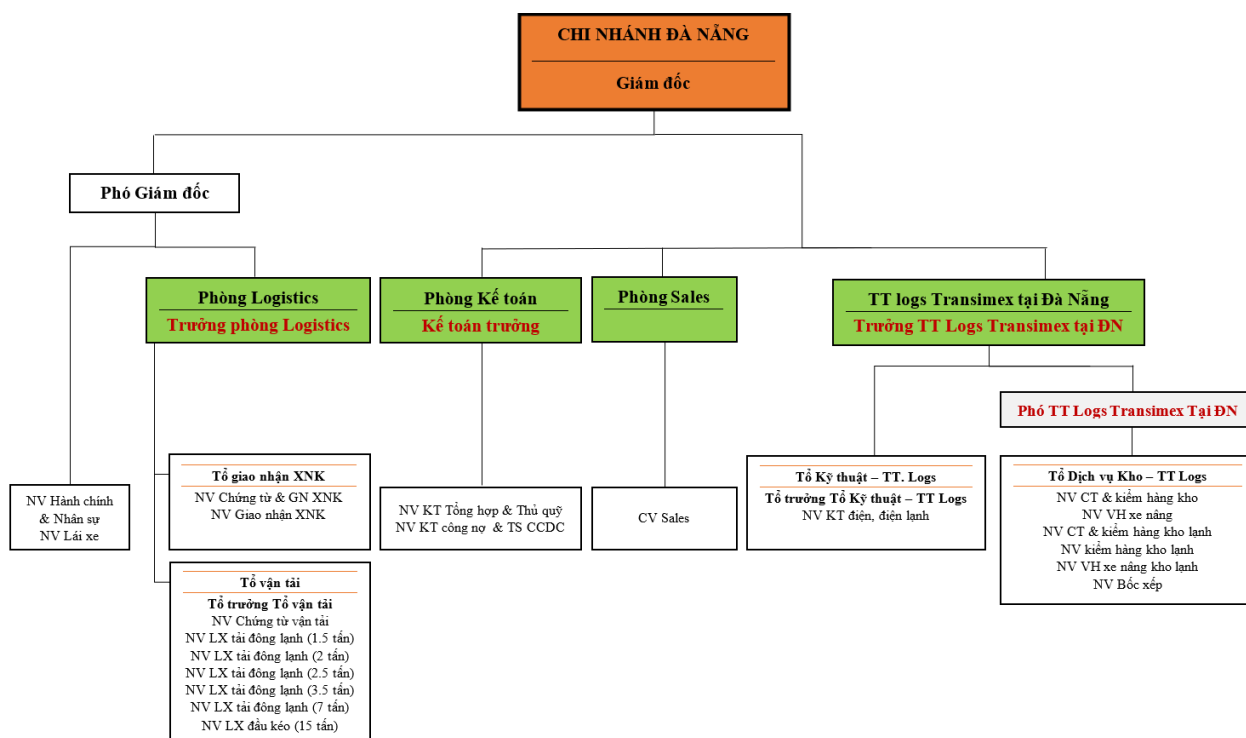
Dịch vụ logistics tích hợp:

Cung cấp các giải pháp logistics tổng thể, bao gồm quản lý kho, điều phối vận tải và hỗ trợ quản lý chuỗi cung ứng, góp phần tối ưu hóa chi phí và nâng cao hiệu quả vận hành cho khách hàng.

Dịch vụ giá trị gia tăng (VAS):

Thực hiện các dịch vụ hỗ trợ như đóng gói lại, dán tem nhãn, kiểm đếm, phân loại và xử lý hàng hóa theo yêu cầu, nhằm gia tăng giá trị cho sản phẩm và đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng.

2.1.4 Cơ cấu tổ chức



Hình 2.2: Sơ đồ tổ chức của Transimex Đà Nẵng

Nguồn: Phòng Kế toán -Transimex Đà Nẵng

2.1.5 Chức năng và nhiệm vụ của các phòng ban

Giám đốc

Giám đốc là người đứng đầu Transimex Đà Nẵng, chịu trách nhiệm quản lý và điều hành hoạt động của chi nhánh.

Phó Giám đốc

Phó Giám đốc chịu trách nhiệm giám sát và điều hành các hoạt động của Phòng Logistics ở chi nhánh Đà Nẵng và liên kết với bộ phận Hành chính & Nhân sự ở Transimex – Hồ Chí Minh. Phó Giám đốc phối hợp với hai bộ phận chức năng này để tối ưu hiệu quả hoạt động và đạt được các mục tiêu kinh doanh.

NV Hành chính & Nhân sự, NV Lái xe

NV Hành chính & Nhân sự: là nhân viên và làm việc ở văn phòng của Tổng Công ty Cổ phần Transimex (TP Hồ Chí Minh). Phụ trách các công việc hành chính và nhân sự cho chi nhánh, có nhiệm vụ quản lý nhân viên, xử lý các vấn đề tuyển dụng, lương, thưởng.

Nhân viên lái xe: Chịu trách nhiệm vận hành phương tiện vận chuyển riêng của công ty, thực hiện vai trò là tài xế cho Giám đốc và Phó Giám đốc.

Phòng Logistics

Phòng Logistics chịu trách nhiệm tổ chức và quản lý toàn bộ các hoạt động liên quan đến vận chuyển, giao nhận hàng hóa và quản lý chứng từ xuất nhập khẩu. Mục tiêu là đảm bảo quy trình vận chuyển diễn ra trôi chảy, đúng lịch trình và đạt hiệu quả cao nhất.

Với nhiệm vụ:

- + Quản lý và tổ chức hoạt động vận chuyển hàng hóa.
- + Quản lý tài liệu và thủ tục liên quan đến xuất nhập khẩu hàng hóa.
- + Hợp tác chặt chẽ với các đơn vị và đối tác liên quan đảm bảo quy trình vận chuyển và giao nhận hàng hóa diễn ra hiệu quả và đúng tiến độ.
- + Điều phối và thực hiện các hoạt động giao nhận hàng xuất nhập khẩu.
- + Bảo đảm tuân thủ các quy định pháp luật về vận tải và xuất nhập khẩu.

Phòng Kế toán

Phòng Kế toán có chức năng ghi nhận và hạch toán các giao dịch, lập báo cáo tài chính và thống kê, cùng với quản lý chi phí và nguồn lực.

Với nhiệm vụ:

- + Đảm bảo tính chính xác và đầy đủ trong hạch toán và báo cáo tài chính
- + Thực hiện các nghĩa vụ thuế đúng thời hạn
- + Hỗ trợ quản lý trong ra quyết định chiến lược và đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật và quy trình nội bộ để đảm bảo hoạt động kinh doanh được thực hiện một cách hợp lý và hiệu quả.

Phòng Sales

Phòng Sales có chức năng điều hành hệ thống kinh doanh của công ty, tiếp cận, mở rộng thị trường và duy trì mối quan hệ với khách hàng.

Với nhiệm vụ:

- + Tìm kiếm khách hàng mới và mở rộng thị trường bằng cách quảng bá, giới thiệu các dịch vụ logistics.
- + Chăm sóc khách hàng và giới thiệu các chương trình hỗ trợ giá cả, cung cấp ưu đãi dịch vụ.
- + Phụ trách thương lượng và đàm phán giá cả giữa các bên như hãng tàu, các bên thứ ba khác.
- + Xác nhận đơn hàng và chốt hợp đồng dịch vụ giữa các bên.
- + Phối hợp với các bộ phận khác để theo dõi hành trình đơn hàng, đảm bảo rằng tất cả các lô hàng đi và đến đều hoàn thiện thủ tục, không bị nhầm lẫn, hư hại và đúng thời gian quy định.

Trung tâm Logistics Transimex Đà Nẵng

Trung tâm Logistics đảm nhận quản lý kho bãi, hàng tồn kho, bảo quản hàng hóa và đảm bảo dịch vụ logistics diễn ra thông suốt. Trung tâm bao gồm:

- + Tổ Kỹ thuật: vận hành các thiết bị kỹ thuật, đặc biệt là các hệ thống điện và điện lạnh, chịu trách nhiệm bảo dưỡng, sửa chữa và đảm bảo các thiết bị trong kho bãi và vận chuyển luôn hoạt động ổn định, an toàn.
- + Tổ Dịch vụ Kho: là bộ phận chịu trách nhiệm quản lý hàng hóa trong kho bãi. Nhân viên chứng từ và kiểm hàng có nhiệm vụ kiểm tra, quản lý hàng hóa và các chứng từ liên quan. Ngoài ra, nhân viên vận hành xe nâng và kiểm hàng kho lạnh đảm bảo hàng hóa được sắp xếp, bốc xếp và bảo quản đúng cách. Nhân viên bốc xếp chịu trách nhiệm trực tiếp cho việc di chuyển hàng hóa trong kho, đảm bảo quá trình xuất nhập kho diễn ra nhanh chóng và hiệu quả.

2.1.6 Ngành nghề kinh doanh

Giao nhận vận tải quốc tế

Đây là hoạt động cung cấp dịch vụ vận chuyển xuyên biên giới, là một phần của chuỗi dịch vụ logistics tích hợp do Transimex cung cấp. Dịch vụ này thực hiện tích hợp các hoạt động như:

- Vận chuyển hàng nguyên container (FCL)/ hàng lẻ (LCL) bằng đường biển
- Vận chuyển hàng Door to Door nội địa
- Vận chuyển hàng bằng đường hàng không (Air)
- Chuyên chở và khai báo Hải Quan.

Dịch vụ kho hàng và phân phối

- Lưu giữ hàng hoá xuất nhập khẩu, hàng nội địa, hàng tiêu dùng
- Kho lạnh
- Trung tâm phân phối hàng hoá xuất nhập khẩu, hàng tiêu dùng nội địa tại Miền Trung
- Hàng trung chuyển từ Lào về Đà Nẵng

Vận tải đường bộ (Trucking)

Công ty cung cấp dịch vụ vận tải đường bộ với đội xe vận tải hiện đại cùng tài xế chuyên nghiệp. Dịch vụ này của công ty bao gồm vận chuyển bằng xe tải nhỏ phân phối (bao gồm cả xe lạnh) và xe đầu kéo container, phù hợp với tất cả chủng loại mặt hàng và khối lượng vận chuyển của khách hàng.

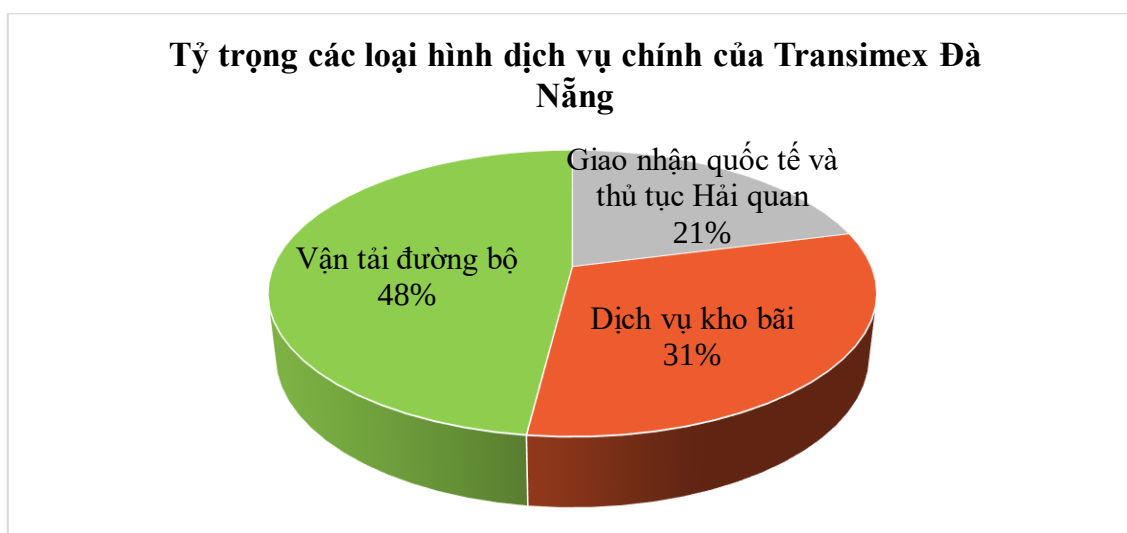
2.2 Phân tích thực trạng hoạt động kinh doanh của trung tâm logistics Transimex

2.2.1 Lĩnh vực kinh doanh và hoạt động kinh doanh của trung tâm logistics

Transimex – chi nhánh Đà Nẵng

Transimex Đà Nẵng cung cấp đa dạng các loại hình dịch vụ logistics, trong đó tập trung vào ba nhóm dịch vụ chính gồm: giao nhận quốc tế và thủ tục hải quan, vận tải đường bộ và dịch vụ kho bãi.

Nhìn chung, cơ cấu doanh thu giữa các loại hình dịch vụ có sự phân bổ tương đối hợp lý, tuy vẫn tồn tại sự chênh lệch nhất định. Trong đó, dịch vụ vận tải đường bộ chiếm tỷ trọng cao nhất với 48%, đóng vai trò là nguồn doanh thu chủ yếu của công ty. Tỷ trọng này phản ánh rõ lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp trong lĩnh vực vận tải, đến từ việc sở hữu đội xe riêng, khả năng điều phối linh hoạt và chi phí vận hành tương đối cạnh tranh.



Hình 2.3: Cơ cấu doanh thu các loại hình dịch vụ chính của Transimex Đà Nẵng

Nguồn: Phòng Kế toán - Transimex Đà Nẵng

Dịch vụ kho bãi chiếm 31% tổng doanh thu, giữ vai trò hỗ trợ quan trọng cho hoạt động vận tải và giao nhận. Việc đầu tư vào hệ thống kho bãi, bao gồm cả kho thường và kho lạnh, cho thấy doanh nghiệp đang từng bước mở rộng năng lực lưu trữ và gia tăng giá trị dịch vụ trong chuỗi logistics.

Trong khi đó, dịch vụ giao nhận quốc tế và thủ tục hải quan chiếm 21% doanh thu. Mặc dù có tỷ trọng thấp hơn so với hai nhóm dịch vụ còn lại, nhưng đây vẫn là mắt xích quan trọng trong việc kết nối chuỗi cung ứng quốc tế, góp phần hoàn thiện hệ sinh thái dịch vụ logistics của doanh nghiệp.

a) Doanh thu thuần:

Bảng 2.4: Tình hình hoạt động kinh doanh của Transimex

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
1	Doanh thu thuần	160,596	248,429	255,130
2	Lợi nhuận gộp	34,533	53,879	51,707
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	15,796	27,852	21,941
4	Lợi nhuận sau thuế	13,026	22,146	23,125

STT	Chỉ tiêu	Chênh lệch năm 2023-2024		Chênh lệch 2024-2025	
		±	%	±	%
1	Doanh thu thuần	87.833	54,7%	6.701	2,7%
2	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	12.056	76,3%	5.911	-21,2%
3	Lợi nhuận sau thuế	9.120	70,0%	979	4,4%

Nguồn: Phòng kế toán – Transimex Đà Nẵng

Doanh thu của Transimex tăng mạnh trong giai đoạn 2023–2024, cho thấy hoạt động kinh doanh phục hồi tốt và mở rộng được thị trường, đặc biệt là các dịch vụ logistics, kho bãi và giao nhận. Sang năm 2025, doanh thu vẫn tiếp tục tăng nhưng tốc độ tăng chậm lại rõ rệt, phản ánh dấu hiệu thị trường dần ổn định và cạnh tranh ngày càng gay gắt hơn.

Trong giai đoạn 2023–2024, doanh thu thuần của doanh nghiệp tăng từ 160.596 triệu đồng lên 248.429 triệu đồng, tức là tăng 87.833 triệu đồng, tương đương mức tăng 54,7%.

Sự gia tăng này cho thấy hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm 2024 có nhiều cải thiện so với năm 2023.

Tiếp tục trong giai đoạn 2024–2025, doanh thu thuần tăng từ 248.429 triệu đồng lên 255.130 triệu đồng, tức là tăng 6.701 triệu đồng, tương đương mức tăng 2,7%. Mặc dù doanh thu vẫn tăng nhưng tốc độ tăng trưởng đã chậm lại so với giai đoạn trước.

b) Lợi nhuận gộp:

Năm 2023: 34.533 triệu đồng, từ năm 2023 đến năm 2024: tăng từ 34.533 triệu đồng lên 53.879 triệu đồng→ tăng 19.346 triệu đồng, tương đương +56,0% so với năm 2023.

Từ năm 2024 đến năm 2025: giảm từ 53.879 triệu đồng xuống 51.707 triệu đồng→ giảm 2.172 triệu đồng, tương đương –4,0% so với năm 2024.

Lợi nhuận gộp tăng mạnh trong năm 2024 cùng chiều với doanh thu, cho thấy hiệu quả khai thác dịch vụ được cải thiện. Tuy nhiên, năm 2025 lợi nhuận gộp giảm nhẹ, dù doanh thu vẫn tăng. Điều này cho thấy chi phí đầu vào tăng (chi phí vận tải, nhân công, nhiên liệu, công nghệ...) hoặc chính sách giá cạnh tranh hơn, làm biên lợi nhuận bị thu hẹp.

c) Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh

Năm 2024 là năm Transimex đạt hiệu quả hoạt động kinh doanh rất tốt, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh tăng mạnh nhất trong giai đoạn. Tuy nhiên, sang năm 2025 chỉ tiêu này giảm đáng kể, cho thấy doanh nghiệp chịu áp lực lớn từ chi phí quản lý, chi phí bán hàng và chi phí vận hành, dù doanh thu vẫn tăng. Đây là dấu hiệu cho thấy hiệu quả quản trị chi phí trong năm 2025 chưa thực sự tối ưu.

Trong giai đoạn 2023–2024, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh tăng từ 15.796 triệu đồng lên 27.852 triệu đồng, tức là tăng 12.056 triệu đồng, tương đương mức tăng 76,3%. Điều này cho thấy hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp được cải thiện rõ rệt trong năm 2024.

Sang giai đoạn 2024–2025, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh giảm từ 27.852 triệu đồng xuống 21.941 triệu đồng, tức là giảm 5.911 triệu đồng, tương đương mức giảm 21,2%,

phản ánh việc chi phí hoạt động có xu hướng gia tăng hoặc hiệu quả kinh doanh chưa được duy trì ổn định.

d) Lợi nhuận sau thuế

Lợi nhuận sau thuế tăng mạnh trong năm 2024, phản ánh hiệu quả kinh doanh tổng thể được cải thiện rõ rệt. Năm 2025, lợi nhuận sau thuế vẫn tiếp tục tăng nhưng mức tăng thấp, phù hợp với xu hướng chậm lại của lợi nhuận hoạt động kinh doanh. Điều này cho thấy dù doanh nghiệp vẫn duy trì được kết quả dương, nhưng dư địa tăng trưởng lợi nhuận đang có dấu hiệu thu hẹp.

Trong giai đoạn 2023–2024, lợi nhuận sau thuế tăng từ 13.026 triệu đồng lên 22.146 triệu đồng, tức là tăng 9.120 triệu đồng, tương đương mức tăng 70,0%, cho thấy kết quả kinh doanh sau thuế của doanh nghiệp có sự cải thiện đáng kể.

Tiếp tục trong giai đoạn 2024–2025, lợi nhuận sau thuế tăng từ 22.146 triệu đồng lên 23.125 triệu đồng, tức là tăng 979 triệu đồng, tương đương mức tăng 4,4%. Mặc dù mức tăng không lớn, nhưng điều này cho thấy doanh nghiệp vẫn duy trì được lợi nhuận trong bối cảnh lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh giảm

Trong giai đoạn 2023–2025, Transimex Đà Nẵng đã trải qua một chu kỳ phát triển với sự tăng trưởng mạnh mẽ ở giai đoạn đầu và dấu hiệu chững lại ở giai đoạn sau. Cụ thể, năm 2024 ghi nhận mức tăng trưởng ấn tượng khi doanh thu thuần tăng hơn 50% và lợi nhuận gộp tăng gần 56% so với năm 2023, cho thấy hiệu quả rõ nét từ việc mở rộng quy mô hoạt động và nâng cao chất lượng dịch vụ logistics. Những kết quả này phản ánh khả năng tận dụng tốt cơ hội từ thị trường logistics nội địa trong bối cảnh nhu cầu vận tải và giao nhận phục hồi mạnh.

Tuy nhiên, sang năm 2025, tốc độ tăng trưởng có xu hướng chậm lại khi doanh thu chỉ tăng khoảng 2,7%, trong khi lợi nhuận gộp giảm 4% và lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh giảm hơn 21%. Sự sụt giảm này cho thấy áp lực ngày càng lớn từ chi phí vận hành gia tăng như nhiên liệu, nhân công và các chi phí đầu vào khác, đồng thời phản ánh mức độ cạnh tranh ngày càng gay gắt trong ngành logistics. Bên cạnh đó, những biến động của thị trường quốc tế và sự thay đổi trong chính sách thương mại cũng đã tác động không nhỏ

đến hoạt động giao nhận quốc tế và thủ tục hải quan, làm giảm động lực tăng trưởng của các dịch vụ mang tính toàn cầu.

Mặc dù lợi nhuận sau thuế vẫn duy trì xu hướng tăng, nhưng tốc độ tăng không đồng đều giữa các năm cho thấy doanh nghiệp đang đối mặt với thách thức trong việc duy trì hiệu quả hoạt động trong bối cảnh môi trường kinh doanh ngày càng phức tạp. Từ những phân tích trên có thể thấy rằng, để đảm bảo tăng trưởng bền vững trong thời gian tới, Transimex Đà Nẵng cần chú trọng hơn đến việc kiểm soát chi phí đầu vào, tối ưu hóa quy trình vận hành, đồng thời không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm tăng cường năng lực cạnh tranh và khả năng thích ứng trước những biến động của thị trường logistics.

2.2.2 Khách hàng

Tại thị trường Đà Nẵng, khách hàng của Transimex được chia thành bốn nhóm chính, doanh nghiệp sản xuất xuất khẩu, doanh nghiệp thương mại nhập khẩu, doanh nghiệp FDI trong các khu công nghiệp và nhóm doanh nghiệp vừa và nhỏ thuê ngoài dịch vụ logistics.

Doanh nghiệp sản xuất xuất khẩu có nhu cầu sử dụng dịch vụ logistics trọn gói như vận tải quốc tế, kho ngoại quan và phân phối. Họ ít nhạy cảm với giá hơn so với các nhóm khác nhưng yêu cầu rất cao về tiến độ giao hàng và độ chính xác trong chứng từ.

Doanh nghiệp thương mại nhập khẩu chủ yếu quan tâm đến chi phí và sự linh hoạt trong dịch vụ. Đây là nhóm khách hàng có mức độ nhạy cảm về giá khá cao, trong khi yêu cầu dịch vụ tập trung vào tốc độ xử lý thủ tục và khả năng hỗ trợ nhanh khi phát sinh vấn đề.

Đối với nhóm doanh nghiệp FDI, yếu tố quan trọng nhất là sự ổn định và tính chuyên nghiệp của dịch vụ. Nhóm khách hàng này thường có tiêu chuẩn cao về thời gian, độ chính xác và chăm sóc khách hàng, đồng thời ít nhạy cảm về giá hơn nếu chất lượng dịch vụ được đảm bảo.

nhóm doanh nghiệp vừa và nhỏ thường lựa chọn thuê ngoài logistics để tiết kiệm chi phí và nhân sự. Họ rất nhạy cảm với giá nhưng lại cần sự hỗ trợ sát sao từ nhà cung cấp dịch vụ, đặc biệt trong các khâu thủ tục hải quan và giao nhận hàng hóa.

Bảng 2.5: Nhóm khách hàng

Nhóm khách hàng	Khách hàng tiêu biểu
Sản xuất – Xuất khẩu	PepsiCo, Nestlé, Samsung, Mitsubishi Motors, LG Electronics
Thương mại – Nhập khẩu	PepsiCo, Nestlé, Sharp, Vissan
FDI trong KCN	Samsung, LG Electronics (tại KCN & miền Trung)
SME thuê ngoài logistics	Doanh nghiệp TMĐT, thủy sản, nông sản, hàng tiêu dùng (NL & Đà Nẵng)

2.2.3 Đối thủ cạnh tranh

Đối thủ cạnh tranh trực tiếp của transimex tại Đà Nẵng

Trong lĩnh vực logistics tại khu vực Đà Nẵng và miền Trung, Transimex phải đối mặt với sự cạnh tranh trực tiếp từ nhiều doanh nghiệp lớn trong ngành, tiêu biểu như: Gemadept, Tân Cảng Logistics, Bee Logistics và các doanh nghiệp logistics quốc tế như DHL, Kuehne+Nagel,...

Về thị phần, Gemadept và Tân Cảng Logistics hiện đang chiếm ưu thế trong mảng logistics cảng biển và kho bãi nhờ sở hữu hệ thống cảng, ICD (cảng cạn) và depot (bãi container) lớn trên cả nước. DHL và Kuehne+Nagel tuy không tập trung nhiều vào kho bãi nội địa nhưng lại có thị phần mạnh trong mảng giao nhận quốc tế và dịch vụ logistics tích hợp cho khách hàng FDI. Bee Logistics có quy mô nhỏ hơn nhưng hoạt động linh hoạt, bám sát nhóm khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ tại địa phương.

Xét về giá dịch vụ, các doanh nghiệp nội địa như Gemadept, Tân Cảng Logistics và Bee Logistics thường có mức giá cạnh tranh hơn so với các công ty logistics nước ngoài. Trong khi đó, DHL và Kuehne+Nagel có mức giá cao hơn nhưng bù lại là chất lượng dịch vụ ổn định, quy trình chuyên nghiệp và thương hiệu quốc tế mạnh. Transimex đứng ở vị trí trung gian, với mức giá hợp lý so với chất lượng dịch vụ và khả năng cung cấp nhiều gói dịch vụ linh hoạt cho từng nhóm khách hàng.

Về mạng lưới kho – cảng – depot, Gemadept và Tân Cảng Logistics có lợi thế vượt trội nhờ sở hữu chuỗi hạ tầng logistics lớn, giúp chủ động trong khâu lưu kho, xếp dỡ và vận chuyển. Transimex tuy không sở hữu hệ thống cảng biển như hai doanh nghiệp trên nhưng lại có thế mạnh về hệ thống kho, trung tâm logistics và khả năng kết nối vận tải tại nhiều tỉnh thành, trong đó có khu vực miền Trung. Bee Logistics chủ yếu mạnh về giao nhận và đại lý vận tải, ít lợi thế về hạ tầng kho bãi. Trong khi đó, DHL và Kuehne+Nagel có mạng lưới toàn cầu rộng khắp, thuận lợi cho các lô hàng xuất nhập khẩu quốc tế và khách hàng FDI.

So sánh điểm mạnh và điểm yếu của Transimex với các đối thủ cho thấy, Transimex có lợi thế về kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực logistics, năng lực cung cấp dịch vụ tương đối toàn diện và khả năng thích ứng tốt với nhu cầu của nhiều nhóm khách hàng khác nhau. Tuy nhiên, so với Gemadept và Tân Cảng Logistics, Transimex còn hạn chế về quy mô hạ tầng cảng và depot. So với DHL và Kuehne+Nagel, Transimex chưa có lợi thế về thương hiệu quốc tế và mạng lưới toàn cầu. Dù vậy, Transimex lại có ưu thế về sự linh hoạt trong chính sách giá, khả năng chăm sóc khách hàng sát sao và hiểu rõ thị trường nội địa, đặc biệt là khu vực miền Trung.

Đối thủ tiềm ẩn :

Transimex còn phải đối mặt với sự xuất hiện của đối thủ tiềm ẩn như các doanh nghiệp logistics mới, các công ty thương mại điện tử mở rộng sang mảng fulfillment “dịch vụ xử lý đơn hàng trọn gói “ và các startup logistics ứng dụng công nghệ.

Về rào cản gia nhập ngành, lĩnh vực logistics đòi hỏi vốn đầu tư lớn cho hạ tầng kho bãi, phương tiện vận tải và hệ thống công nghệ, đồng thời cần kinh nghiệm vận hành và mạng lưới đối tác rộng. Điều này tạo ra rào cản nhất định đối với các doanh nghiệp mới. Tuy nhiên, với sự phát triển của công nghệ và mô hình logistics thuê ngoài, rào cản này đang có xu hướng giảm, đặc biệt trong các mảng như giao nhận, fulfillment (dịch vụ hậu cần cho bán hàng online) và logistics công nghệ.

Xét về mức độ đe dọa, các đối thủ tiềm ẩn hiện chưa gây sức ép lớn lên Transimex trong mảng logistics tổng thể, nhưng lại tạo ra sự cạnh tranh đáng kể ở một số phân khúc

cụ thể. Các công ty thương mại điện tử có lợi thế về nguồn khách hàng sẵn có, trong khi các startup công nghệ mạnh về giải pháp số hóa và chi phí vận hành thấp. Trong dài hạn, nếu không liên tục đổi mới dịch vụ và ứng dụng công nghệ, Transimex có thể chịu áp lực cạnh tranh ngày càng lớn từ nhóm đối thủ này.

2.3 Nguồn lực và kết quả hoạt động kinh doanh của trung tâm logistics transimex – chi nhánh Đà Nẵng

Trong hoạt động logistics, nguồn lực đóng vai trò nền tảng quyết định đến năng lực vận hành, hiệu quả quản lý kho và chất lượng cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp. Đối với Trung tâm Logistics Transimex – Chi nhánh Đà Nẵng, việc tổ chức và khai thác hiệu quả các nguồn lực không chỉ giúp đảm bảo quá trình lưu thông hàng hóa diễn ra liên tục mà còn góp phần nâng cao khả năng đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

Nhìn chung, hệ thống nguồn lực tại trung tâm được hình thành từ ba yếu tố chính, bao gồm: hệ thống kho bãi và cơ sở vật chất kỹ thuật, nguồn nhân lực và nguồn lực tài chính. Mỗi yếu tố giữ một vai trò riêng nhưng có mối quan hệ chặt chẽ và tác động qua lại lẫn nhau trong quá trình vận hành. Trong đó, cơ sở vật chất quyết định khả năng lưu trữ và xử lý hàng hóa; nguồn nhân lực ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả vận hành và mức độ chính xác trong quản lý; còn nguồn lực tài chính tạo điều kiện để duy trì và phát triển các hoạt động logistics.

2.3.1 Cơ sở vật chất ,hệ thống kho bãi tại trung tâm logistics Transimex - chi nhánh Đà Nẵng

a) Cơ sở vật chất

Văn phòng làm việc:

Văn phòng làm việc của Transimex Đà Nẵng đã được chuyển về Trung tâm Logistics Transimex nhằm tối ưu hóa không gian và nâng cao hiệu quả hoạt động. Tuy nhiên, tại khu vực kho vẫn bố trí một không gian riêng cho bộ phận chứng từ, với 5 bàn máy tính cùng các thiết bị hỗ trợ in ấn, đáp ứng nhu cầu xử lý hồ sơ và chứng từ trực tiếp tại kho.

Thiết kế mới áp dụng mô hình không gian mở, bố trí các dãy bàn làm việc khoa học, giúp các bộ phận thuận tiện trong trao đổi thông tin và phối hợp công việc. Bên cạnh đó, cơ sở hạ tầng được đầu tư đồng bộ với hệ thống điều hòa âm trần, hệ thống phòng cháy chữa cháy đạt tiêu chuẩn, cùng khu vực vệ sinh và không gian nghỉ ngơi tiện nghi, qua đó tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, an toàn và thuận lợi cho cán bộ nhân viên.

Trung tâm Logistics Transimex Đà Nẵng:

Trung tâm được đầu tư xây dựng tại Khu Công nghiệp Hòa Cẩm, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng với nhiều loại kho hàng khác nhau như:

- Kho chứa hàng cách hóa (9,300 m²)
- Kho lạnh
- Bãi đậu xe tải, xe đầu kéo,...

Ngoài ra còn có hệ thống mái tôn sóng seam lock có khả năng chống chịu cao. Kho được quản lý bởi phần mềm hiện đại, hệ thống camera và bảo vệ 24/7, hệ thống sàn nâng tự động và có thiết bị đóng rút hàng hiện đại.

Đội xe và Trang thiết bị

Bảng 2.6: Đội xe và trang thiết bị của Transimex Đà Nẵng

STT	Xe/ Thiết bị	Số lượng	Tải trọng
1	<i>Đội xe vận tải</i>		
	Xe tải	8	1,5 - 7 tấn
	Xe nâng container	5	40 - 50 tấn
	Xe nâng điện	4	2,5 - 3 tấn
	Xe chuyển pallet điện	6	3 tấn
	Xe nâng tay	10	3 tấn

	Xe đầu kéo	11	
	Sơ mi rơ moóc	11	20 - 40 tấn
	Xe Reach truck	1	1 - 3 tấn
	Xe Pallet truck	1	1 - 3 tấn
2	Thiết bị nâng hạ		
	Bàn nâng	4	
	Dock leveler	8	
3	Thiết bị bảo vệ kiểm soát an ninh và camera 24/7, công nghệ IP kiểm soát từ xa, đạt tiêu chuẩn C – TPAT		
4	WIFI phủ sóng toàn kho		
5	Hệ thống thiết bị phòng cháy chữa cháy tự động		
6	Hệ thống kiểm soát nhiệt độ tự động, quản lý độ ẩm, chống bụi, chống côn trùng		

Nguồn: Phòng Kế toán - Transimex Đà Nẵng

b) Hệ thống kho bãi

Hệ thống kho bãi tại Trung tâm Logistics Transimex – Chi nhánh Đà Nẵng được tổ chức theo hướng khoa học và hợp lý, nhằm tối ưu hóa quá trình lưu trữ và xử lý hàng hóa. Kho được phân chia thành các khu vực chức năng riêng biệt bao gồm khu tiếp nhận hàng, khu lưu trữ, khu soạn hàng và khu xuất hàng. Cách bố trí này giúp hình thành dòng chảy hàng hóa một chiều, hạn chế sự chồng chéo giữa các khâu và nâng cao hiệu quả vận hành.

Trong khu vực lưu trữ, hàng hóa được sắp xếp trên hệ thống kệ và pallet, tận dụng tối đa không gian theo chiều cao. Kho được phân chia thành các dãy và khu vực theo ký hiệu chữ cái (A, B, C, ...), kết hợp với mã hóa vị trí cụ thể như (A01, A02,...), giúp việc quản lý và tìm kiếm hàng hóa trở nên dễ dàng và nhanh chóng.

Hàng hóa trong kho được bố trí theo nguyên tắc nhập trước xuất trước, đảm bảo sự luân chuyển hợp lý và hạn chế tình trạng tồn kho lâu ngày. Đồng thời, lối đi trong kho được thiết kế phù hợp cho xe nâng và nhân viên di chuyển, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động bốc xếp và vận chuyển nội bộ.

2.3.2 Nguồn nhân lực

Bảng 2.7: Cơ cấu lao động của Transimex Đà Nẵng

STT	Phòng ban	Vị trí công việc	Số lượng
1		Giám Đốc	1
2		Phó Giám Đốc	1
3		NV Hành chính & Nhân sự	
4		NV Lái xe	1
5	Phòng Logistics (26 người)	Trưởng phòng Logistics	1
6		NV Chứng từ & Giao nhận XNK	3
7		NV Giao nhận XNK	2
8		NV Chứng từ vận tải	2
9		NV Lái xe tải đông lạnh (1,5 tấn)	1
10		NV Lái xe tải đông lạnh (2 tấn)	2
11		NV Lái xe tải đông lạnh (2,5 tấn)	1
12		NV Lái xe tải đông lạnh (3,5 tấn)	2
13		NV Lái xe tải đông lạnh (7 tấn)	2
14		NV Lái xe đầu kéo (15 tấn)	10
15	Phòng Kế toán (2 người)	Kế Toán trưởng (Kiêm cả Kế toán Tổng hợp & Thủ quỹ)	1
17		NV Kế toán công nợ	1

18	Phòng Sales	Chuyên viên Sales	1
21	Trung tâm Logistics	Trưởng Trung tâm Logistics	1
22		Tổ trưởng Tổ Kỹ thuật	1

Nguồn: Phòng Nhân sự - Transimex

Phòng Logistics của công ty Transimex Đà Nẵng có tổng cộng 26 nhân sự, đảm nhiệm các hoạt động liên quan đến hàng hóa xuất nhập khẩu, xử lý chứng từ vận tải và vận hành đội xe. Trong đó, lực lượng lao động tập trung chủ yếu ở đội ngũ lái xe với nhiều tải trọng khác nhau. Điều này cho thấy Phòng Logistics giữ vai trò quan trọng trong việc tổ chức hoạt động vận tải, đảm bảo sự kết nối thông suốt giữa kho bãi và khách hàng, góp phần trực tiếp vào hiệu quả chuỗi cung ứng của doanh nghiệp.

Phòng Kế toán của Transimex Đà Nẵng hiện có 2 nhân sự, bao gồm Kế toán trưởng kiêm kế toán tổng hợp và thủ quỹ, cùng với nhân viên kế toán công nợ. Quy mô nhân sự không lớn cho thấy bộ máy kế toán được tổ chức theo hướng tinh gọn, phù hợp với quy mô hoạt động của doanh nghiệp. Đồng thời, điều này cũng phản ánh việc ứng dụng phần mềm kế toán trong công tác quản lý tài chính – kế toán đã góp phần giảm áp lực về nhân lực, nâng cao hiệu quả xử lý công việc.

Phòng Sales có 01 nhân sự, phụ trách công tác tìm kiếm khách hàng, chăm sóc khách hàng và phát triển thị trường. Số lượng nhân sự ít cho thấy hoạt động bán hàng của doanh nghiệp hiện chủ yếu dựa trên hệ thống khách hàng ổn định, đồng thời kết hợp với uy tín thương hiệu và năng lực dịch vụ logistics sẵn có.

Trung tâm Logistics của Transimex Đà Nẵng có tổng cộng 33 lao động, là bộ phận có quy mô nhân sự lớn nhất trong công ty. Cơ cấu nhân sự của Trung tâm được bố trí theo từng vị trí cụ thể, phù hợp với tính chất vận hành kho và kho lạnh.

Vị trí Trưởng Trung tâm Logistics chỉ có 01 người, do đây là vị trí quản lý cấp trung, chịu trách nhiệm điều hành toàn bộ hoạt động kho, phân công lao động và kiểm soát hiệu quả vận hành. Công việc mang tính quản lý tổng hợp nên không cần số lượng nhân sự lớn.

Vị trí Tổ trưởng Tổ Kỹ thuật cũng chỉ có 01 người, có nhiệm vụ quản lý và giám sát hoạt động kỹ thuật trong kho. Số lượng ít là do chức năng chủ yếu là điều phối và kiểm tra, không trực tiếp tham gia vận hành thường xuyên.

Đối với nhân viên kỹ thuật điện và điện lạnh có 03 người, số lượng ít hơn so với lao động kho vì đây là công việc yêu cầu chuyên môn kỹ thuật cao, tập trung vào bảo trì, sửa chữa hệ thống điện và kho lạnh. Công việc không diễn ra liên tục mà theo kế hoạch hoặc khi có sự cố, do đó không cần bố trí nhiều nhân sự.

Các vị trí nhân viên chứng từ và kiểm hàng kho có số lượng 05 người ở mức vừa phải, nhằm đảm bảo việc kiểm soát hàng hóa xuất – nhập kho, đối chiếu số liệu và lập chứng từ được chính xác. Việc bố trí quá ít sẽ dễ gây quá tải, trong khi bố trí quá nhiều sẽ làm tăng chi phí nhân sự mà không cần thiết.

Đối với bộ phận chứng từ và kiểm hàng kho lạnh, hiện có 02 nhân viên chứng từ và kiểm hàng kho lạnh cùng 3 nhân viên kiểm hàng kho lạnh. Việc bố trí nhân sự ở mức vừa phải xuất phát từ đặc thù hoạt động kho lạnh, nơi yêu cầu quản lý chặt chẽ về nhiệt độ, thời gian lưu kho và tình trạng hàng hóa. Trong đó, vị trí nhân viên kiểm hàng kho lạnh có số lượng cao hơn so với các vị trí gián tiếp do hàng hóa cần được kiểm tra thường xuyên trong suốt quá trình xuất – nhập và bảo quản. Công việc diễn ra liên tục, đòi hỏi đủ nhân lực để đảm bảo tiến độ xử lý, độ chính xác trong kiểm soát hàng hóa và chất lượng dịch vụ, đồng thời vẫn tránh tình trạng lãng phí nguồn lực.

Ngược lại, các vị trí nhân viên vận hành xe nâng 07 người, nhân viên kiểm hàng kho lạnh 03 người và nhân viên bốc xếp 08 người chiếm số lượng lớn nhất trong Trung tâm Logistics. Nguyên nhân là do đây là các công việc trực tiếp xử lý hàng hóa với khối lượng lớn, cường độ lao động cao và diễn ra liên tục mỗi ngày. Đặc biệt, hoạt động trong môi trường kho lạnh đòi hỏi phải bố trí đủ nhân sự để làm việc luân phiên, đảm bảo sức khỏe người lao động và duy trì tiến độ xử lý hàng hóa.

Qua phân tích có thể thấy, Trung tâm Logistics của Transimex Đà Nẵng có cơ cấu nguồn nhân lực được bố trí phù hợp với từng vị trí công việc. Các vị trí quản lý và kỹ thuật được tổ chức tinh gọn, trong khi các vị trí lao động trực tiếp được bố trí với số lượng lớn

nhằm đáp ứng yêu cầu vận hành kho và kho lạnh. Cách tổ chức này giúp doanh nghiệp tối ưu chi phí nhân sự nhưng vẫn đảm bảo hiệu quả hoạt động và chất lượng dịch vụ logistics.

2.3.3 Nguồn lực tài chính

Bảng 2.8: Bảng cân đối kế toán (báo cáo tài chính sau thuế năm 2023-2024)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2023	2024
1	Tài sản ngắn hạn	65.755.289	70.932.392
2	Tài sản dài hạn	3.486.038	2.574.911
3	Nợ phải trả	46.000.435	46.680.652
4	Vốn chủ sở hữu	23.240.892	26.826.651

Nguồn: Phòng Kế toán - Transimex Đà Nẵng

Bảng 3: So sánh tỷ trọng cơ cấu tài sản và nguồn vốn giai đoạn 2023-2024

SST	Chỉ tiêu	2023	2024	Thay đổi điểm % (2024 - 2023)
1	Tài sản ngắn hạn	94,96%	96,52%	1,56
2	Tài sản dài hạn	5,04%	3,48%	-1,56
3	Nợ phải trả	39,97%	36,55%	-3,42
4	Vốn chủ sở hữu	60,03%	63,45%	3,42

Nguồn: Phòng Kế toán - Transimex Đà Nẵng

Qua bảng số liệu của Transimex, trong giai đoạn 2023–2024, tổng giá trị tài sản ngắn hạn tăng từ 65.755.289 triệu đồng lên 70.932.392 triệu đồng, tương đương mức tăng khoảng 5.177.103 triệu đồng hay tăng 7,9%, chiếm tỷ trọng 94,96% năm 2023 và 96,52% năm 2024 trong tổng tài sản. Sự gia tăng này cho thấy Transimex tập trung mở rộng nguồn

lực lưu động, nâng cao khả năng thanh khoản và đáp ứng hiệu quả các hoạt động sản xuất kinh doanh ngắn hạn, phù hợp với đặc thù ngành logistics và kho bãi.

Trong khi đó, tài sản dài hạn giảm từ 3.486.038 triệu đồng xuống 2.574.911 triệu đồng, tương ứng giảm khoảng 911.127 triệu đồng hay giảm 26,1%, chiếm tỷ trọng giảm từ 5,04% năm 2023 xuống 3,48% năm 2024. Điều này cho thấy Transimex đã giảm đầu tư vào tài sản cố định hoặc thực hiện tái cấu trúc tài sản dài hạn, nhằm tối ưu hóa nguồn lực và tăng tính linh hoạt trong quản lý hoạt động kinh doanh.

Về nguồn vốn, nợ phải trả của Transimex tăng nhẹ từ 46.000.435 triệu đồng lên 46.680.652 triệu đồng, tương đương tăng khoảng 680.217 triệu đồng (tăng 1,5%), nhưng tỷ trọng trong tổng nguồn vốn giảm từ 39,97% xuống 36,55%, phản ánh doanh nghiệp duy trì cơ cấu nợ ổn định, hạn chế rủi ro tài chính. Ngược lại, vốn chủ sở hữu tăng từ 23.240.892 triệu đồng lên 26.826.651 triệu đồng, tương đương tăng khoảng 3.585.759 triệu đồng hay tăng 15,4%, chiếm tỷ trọng tăng từ 60,03% lên 63,45%, thể hiện việc Transimex tăng cường sử dụng vốn tự có, cải thiện khả năng tài chính và giảm phụ thuộc vào nợ vay.

Tổng thể, so sánh tỷ trọng cơ cấu tài sản và nguồn vốn, có thể thấy Transimex tăng tỷ trọng tài sản ngắn hạn và vốn chủ sở hữu, đồng thời giảm tỷ trọng tài sản dài hạn và nợ phải trả, cho thấy doanh nghiệp vận hành theo hướng an toàn, linh hoạt và bền vững. Cơ cấu này giúp nâng cao khả năng thanh khoản, giảm rủi ro tài chính và đáp ứng hiệu quả các nhu cầu kinh doanh trong ngành logistics đầy biến động.

2.4 Tổng quan về hệ thống kho tại trung tâm logistics Transimex – chi nhánh Đà Nẵng

Hệ thống kho tại Trung tâm Logistics Transimex – Chi nhánh Đà Nẵng được tổ chức khá bài bản, phục vụ cho việc lưu trữ và xử lý hàng hóa với khối lượng lớn mỗi ngày. Thực tế tại kho, hàng hóa không chỉ được lưu trữ mà còn được xử lý qua nhiều công đoạn như tiếp nhận, kiểm tra, phân loại và sắp xếp trước khi đưa vào vị trí lưu trữ hoặc xuất đi.

Trong quá trình vận hành, kho của trung tâm logistics Transimex đóng vai trò trung gian giữa các khâu như vận tải, giao nhận và khách hàng. Hàng hóa sau khi được vận chuyển về kho sẽ được tập kết, kiểm tra và phân bổ vào các khu vực phù hợp, sau đó tiếp tục được

điều phối để giao đi theo kế hoạch. Nhờ đó, kho không chỉ là nơi chứa hàng mà còn giúp điều tiết dòng hàng hóa, đảm bảo việc xuất – nhập diễn ra liên tục và hạn chế tình trạng ứ đọng.

Nhìn chung, với cách tổ chức và vận hành như hiện tại, hệ thống kho tại trung tâm đã hỗ trợ khá tốt cho hoạt động logistics của công ty, góp phần nâng cao hiệu quả xử lý hàng hóa và đáp ứng nhu cầu của khách hàng

2.4.1 Quy mô, diện tích , trang thiết bị và nhân sự

a) Quy mô và diện tích

Trung tâm Logistics Transimex Đà Nẵng được xây dựng tại Khu Công nghiệp Hòa Cẩm, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng, với hệ thống kho đa dạng bao gồm kho chứa hàng khô với diện tích khoảng 9.300 m², kho lạnh và khu bãi đỗ xe phục vụ vận tải. Việc bố trí nhiều loại hình kho giúp doanh nghiệp đáp ứng linh hoạt nhu cầu lưu trữ của nhiều nhóm hàng hóa khác nhau.

b) Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Kho tại trung tâm được trang bị khá đầy đủ các phương tiện và thiết bị phục vụ cho hoạt động bốc xếp và lưu trữ hàng hóa. Cụ thể, kho có hệ thống kệ chứa hàng và pallet để sắp xếp hàng hóa gọn gàng, tận dụng không gian theo chiều cao. Bên cạnh đó, trung tâm có nhiều loại xe phục vụ vận hành như xe nâng điện, xe nâng tay, xe nâng container, xe đầu kéo và sơ mi rơ moóc, giúp việc di chuyển và bốc xếp hàng hóa diễn ra nhanh chóng, đặc biệt là đối với hàng container và hàng nặng.

Ngoài ra, kho còn được trang bị các thiết bị hỗ trợ như dock leveler giúp kết nối giữa kho và xe tải khi lên xuống hàng, và bàn nâng để hỗ trợ nâng hạ trong quá trình xử lý hàng hóa. Về điều kiện cơ sở hạ tầng, kho sử dụng mái tôn seamlock có độ bền cao, giúp hạn chế ảnh hưởng của thời tiết. Đồng thời, hệ thống camera giám sát hoạt động 24/7, kết hợp với tiêu chuẩn an ninh C-TPAT, giúp kiểm soát tốt hoạt động trong kho. Hệ thống phòng cháy chữa cháy tự động và hệ thống kiểm soát nhiệt độ, độ ẩm cũng được trang bị nhằm đảm bảo an toàn và chất lượng hàng hóa trong quá trình lưu trữ.

Về công nghệ, trung tâm có sử dụng hệ thống quản lý kho (WMS), kết hợp với các phần mềm quản lý khác và kết nối dữ liệu điện tử (EDI), giúp theo dõi tình trạng hàng hóa và hỗ trợ quản lý kho hiệu quả hơn.

c) Về nhân sự

Trung tâm Logistics có khoảng 33 nhân viên, chiếm tỷ trọng lớn trong tổng số lao động của chi nhánh. Nhân sự chủ yếu tập trung ở các vị trí trực tiếp như vận hành xe nâng, bốc xếp và lái xe để đáp ứng khối lượng công việc lớn. Các vị trí quản lý và điều phối tuy không nhiều nhưng vẫn đảm bảo kiểm soát và vận hành kho một cách ổn định.

2.4.2 Vai trò của kho trong chuỗi

Thực tế tại Trung tâm Logistics Transimex Đà Nẵng, hàng hóa từ nhiều nguồn khác nhau (nhập khẩu, nội địa) được tập kết về kho, sau đó được kiểm tra, phân loại và sắp xếp lại trước khi tiếp tục vận chuyển đến khách hàng hoặc các điểm phân phối. Nhờ đó, kho giúp giảm tình trạng giao hàng trực tiếp từ nhiều nguồn gây chông chéo, đồng thời đảm bảo hàng hóa được điều phối theo kế hoạch rõ ràng.

Bên cạnh chức năng lưu trữ, kho còn thực hiện nhiều hoạt động xử lý hàng hóa ngay tại chỗ như kiểm đếm số lượng, phân loại theo đơn hàng, đóng gói lại hoặc gom hàng theo từng chuyến xe. Những hoạt động này giúp rút ngắn thời gian xử lý đơn hàng, hạn chế sai sót khi giao nhận và giúp hàng hóa sẵn sàng xuất đi nhanh hơn, đặc biệt trong những thời điểm có khối lượng hàng lớn.

Ngoài ra, với việc sử dụng hệ thống quản lý kho (infor), thông tin về vị trí, số lượng và tình trạng hàng hóa được cập nhật liên tục. Điều này giúp nhân viên dễ dàng tra cứu khi cần xuất hàng, đồng thời hỗ trợ bộ phận điều phối lên kế hoạch vận chuyển phù hợp, tránh tình trạng tồn kho lâu hoặc thiếu hàng cục bộ.

Kho tại trung tâm Logistics Transimex Đà Nẵng đóng vai trò như một “điểm điều phối”. Thông qua việc kết hợp giữa hạ tầng kho bãi, thiết bị vận hành và hệ thống quản lý, kho góp phần giúp hoạt động logistics diễn ra liên tục, hạn chế gián đoạn và nâng cao khả năng đáp ứng yêu cầu của khách hàng.

2.4.3 Thực trạng công tác quản lý kho tại trung tâm Logistics Transimex – Đà Nẵng

Công tác quản lý kho tại Trung tâm Logistics thuộc Công ty Cổ phần Transimex – Chi nhánh Đà Nẵng được tổ chức tương đối bài bản, bao gồm các hoạt động từ nhập kho, lưu trữ, xuất kho đến quản lý tồn kho và ứng dụng hệ thống công nghệ thông tin. Việc vận hành kho gắn liền với hệ thống dịch vụ logistics tích hợp, góp phần đảm bảo dòng chảy hàng hóa diễn ra liên tục và hiệu quả.

2.4.3.1 Quy trình nhập kho

Quy trình nhập kho tại Trung tâm Logistics Transimex Đà Nẵng được xây dựng theo trình tự nghiệp vụ chặt chẽ, bắt đầu từ thời điểm phương tiện vận chuyển hàng hóa đến kho cho đến khi hoàn tất việc cập nhật dữ liệu vào hệ thống quản lý. Quy trình này không chỉ đảm bảo kiểm soát chính xác hàng hóa mà còn góp phần hạn chế rủi ro trong quá trình giao nhận và lưu trữ. Cụ thể như sau

Bước 1: Tiếp nhận xe hàng tại cổng kho

Khi phương tiện vận chuyển hàng hóa đến kho, bộ phận bảo vệ hoặc điều phối kho tiến hành tiếp nhận và kiểm tra ban đầu, bao gồm:

- **Thông tin phương tiện:** biển số xe, loại xe, tình trạng niêm phong (seal) nếu có
- **Thông tin tài xế:** họ tên, số điện thoại, đơn vị vận chuyển, căn cước công dân
- **Thời gian xe đến kho** (ghi nhận để theo dõi tiến độ và điều phối)

Đồng thời, nhân viên kho đối chiếu nhanh với kế hoạch nhập hàng đã được thông báo trước để xác nhận xe đến đúng lịch và đúng lô hàng.



Hình 2.9: seal và container hàng nhập kho tại Trung tâm Logistics Transimex Đà Nẵng

Bước 2: Kiểm tra và đối chiếu thông tin lô hàng

Sau khi xác nhận phương tiện vận chuyển hợp lệ, nhân viên kho tiến hành tiếp nhận và kiểm tra thông tin lô hàng do khách hàng hoặc bộ phận liên quan cung cấp trước đó (thông qua email, hệ thống hoặc phiếu giao hàng).

Nội dung thông tin được kiểm tra bao gồm:

- **Thông tin khách hàng:** tên doanh nghiệp, đơn vị gửi/nhận hàng
- **Thông tin hàng hóa:** tên hàng, chủng loại, quy cách đóng gói (thùng, pallet, bao...)
- **Số lượng và khối lượng hàng hóa**
- **Các yêu cầu đặc biệt (nếu có):** điều kiện bảo quản, ký hiệu nhận diện, lưu ý khi bốc xếp

Nhân viên kho thực hiện đối chiếu giữa thông tin lô hàng đã được tiếp nhận trước từ bộ phận chứng từ (thông tin cont nhập và pallet detail) với thông tin thực tế từ phía tài xế và phương tiện vận chuyển nhằm đảm bảo tính nhất quán trước khi tiến hành đưa xe vào dock và dỡ hàng

Việc kiểm tra này giúp hạn chế sai sót trong quá trình nhập kho, đồng thời tạo cơ sở cho các bước kiểm tra thực tế và ghi nhận dữ liệu ở các công đoạn tiếp theo.

					Ngày nhập	07.03	07.03
					Số Phiếu NK	NK_008942026	NK_009142026
						8,630	4,420
						HCMT1	HCMT1
KHO	Mã Chung	Mã BASE	Tên hàng	QC	Total hàng đi đường	CK2.022026 Đường sắt RATRACO số cont: RATU1000643 bốc hàng ngày 25.02 tàu chạy 26.02,CẤP 02.03	CK1.032026 Đường biển HOÀ PHÁT số cont: TACU4003473 bốc hàng ngày 03.03 tàu chạy 04.03,CẤP 06.03
HCMT1	MIL1205	MMIL1205	Sữa nước Nutricare Colos24h Grow Plus 110ml	48	2,210	2,210	-
HCMT1	MIL1204	MMIL1204	Sữa hạt Nunut Lạc Bảo 180ml	48	200	-	200
HCMT1	MIL1501	MMIL1501	Sữa Cacao lúa mạch Care 100 Active 110ml	48	130	-	130
HCMT1	MIL9003	MMIL9003	Sữa dinh dưỡng trái cây Smarta Grow 110ml hương dâu	48	1,300	-	1,300
HCMT1	MIL9005	MMIL9005	Sữa dinh dưỡng trái cây Smarta Grow 110ml hương cam	48	3,190	2,210	980
HCMT1	MIL9008	MMIL9008	Sữa dinh dưỡng trái cây Smarta Grow 110ml hương trái cây nhiệt đới	48	650	-	650
HCMT1	MIL9009	MMIL9009	Sữa dinh dưỡng trái cây Smarta Grow 180ml hương trái cây nhiệt đới	48	200	-	200
HCMT1	MIL9010	MMIL9010	Sữa dinh dưỡng trái cây Smarta Grow 110ml hương nho	48	650	-	650
HCMT1	MIL9011	MMIL9011	Sữa dinh dưỡng trái cây Smarta Grow 180ml hương nho	48	100	-	100

Hình 2.10 thông tin nhập cont đến từ nhà cung cấp

ASN: WMSS170126-02

Receipt date: 17/01/2026

Owner: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT LONG PHƯỚC

Remark:

PALLET DETAIL

LPN: PLP186208

AR08-11-05

No

Item

Description

Pack

PCS

SAG

Lot No

NXS

HSD

Trọng lượng

1

5367312

ICE BACKPACK 100 10L GREEN GRAPH

1 x 1 pcs

3

1

LO17012 6-02

17/01/2026

0

Prepared by

Received by

Checked by

Nguyễn Thị Phương

Hình 2.11: Pallet detail

Bước 3: Điều phối xe vào vị trí dỡ hàng

Sau khi hoàn tất việc kiểm tra thông tin lô hàng, nhân viên điều phối kho tiến hành hướng dẫn phương tiện vận chuyển vào khu vực dỡ hàng phù hợp. Tùy theo loại hàng và tình trạng kho, việc bố trí vị trí dỡ hàng được thực hiện linh hoạt nhằm tối ưu hóa không gian và thời gian xử lý.

Công tác chuẩn bị bao gồm:

- Sắp xếp cửa kho (dock) hoặc khu vực nhập hàng
- Chuẩn bị thiết bị bốc xếp như xe nâng, pallet
- Phân công nhân sự thực hiện (tổ hiện trường)

Việc điều phối hợp lý giúp hạn chế tình trạng ùn tắc và đảm bảo an toàn trong quá trình vận hành.



Hình 2.13 nhân viên bốc xếp và máy quét hệ thống nhập kho

Bước 4: Dỡ hàng và kiểm tra thực tế

Quá trình dỡ hàng được thực hiện dưới sự giám sát của nhân viên kho. Đồng thời, tiến hành kiểm tra thực tế hàng hóa nhằm đảm bảo sự phù hợp với thông tin lô hàng đã tiếp nhận.

Nội dung kiểm tra bao gồm:

- **Số lượng hàng hóa:** kiểm đếm theo kiện, thùng hoặc pallet
- **Khối lượng hàng hóa:** đối chiếu giữa khối lượng thực tế và thông tin đã cung cấp
- **Tình trạng hàng hóa:** kiểm tra bao bì, dấu hiệu hư hỏng, ẩm ướt hoặc biến dạng
- **Ký hiệu nhận diện:** mã hàng, nhãn dán (nếu có)

Trong trường hợp phát hiện sai lệch (thiếu, dư hoặc hư hỏng), nhân viên kho sẽ tiến hành:

- Ghi nhận thực tế
- Lập biên bản hiện trường
- Thông báo cho khách hàng hoặc bộ phận liên quan để phối hợp xử lý

Đây là bước quan trọng nhằm hạn chế tranh chấp và đảm bảo chất lượng hàng hóa trong quá trình lưu trữ.



Hình 2.14 nhân viên bốc xếp và kiểm tra hàng hóa

Bước 5: Lập phiếu nhập kho (Pallet Detail)

Sau khi hoàn tất kiểm tra thực tế, nhân viên kho tiến hành lập phiếu nhập kho để ghi nhận việc tiếp nhận hàng hóa vào kho. Tại Trung tâm Logistics Transimex Đà Nẵng, phiếu nhập kho thường được thể hiện dưới dạng “**Pallet Detail**”, phản ánh chi tiết thông tin của từng pallet hàng hóa.

Cụ thể, mỗi phiếu Pallet Detail ghi nhận các nội dung sau:

- **Thông tin khách hàng:** tên doanh nghiệp hoặc mã khách hàng
- **Thông tin hàng hóa:** tên hàng (item), mã hàng (nếu có)
- **Quy cách đóng gói:** số kiện trên mỗi pallet
- **Số lượng hàng hóa:** tổng số kiện hoặc đơn vị tính tương ứng
- **Thông tin truy xuất:** số lô (Lot No), ngày sản xuất (MFG Date), hạn sử dụng (EXP Date) nếu có

- **Tình trạng hàng hóa:** nguyên vẹn, móp méo, hư hỏng (nếu phát sinh)
- **Thời gian nhập kho**
- **Người thực hiện và xác nhận liên quan**

Việc lập phiếu Pallet Detail giúp quản lý hàng hóa chi tiết đến từng đơn vị lưu trữ (pallet), tạo điều kiện thuận lợi cho công tác truy xuất, kiểm kê và xuất kho sau này.

Phiếu nhập kho (Pallet Detail) đồng thời là căn cứ quan trọng trong việc đối chiếu dữ liệu và kiểm soát hàng hóa trong toàn bộ quá trình lưu trữ tại kho.

PALLET DETAIL LPN: NTC192553

ASN: WMS050326-803
Receipt date: 05/03/2026
Owner: CÔNG TY CỔ PHẦN HÙNG CƯỜNG CENTRAL

U35T2

No	Item	Description	Pack	PCS	BAG	Lot No	NXS	HSD	Trọng lượng
1		Sữa chua uống Metacare YOYO Dâu 180ml 1 tỷ lợi khuẩn	48 UNIT 1 CARTON	2400	50	LO050326-803	25/01/2026	25/11/2026	499.92

Prepared by: Nguyễn Thị Phương
Received by:
Checked by:

Hình 2.15 pallet detail và thông tin cont nhập

Bước 6: Cập nhật dữ liệu vào hệ thống quản lý kho

Sau khi hoàn tất việc lập phiếu nhập kho (Pallet Detail), thông tin hàng hóa được cập nhật vào hệ thống quản lý kho hàng của doanh nghiệp (cụ thể là phần mềm Infor).

Do phạm vi thực tập hạn chế quyền truy cập hệ thống, quá trình này chủ yếu được thực hiện bởi nhân viên phụ trách kho. Tuy nhiên, về mặt nghiệp vụ, nội dung cập nhật trên hệ thống thường bao gồm:

- Thông tin khách hàng
- Thông tin hàng hóa (tên hàng, mã hàng)

- Số lượng và đơn vị tính
- Thông tin liên quan đến pallet (số kiện trên mỗi pallet hoặc đơn vị lưu trữ)
- Thông tin phục vụ truy xuất (số lô, ngày sản xuất, hạn sử dụng nếu có)
- Vị trí lưu trữ hàng hóa trong kho

Việc cập nhật dữ liệu được thực hiện nhằm ghi nhận chính thức hàng hóa vào hệ thống quản lý, làm cơ sở cho việc theo dõi tồn kho, kiểm kê và phục vụ các hoạt động xuất kho sau này.

Mặc dù không trực tiếp thao tác trên hệ thống, có thể nhận thấy việc ứng dụng phần mềm quản lý kho giúp doanh nghiệp nâng cao khả năng kiểm soát thông tin hàng hóa, hạn chế sai sót và tăng tính đồng bộ trong quá trình vận hành.



Hình 2.16 Máy quét hàng nhập

Bước 7: Sắp xếp và lưu trữ hàng hóa vào vị trí

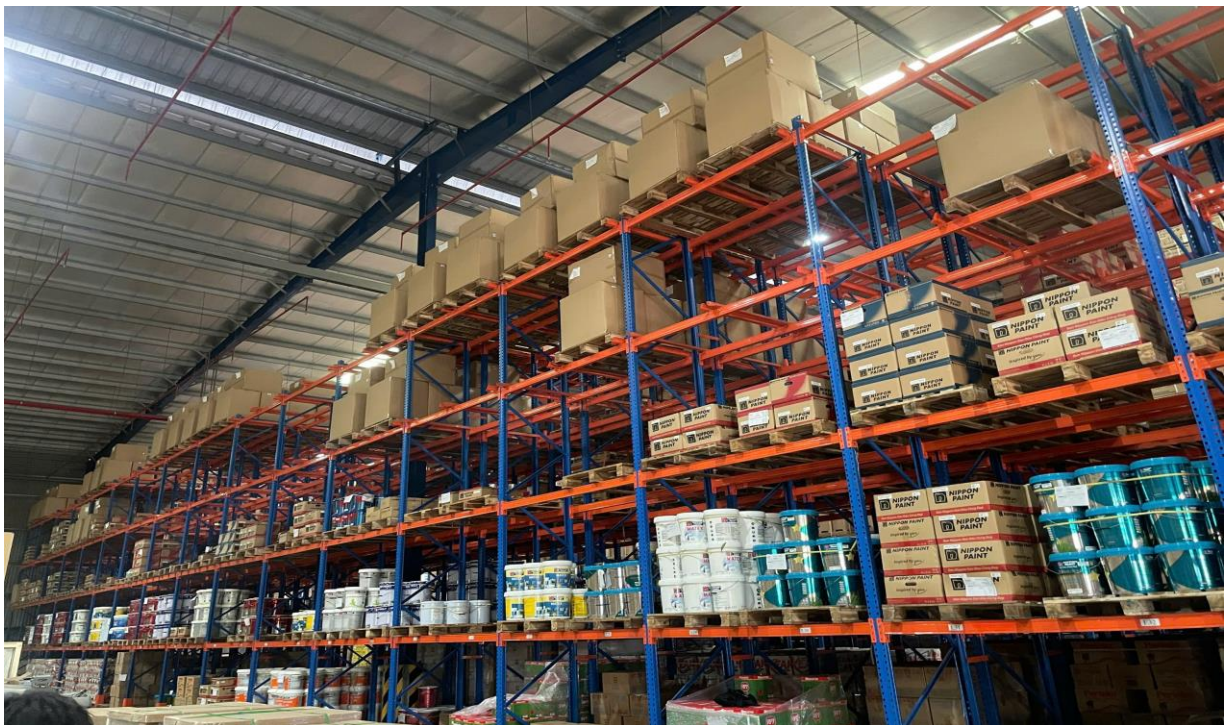
Sau khi thông tin hàng hóa đã được cập nhật trên hệ thống, nhân viên kho tiến hành đưa hàng hóa vào vị trí lưu trữ phù hợp trong kho.

Việc sắp xếp hàng hóa được thực hiện dựa trên các nguyên tắc quản lý kho và đặc tính của từng loại hàng, cụ thể:

- Phân bổ hàng hóa theo khu vực hoặc vị trí (location) đã được quy định
- Sắp xếp theo từng đơn vị lưu trữ như pallet, đảm bảo dễ nhận diện và kiểm soát
- Ưu tiên tuân thủ các nguyên tắc quản lý tồn kho như nhập trước – xuất trước (FIFO) hoặc quản lý theo số lô
- Đảm bảo các điều kiện bảo quản phù hợp với đặc tính hàng hóa (nếu có yêu cầu đặc biệt)

Trong một số trường hợp, hàng hóa sau khi sắp xếp sẽ được dán nhãn nhận diện nhằm hỗ trợ cho việc truy xuất và kiểm kê sau này.

Việc bố trí và lưu trữ hàng hóa một cách khoa học không chỉ giúp tối ưu hóa không gian kho mà còn góp phần nâng cao hiệu quả vận hành và giảm thiểu sai sót trong các hoạt động xuất nhập hàng hóa.



Hình 2.17 Hàng hóa được sắp xếp vào vị trí

2.4.3.2 Quy trình lưu trữ hàng hóa

Công tác lưu trữ hàng hóa tại Trung tâm Logistics Transimex Đà Nẵng được thực hiện thông qua hệ thống quản lý kho Infor kết hợp với việc bố trí và sắp xếp hàng hóa theo từng khu vực lưu trữ phù hợp với đặc tính của mỗi mặt hàng. Sau khi hàng hóa được nhập kho và kiểm tra, nhân viên kho sẽ tiến hành pallet hóa, dán mã pallet và phân bổ vào các vị trí lưu trữ cụ thể như kệ selective rack, khu vực lưu sàn hoặc khu vực dành riêng cho hàng đặc thù.

Đối với nhóm hàng điện tử và linh kiện điện lạnh như DAIKIN, MEDIA, hàng hóa chủ yếu được đóng trong thùng carton và lưu trữ trên kệ selective rack nhằm đảm bảo an toàn trong quá trình lưu kho, hạn chế va đập và thuận tiện cho việc xuất nhập bằng xe nâng. Các mặt hàng này được bố trí theo từng mã hàng riêng biệt để tránh nhầm lẫn trong quá trình vận hành.

Đối với mặt hàng sơn nước và hóa chất công nghiệp, hàng hóa thường được lưu trữ tại khu vực riêng nhằm đảm bảo an toàn và hạn chế rò rỉ. Nhân viên kho thường xuyên kiểm tra tình trạng bao bì, pallet và khu vực lưu trữ để hạn chế ảnh hưởng đến chất lượng hàng hóa cũng như an toàn kho bãi.

Ngoài ra, kho còn lưu trữ các mặt hàng tiêu dùng như sữa hộp và bia. Đây là nhóm hàng có yêu cầu cao về thời hạn sử dụng nên được bố trí và sắp xếp theo nguyên tắc FIFO hoặc FEFO nhằm hạn chế tình trạng hàng tồn lâu ngày và hỗ trợ quá trình xuất hàng đúng quy định của khách hàng.

Riêng đối với mặt hàng ắc quy, do có khối lượng nặng và yêu cầu bảo quản riêng biệt nên hàng hóa thường được lưu trữ tại khu vực dưới sàn thay vì trên kệ cao để đảm bảo an toàn trong quá trình lưu kho và di chuyển bằng xe nâng.

Hệ thống Infor hỗ trợ nhân viên kho trong việc tra cứu vị trí pallet, phân bổ hàng hóa theo từng khu vực lưu trữ và theo dõi tình trạng lưu kho của từng mặt hàng. Việc bố trí hàng hóa hợp lý góp phần tối ưu hóa diện tích kho, thuận tiện cho hoạt động bốc xếp, di chuyển và nâng cao hiệu quả vận hành tại kho.

Tuy nhiên, do lượng hàng hóa lưu kho lớn và chủng loại đa dạng với nhiều quy cách đóng gói khác nhau như pallet nguyên, pallet lẻ, thùng carton hoặc hàng xếp sàn nên công

tác bố trí và sắp xếp hàng hóa đôi khi vẫn gặp khó khăn. Trong một số thời điểm cao điểm hoặc mùa vụ, hàng hóa tập trung nhiều tại một khu vực có thể làm giảm hiệu quả sử dụng diện tích kho và ảnh hưởng đến tốc độ xuất nhập hàng hóa.

2.4.3.3 Quy trình xuất kho

Quy trình xuất kho tại Trung tâm Logistics Transimex Đà Nẵng được thực hiện theo trình tự chặt chẽ, bắt đầu từ khi tiếp nhận yêu cầu xuất hàng cho đến khi bàn giao hàng hóa cho bộ phận vận chuyển. Quy trình này nhằm đảm bảo tính chính xác, kịp thời và đáp ứng yêu cầu của khách hàng. Cụ thể gồm các bước sau:

Bước 1: Tiếp nhận yêu cầu xuất hàng

Quá trình xuất kho tại Công ty Cổ phần Transimex – Chi nhánh Đà Nẵng được khởi đầu khi bộ phận kho tiếp nhận yêu cầu xuất hàng từ khách hàng hoặc các bộ phận liên quan như chăm sóc khách hàng, điều phối. Sau khi tiếp nhận yêu cầu, nhân viên kho sẽ kiểm tra thông tin trên phiếu xuất kho để tiến hành chuẩn bị hàng hóa theo đúng yêu cầu.

Thông tin trên phiếu xuất kho thường bao gồm:

- Thông tin khách hàng/đơn vị nhận hàng
- Tên hàng (Description), mã hàng (Item code)
- Số lượng yêu cầu xuất
- Số lot/lô hàng
- Ngày sản xuất, hạn sử dụng
- Vị trí lưu kho
- Thời gian xuất hàng
- Yêu cầu cụ thể khác (nếu có): xuất theo lot, đóng gói lại, dán nhãn,...

Đây là cơ sở để nhân viên kho chuẩn bị kế hoạch xuất hàng phù hợp.

LỆNH XUẤT KHO THEO VỊ TRÍ OUT STORE NOTE


 Số phiếu xuất/Code: 6060213447
 Ngày xuất kho/Date: 06/03/2026
 Giờ xuất kho/Time: 08:28
 Số tham chiếu: WMS6060213447
 Số xe/Car no: 50H-46671-01
 Container/Seal:
 Cửa xuất hàng:

Tên đơn vị/Customer: **Công ty Cổ phần Daikin Air Conditioning**
 Địa chỉ/Address: 201-203 CMT8, P4, Q3, Hồ Chí Minh
 Người nhận hàng/Receiver: DAIKIN
 Căn cứ/Foundation:
 Nhân viên kiểm hàng/Xe nâng: Hạnh
 Bên nhận hàng: **Công ty TNHH MTV TM & DV Duy Nhật Trần**
 Ghi chú/Note:

Địa chỉ giao hàng: Số 06 Cồn Dầu 8, P. Hòa Xuân, Q. Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng

STT No	Mã Hàng Item	Tên Hàng Description	Số Lô LotNo	Quy Cách Specification	Số Lượng Quantity	Trọng Lượng Weight (M3)	Mã ô Cell Code	Ngày sản xuất	Hạn sử dụng	Số thùng tồn tại
1	RNQ13MV1	RNQ13MV1	LO27022601	0.189	1	0.189	B09N5	27/02/2026		0
2	RNQ13MV1	RNQ13MV1	LO28022601	0.189	1	0.189	E30N4	28/02/2026		1
TỔNG CỘNG PHIẾU XUẤT KHO/TOTAL					2	0.377				1

Hình 2.18 chứng từ xuất kho theo vị trí

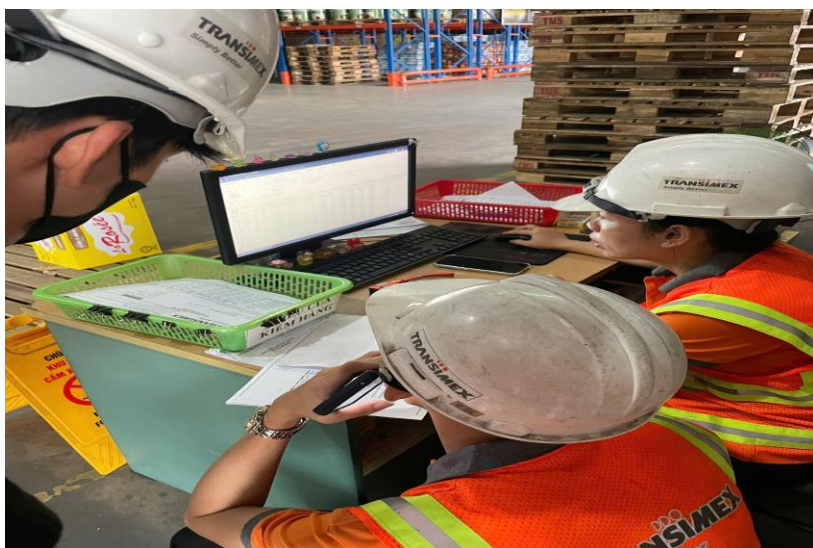
Bước 2: Kiểm tra thông tin tồn kho trên hệ thống

Sau khi tiếp nhận yêu cầu, nhân viên kho tiến hành kiểm tra tình trạng tồn kho trên hệ thống quản lý kho (Infor).

Nội dung kiểm tra bao gồm:

- Số lượng tồn kho thực tế
- Vị trí lưu trữ của hàng hóa trong kho
- Thông tin theo từng pallet (Pallet Detail)
- Thông tin truy xuất (Lot No, ngày sản xuất, hạn sử dụng nếu có)

Việc kiểm tra này giúp đảm bảo khả năng đáp ứng đơn hàng, đồng thời hỗ trợ lựa chọn phương án xuất hàng phù hợp (ví dụ: xuất theo FIFO nhập kho trước sẽ ưu tiên xuất trước hoặc theo yêu cầu cụ thể của khách hàng).



Hình 2.19 kiểm tra tình trạng tồn kho trên hệ thống Infor

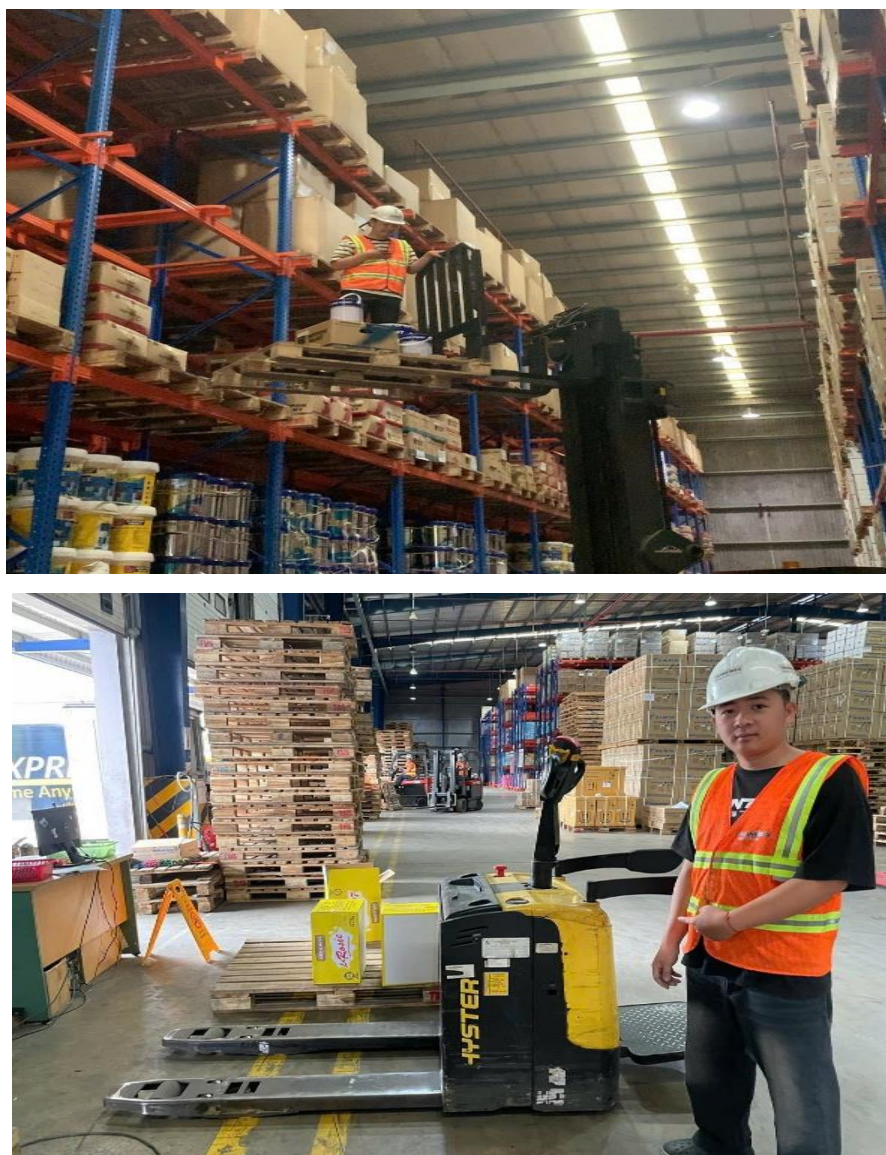
Bước 3: Lấy hàng (Picking)

Sau khi xác nhận đủ hàng, nhân viên kho tiến hành lấy hàng tại các vị trí lưu trữ đã được xác định.

Quá trình picking được thực hiện dựa trên chứng từ xuất kho theo vị trí

- Thông tin vị trí (location/bin) trên hệ thống
- Phiếu xuất hoặc danh sách hàng cần lấy
- Nguyên tắc xuất kho (FIFO hoặc theo Lot)

Hàng hóa thường được lấy theo từng pallet hoặc theo số kiện yêu cầu. Đây là công đoạn quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ và độ chính xác của đơn hàng.



Hình 2.20 Thực tập sinh hỗ trợ lấy hàng theo vị trí

Bước 4: Kiểm tra lại hàng hóa sau khi picking

Sau khi hoàn tất việc lấy hàng, nhân viên kho tiến hành kiểm tra lại nhằm đảm bảo:

- Đúng chủng loại hàng hóa (item)
- Đúng số lượng theo yêu cầu
- Đúng số lô (nếu có yêu cầu xuất theo lot)
- Tình trạng hàng hóa đảm bảo (không hư hỏng, móp méo)

Trong trường hợp phát hiện sai lệch, nhân viên sẽ điều chỉnh ngay trước khi chuyển sang bước tiếp theo.



Hình 2.21 thực tập sinh hỗ trợ kiểm tra hàng xuất thực tế

Bước 5: Đóng gói và hoàn thiện hàng hóa (nếu cần)

Tùy theo yêu cầu của khách hàng hoặc đặc điểm vận chuyển, hàng hóa có thể được:

- Đóng gói lại
- Gom pallet hoặc tách lẻ
- Dán nhãn nhận diện hoặc tem vận chuyển

Công đoạn này nhằm đảm bảo hàng hóa phù hợp với điều kiện giao nhận và hạn chế rủi ro trong quá trình vận chuyển.

Bước 6: Lập phiếu xuất kho

Sau khi hoàn tất kiểm tra và đóng gói, nhân viên kho tiến hành lập phiếu xuất kho để ghi nhận việc hàng hóa được xuất ra khỏi kho.

Phiếu xuất kho thường thể hiện:

- Thông tin khách hàng
- Thông tin hàng hóa (item, số lượng)

- Thông tin pallet hoặc đơn vị xuất
- Thời gian xuất kho
- Người thực hiện và xác nhận

Phiếu xuất kho là căn cứ quan trọng để đối chiếu dữ liệu và phục vụ công tác kiểm soát sau này.

08/18 14/3/26 appinfor.transimex.com:81/scprd_screports/output?_locale=en_US&_showTitle=false&_timezone=Asia%2FBangkok&_offset...

TRANSIMEX
Simply Better

Transimex Logistics Center-Da Nang
Address: Lot C2-9, No.10 Street, Hoa Cam Industrial,
Cam Le Ward, Da Nang City, Viet Nam
Tel: (+84-0236) 3798668 - Fax: (+84-0236) 3785678
Email: tmsdn.doc@transimex.com.vn
Website: www.transimex.com.vn

**LỆNH XUẤT KHO THEO VỊ TRÍ
OUT STORE NOTE**

Số phiếu xuất/Code: XLP1403261
Ngày xuất kho/Date: 14/03/2026
Giờ xuất kho/Time: 09:00
Số tham chiếu: WMSSLP1403261
Số xe/Car no: CONT 43E 02915
Container/Seal:
Cửa xuất hàng:

Tên đơn vị/Customer: **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT LONG PHƯỚC**
Địa chỉ/Address: Quốc lộ 1A, Thôn Nhôn Thọ 2,
Người nhận hàng/Receiver:
Cần cù/Foundation:
Nhân viên kiểm hàng/Xe nâng: Hạnh
Bên nhận hàng: null
Ghi chú/Note:

Địa chỉ giao hàng: null

STT No	Mã Hàng Item	Tên Hàng Description	Số Lô LotNo	Quy Cách Specifi- cation	Số Lượng Quantity	Trọng Lượng Weight (M3)	Mã ô Cell Code	Ngày sản xuất	Hạn sử dụng	Số thùng tồn tại
1	5367711	Ice 20l Colo1	LO041125-20	0.384	✓ 3	1.152	S32N5	04/11/2025		0
2	5367711	Ice 20l Colo1	LO041125-20	0.384	✓ 3	1.152	S33N4	04/11/2025		0
3	5367711	Ice 20l Colo1	LO041125-20	0.384	✓ 3	1.152	S33T4	04/11/2025		0
4	5367711	Ice 20l Colo1	LO041125-20	0.384	✓ 3	1.152	S34N4	04/11/2025		0
5	5367711	Ice 20l Colo1	LO041125-20	0.384	✓ 3	1.152	S34T4	04/11/2025		0
6	5367711	Ice 20l Colo1	LO041125-20	0.384	✓ 3	1.152	S35N4	04/11/2025		0
7	5367711	Ice 20l Colo1	LO041125-20	0.384	✓ 3	1.152	S35T4	04/11/2025		0
							S36N4	04/11/2025		0

1/31/26, 9:29 AM appinfor.transimex.com:81/scprd_screports/output?_locale=en_US&_showTitle=false&_timezone=Asia%2FBangkok&_of...

1/26, 9:29 AM appinfor.transimex.com:81/scprd_screports/output?_locale=en_US&_showTitle=false&_timezone=Asia%2FBangkok&_of...

1/31/26, 9:28 AM appinfor.transimex.com:81/scprd_screports/output?_locale=en_US&_showTitle=false&_timezone=Asia%2FBangkok&_of...

TRANSIMEX
Simply Better

Transimex Logistics Center-Da Nang
Address: Lot C2-9, No.10 Street, Hoa Cam Industrial,
Cam Le Ward, Da Nang City, Viet Nam
Tel: (+84-0236) 3798668 - Fax: (+84-0236) 3785678
Email: tmsdn.doc@transimex.com.vn
Website: www.transimex.com.vn

**LỆNH XUẤT KHO THEO VỊ TRÍ
OUT STORE NOTE**

Số phiếu xuất/Code: S2601-0095
Ngày xuất kho/Date: 31/01/2026
Giờ xuất kho/Time: 00:00
Số tham chiếu: WMSS2601-0095
Số xe/Car no:
Container/Seal:
Cửa xuất hàng: 16

Tên đơn vị/Customer: **CÔNG TY TNHH BIA SAN MIGUEL VIỆT NAM**
Địa chỉ/Address: Quốc lộ 1A, Xã Suối Hiệp, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Người nhận hàng/Receiver:
Cần cù/Foundation:
Nhân viên kiểm hàng/Xe nâng: Phạm Nguyễn Thanh Tâm
Bên nhận hàng: Hộ kinh doanh PARADISE
Ghi chú/Note:

Địa chỉ giao hàng: Bãi tắm Tân TràPhường Ngũ Hành SơnThàng Phố Đà Nẵng

STT No	Mã Hàng Item	Tên Hàng Description	Số Lô LotNo	Quy Cách Specifi- cation	Số Lượng Quantity	Trọng Lượng Weight (M3)	Mã ô Cell Code	Ngày sản xuất	Hạn sử dụng	Số thùng tồn tại
1	FSLB330	SML Bottle 330	LO311225-01	0	✓ 1	0	G06N1	16/12/2025	16/12/2026	36
2	FPPK20	PP Draft 20	LO290126-01	0	✓ 19	0	G10N1	26/01/2026	26/06/2026	0
3	FPPK20	PP Draft 20	LO290126-01	0	✓ 1	0	G10T1	26/01/2026	26/06/2026	26
4	FCBK15	CB Draft 15	LO050126-01	0	✓ 1	0	G21T1	25/11/2025	25/11/2026	15
TỔNG CỘNG PHIẾU XUẤT KHO/TOTAL						22	0			77

Đà Nẵng, ngày 31 tháng 01 năm 2026

QC kho
Quality Controller

Người kiểm hàng
Checker

Người lập phiếu
Prepared by

Transimex Logistics Center-Da Nang

Nguyễn Việt Tâm

Printing date and time: 31/01/2026 09:28

page 1 / 1

Transimex Logistics Center-Da Nang
Address: Lot C2-9, No.10 Street, Hoa Cam Industrial, Cam Le Ward, Da Nang City, Viet Nam
Tel: (+84-0236) 3798668 - Fax: (+84-0236) 3785678
Email: tmsdn.doc@transimex.com.vn
Website: www.transimex.com.vn

**LỆNH XUẤT KHO THEO VỊ TRÍ
OUT STORE NOTE**

Tên đơn vị/Customer: **CÔNG TY TNHH BIA SAN MIGUEL VIỆT NAM**
Địa chỉ/Address: Quốc lộ 1A, Xã Suối Hiệp, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Người nhận hàng/Receiver:
Cần cẩu/Foundation:
Nhân viên kiểm hàng/Xe nâng: Phạm Nguyễn Thanh Tâm
Bên nhận hàng: Hộ kinh doanh PARADISE

Ghi chú/Note:

Địa chỉ giao hàng: Bãi tam Tân TràPhường Ngũ Hành SơnThắng Phố Đà Nẵng

Số phiếu xuất/Code: 52601-0095
Ngày xuất kho/Date: 31/01/2026
Giờ xuất kho/Time: 00:00
Số tham chiếu: WMSS2601-0095
Số xe/Car no:
Container/Seal:
Cửa xuất hàng: 16

STT No	Mã Hàng Item	Tên Hàng Description	Số Lô LotNo	Quy Cách Specifi- cation	Số Lượng Quantity	Trọng Lượng Weight (M3)	Mã ô Cell Code	Ngày sản xuất	Hạn sử dụng	Số thùng tồn tại
1	FSLB330	SML Bottle 330	LO311225-01	0	✓ 1	0	G06N1	16/12/2025	16/12/2026	36
2	FPPK20	PP Draft 20	LO290126-01	0	✓ 19	0	G10N1	26/01/2026	26/06/2026	0
3	FPPK20	PP Draft 20	LO290126-01	0	✓ 1	0	G10T1	26/01/2026	26/06/2026	26
4	FCBK15	CB Draft 15	LO050126-01	0	✓ 1	0	G21T1	25/11/2025	25/11/2026	15
TỔNG CỘNG PHIẾU XUẤT KHO/TOTAL						22	0			77

QC kho Quality Controller Người kiểm hàng Checker Người lập phiếu Prepared by Đà Nẵng, ngày 31 tháng 01 năm 2026
Transimex Logistics Center-Da Nang

Nguyễn Việt Tâm

Printing date and time: 31/01/2026 09:28 page 1 / 1

Transimex Logistics Center-Da Nang
Address: Lot C2-9, No.10 Street, Hoa Cam Industrial, Cam Le Ward, Da Nang City, Viet Nam
Tel: (+84-0236) 3798668 - Fax: (+84-0236) 3785678
Email: tmsdn.doc@transimex.com.vn
Website: www.transimex.com.vn

**LỆNH XUẤT KHO THEO VỊ TRÍ
OUT STORE NOTE**

Tên đơn vị/Customer: **Công ty Cổ phần Daikin Air Conditioning**
Địa chỉ/Address: 201-203 CMT8, P.4, Q.3, Hồ Chí Minh
Người nhận hàng/Receiver: DAIKIN
Cần cẩu/Foundation:
Nhân viên kiểm hàng/Xe nâng: Hành
Bên nhận hàng: Công ty TNHH Cơ Điện Hoàng Anh

Ghi chú/Note:

Địa chỉ giao hàng: null

Số phiếu xuất/Code: 6060213574
Ngày xuất kho/Date: 06/03/2026
Giờ xuất kho/Time: 08:28
Số tham chiếu: WMS6060213574
Số xe/Car no: 50H-46671-01
Container/Seal:
Cửa xuất hàng:

STT No	Mã Hàng Item	Tên Hàng Description	Số Lô LotNo	Quy Cách Specifi- cation	Số Lượng Quantity	Trọng Lượng Weight (M3)	Mã ô Cell Code	Ngày sản xuất	Hạn sử dụng	Số thùng tồn tại
1	RZFC71EVM	RZFC71EVM	LO30012601	0.287	1	0.287	C18N5	30/01/2026		3
2	BRC2E61	BRC2E61	LO16012602	0.002	1	0.002	F27N1	16/01/2026		42
3	FBFC71DVM9	FBFC71DVM9	LO18102501	0.311	1	0.311	G34T4	18/10/2025		1
TỔNG CỘNG PHIẾU XUẤT KHO/TOTAL						3	0.6			46

QC kho Quality Controller Người kiểm hàng Checker Người lập phiếu Prepared by Đà Nẵng, ngày 06 tháng 03 năm 2026
Transimex Logistics Center-Da Nang

Trần Tuấn Anh

Đỗ Thị Mỹ Hạnh

Printing date and time: 06/03/2026 08:34 page 1 / 1

Bước 7: Bàn giao hàng hóa cho bộ phận vận chuyển

Hàng hóa sau khi hoàn tất thủ tục được bàn giao cho bộ phận vận chuyển hoặc tài xế.

Tại thời điểm bàn giao, nhân viên kho tiến hành:

- Kiểm tra lại số lượng hàng hóa thực tế
- Xác nhận thông tin với tài xế (xe, người nhận)
- Ghi nhận thời gian xuất kho

Việc bàn giao giúp hoàn tất quy trình xuất kho và đảm bảo trách nhiệm được chuyển giao rõ ràng giữa các bên liên quan.

2.4.3.4 Quản lý tồn kho

Công tác quản lý tồn kho tại Trung tâm Logistics Transimex Đà Nẵng được thực hiện thông qua việc theo dõi và kiểm soát liên tục số lượng hàng hóa theo các trạng thái nhập – xuất – tồn trên hệ thống quản lý kho Infor. Toàn bộ thông tin hàng hóa sau khi nhập kho sẽ được cập nhật lên hệ thống nhằm phục vụ cho việc kiểm soát tồn kho và tra cứu dữ liệu khi cần thiết.

Các dữ liệu được quản lý trên hệ thống bao gồm số lượng tồn kho theo từng thời điểm, mã hàng (Item Code), số lô (Lot No), ngày sản xuất, hạn sử dụng, thông tin khách hàng và lịch sử nhập – xuất hàng hóa. Hệ thống Infor hỗ trợ nhân viên kho theo dõi biến động tồn kho theo thời gian thực, giúp bộ phận vận hành dễ dàng kiểm soát số lượng hàng hóa và lập kế hoạch xuất nhập phù hợp.

Đối với các mặt hàng có hạn sử dụng như sữa hộp và bia, hệ thống sẽ hỗ trợ theo dõi ngày sản xuất và hạn sử dụng để thực hiện xuất hàng theo nguyên tắc FIFO hoặc FEFO, hạn chế tình trạng tồn kho lâu ngày hoặc hàng hết hạn. Ngoài ra, việc quản lý tồn kho theo từng mã hàng và từng khách hàng cũng giúp quá trình truy xuất thông tin và kiểm soát hàng hóa được thực hiện nhanh chóng và chính xác hơn.

Trong quá trình vận hành, nhân viên kho thường xuyên kiểm tra và đối chiếu số lượng hàng hóa thực tế với dữ liệu trên hệ thống nhằm phát hiện kịp thời các sai lệch phát sinh. Trung tâm cũng thực hiện kiểm kê định kỳ để đảm bảo tính chính xác giữa số liệu tồn kho trên hệ thống và hàng hóa thực tế tại kho.

Tuy nhiên, trong một số trường hợp vẫn có thể xảy ra chênh lệch tồn kho do thao tác thủ công trong quá trình nhập liệu, dán nhãn pallet hoặc di chuyển hàng hóa giữa các vị trí lưu trữ. Bên cạnh đó, nhu cầu lưu kho của khách hàng thường biến động theo mùa vụ và kế hoạch kinh doanh, trong khi số lượng mã hàng lớn và đa dạng cũng làm gia tăng mức độ phức tạp trong công tác kiểm soát tồn kho.

Những hạn chế trên có thể dẫn đến tình trạng tồn kho chưa hợp lý như tồn kho dư thừa, thiếu hụt cục bộ hoặc sai lệch dữ liệu tồn kho, từ đó làm gia tăng chi phí lưu kho và ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động logistics của doanh nghiệp.

2.4.3.5 Hệ thống thông tin và phần mềm quản lý

Hiện nay, Công ty Cổ phần Transimex – Chi nhánh Đà Nẵng đã triển khai một số hệ thống phần mềm nhằm hỗ trợ hoạt động logistics, trong đó hệ thống quản lý kho Infor WMS (Warehouse Management System) đóng vai trò quan trọng trong hoạt động quản lý kho bãi và lưu trữ hàng hóa tại Trung tâm Logistics Transimex Đà Nẵng. Bên cạnh đó, doanh nghiệp cũng sử dụng hệ thống quản lý vận tải (TMS) nhằm hỗ trợ công tác điều phối vận chuyển và theo dõi hoạt động giao nhận hàng hóa.

Cụ thể, hệ thống Infor WMS được sử dụng để quản lý các hoạt động liên quan đến nhập kho, xuất kho, lưu trữ và kiểm soát tồn kho hàng hóa. Hệ thống hỗ trợ cập nhật và lưu trữ dữ liệu hàng hóa theo thời gian thực, bao gồm mã hàng, số lượng tồn kho, vị trí lưu trữ, số lô, ngày sản xuất và hạn sử dụng. Đồng thời, phần mềm còn hỗ trợ truy xuất vị trí pallet, theo dõi lịch sử nhập – xuất hàng hóa và hỗ trợ kiểm kê tồn kho, góp phần nâng cao tính chính xác và minh bạch trong hoạt động quản lý kho.

Ngoài ra, hệ thống Infor WMS còn hỗ trợ phân bổ vị trí lưu trữ phù hợp với đặc điểm của từng loại hàng hóa như hàng điện tử, thực phẩm, sơn hoặc ắc quy, giúp tối ưu hóa diện tích kho và thuận tiện cho hoạt động vận hành xe nâng, bốc xếp và xuất nhập hàng hóa. Việc ứng dụng hệ thống này giúp doanh nghiệp giảm bớt khối lượng xử lý thủ công, tăng tốc độ xử lý đơn hàng và nâng cao hiệu quả phối hợp giữa bộ phận chứng từ và bộ phận hiện trường kho.

Bên cạnh hệ thống quản lý kho, doanh nghiệp cũng sử dụng hệ thống TMS nhằm hỗ trợ quản lý hoạt động vận tải, theo dõi tiến độ giao nhận và điều phối phương tiện vận chuyển phù hợp với kế hoạch xuất nhập hàng hóa

Tuy nhiên, trong quá trình vận hành, hệ thống thông tin của doanh nghiệp vẫn còn tồn tại một số hạn chế nhất định. Trước hết, mức độ tích hợp giữa các hệ thống chưa thực sự đồng bộ, đặc biệt là giữa hệ thống quản lý kho, vận tải và các bộ phận liên quan. Điều này đôi khi làm cho dữ liệu còn phân tán và gây khó khăn trong việc khai thác thông tin phục vụ hoạt động quản trị

Bên cạnh đó, mặc dù đã ứng dụng phần mềm Infor WMS nhưng nhiều công đoạn trong hoạt động kho bãi vẫn phụ thuộc vào thao tác thủ công của nhân viên như kiểm kê, dán nhãn pallet hoặc xử lý chứng từ giấy. Ngoài ra, việc áp dụng các công nghệ tự động hóa hiện đại như RFID, hệ thống kệ kho tự động hoặc thiết bị xử lý dữ liệu đồng bộ vẫn còn hạn chế, khiến doanh nghiệp chưa khai thác tối đa hiệu quả của chuyển đổi số trong hoạt động logistics.

2.5 Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả quản lý kho tại trung tâm logistics transimex

Để đánh giá hiệu quả hoạt động quản lý kho, Trung tâm Logistics Transimex – Chi nhánh Đà Nẵng có thể sử dụng một số chỉ tiêu phản ánh trực tiếp tình hình vận hành thực tế tại kho như sau:

Tỷ lệ luân chuyển tồn kho (Inventory Turnover Ratio – ITR)

Chỉ tiêu tỷ lệ luân chuyển tồn kho phản ánh tốc độ luân chuyển hàng hóa trong kho trong một khoảng thời gian nhất định. Tỷ lệ luân chuyển càng cao cho thấy hàng hóa được xuất nhập thường xuyên, hạn chế tình trạng lưu kho quá lâu và giúp doanh nghiệp sử dụng diện tích kho hiệu quả hơn.

Trong thực tế tại Trung tâm Logistics Transimex Đà Nẵng, chỉ tiêu này có ý nghĩa khá quan trọng đối với các mặt hàng có tần suất xuất nhập lớn như sữa, bia hoặc hàng tiêu dùng. Những mặt hàng này thường được xuất liên tục nên tốc độ luân chuyển tương đối nhanh, giúp giảm áp lực tồn kho và hạn chế tình trạng hàng lưu kho quá lâu. Ngược lại, đối với một số mặt hàng có nhu cầu xuất chậm hơn như linh kiện điện tử hoặc một số hàng lưu

kho dài ngày, nếu không kiểm soát tốt sẽ dễ xảy ra tình trạng chiếm diện tích lưu trữ và gây khó khăn cho việc bố trí hàng mới nhập về.

Thông qua chỉ tiêu này, bộ phận kho có thể theo dõi những mặt hàng luân chuyển chậm để điều chỉnh cách sắp xếp hàng hóa hoặc bố trí lại vị trí lưu trữ phù hợp hơn. Trong thực tế vận hành, khi lượng hàng tồn lưu quá nhiều tại một khu vực sẽ làm nhân viên mất nhiều thời gian tìm hàng, di chuyển hàng hóa và ảnh hưởng đến tốc độ xử lý đơn hàng. Ngoài ra, hàng tồn kho kéo dài cũng làm tăng chi phí lưu kho và gây áp lực lên diện tích lưu trữ của kho.

Độ chính xác tồn kho (Inventory Accuracy Rate – IAR)

Đây là chỉ tiêu phản ánh mức độ khớp đúng giữa số lượng hàng hóa thực tế tại kho và dữ liệu trên hệ thống quản lý.

Tại Transimex Đà Nẵng, chỉ tiêu này có vai trò quan trọng trong quá trình kiểm kê và xuất hàng. Nếu dữ liệu tồn kho không chính xác sẽ dễ dẫn đến tình trạng mất thời gian tìm hàng, thiếu hàng khi xuất kho hoặc phải kiểm tra lại nhiều lần trước khi đóng hàng lên xe hoặc container. Vì vậy, việc cập nhật dữ liệu nhập – xuất – tồn kịp thời giúp nhân viên kiểm soát hàng hóa tốt hơn và hạn chế sai sót trong vận hành.

Tỷ lệ hoàn thành giao hàng đúng hạn (On Time In Full – OTIF)

Chỉ tiêu này phản ánh khả năng xử lý và giao hàng đúng thời gian, đúng số lượng theo yêu cầu của khách hàng.

Trong hoạt động thực tế, chỉ tiêu OTIF chịu ảnh hưởng trực tiếp từ tốc độ lấy hàng, tập kết hàng và quá trình đóng hàng vào container hoặc xe vận chuyển. Nếu việc tìm hàng, kiểm đếm hoặc xử lý chứng từ bị chậm sẽ ảnh hưởng đến tiến độ xuất hàng và thời gian giao hàng cho khách. Vì vậy, đây là một chỉ tiêu quan trọng để đánh giá hiệu quả phối hợp giữa bộ phận kho và bộ phận vận tải.

Tỷ lệ hàng tồn kho lâu ngày (Slow-moving and Obsolete Inventory – SLOB)

Trong thực tế tại Trung tâm Logistics Transimex Đà Nẵng, một số mặt hàng có tốc độ xuất chậm hoặc khách hàng chưa có kế hoạch lấy hàng ngay thường phải lưu kho trong

thời gian dài. Khi lượng hàng tồn tăng lên, nhiều khu vực trong kho dễ bị chiếm diện tích lưu trữ, gây khó khăn cho việc bố trí các lô hàng mới nhập về.

Qua quá trình quan sát thực tế tại kho, có thể thấy những mặt hàng lưu kho lâu thường được đưa vào các khu vực riêng để tránh ảnh hưởng đến hoạt động xuất nhập hàng thường xuyên. Tuy nhiên, khi số lượng hàng tồn nhiều, nhân viên sẽ mất thêm thời gian trong quá trình tìm hàng, kiểm tra vị trí lưu trữ hoặc di chuyển pallet để lấy các lô hàng phía trong. Điều này làm tốc độ xử lý đơn hàng chậm hơn, đặc biệt vào thời điểm kho có nhiều hàng hóa tập trung.

Ngoài ra, đối với các mặt hàng như sữa hoặc hàng tiêu dùng, nếu lưu kho quá lâu sẽ làm tăng áp lực kiểm soát hạn sử dụng và tình trạng hàng hóa trong kho. Một số trường hợp hàng tồn lâu còn gây khó khăn cho việc sắp xếp hàng mới do diện tích lưu trữ bị hạn chế.

Chu kỳ xử lý đơn hàng (Order Cycle Time – OCT)

Chỉ tiêu này phản ánh khoảng thời gian từ khi kho tiếp nhận yêu cầu xuất hàng đến khi hoàn tất việc lấy hàng, kiểm đếm, đóng hàng và bàn giao cho bộ phận vận chuyển.

Trong thực tế tại Trung tâm Logistics Transimex Đà Nẵng, thời gian xử lý đơn hàng phụ thuộc khá nhiều vào vị trí lưu trữ hàng hóa và khả năng phối hợp giữa các bộ phận trong kho. Đối với các mặt hàng có tần suất xuất nhiều như sữa, bia hoặc hàng tiêu dùng, nếu hàng được bố trí gần khu vực xuất hàng thì quá trình lấy hàng và đóng pallet diễn ra nhanh hơn. Ngược lại, khi hàng hóa được lưu trữ phân tán ở nhiều khu vực hoặc số lượng đơn xuất tăng mạnh cùng lúc, nhân viên sẽ mất thêm thời gian để tìm hàng, kiểm đếm và di chuyển hàng hóa ra khu vực tập kết.

Trong một số thời điểm cao điểm hoặc khi nhiều xe container đến nhận hàng cùng lúc, khu vực xuất hàng thường tập trung lượng hàng lớn nên việc điều phối xe nâng và sắp xếp hàng hóa mất nhiều thời gian hơn bình thường. Ngoài ra, nếu thông tin trên hệ thống cập nhật chậm hoặc phát sinh thay đổi đơn hàng từ khách hàng, quá trình xử lý đơn cũng có thể bị ảnh hưởng và kéo dài hơn so với kế hoạch ban đầu.

Các chỉ tiêu như tốc độ luân chuyển hàng hóa, hàng tồn kho chậm luân chuyển và chu kỳ xử lý đơn hàng giúp doanh nghiệp theo dõi tình hình vận hành thực tế tại kho. Thông

qua việc theo dõi các chỉ tiêu này, bộ phận kho có thể phát hiện những khu vực còn mất nhiều thời gian xử lý, tình trạng tồn kho kéo dài hoặc áp lực hàng hóa tập trung để chủ động điều chỉnh cách bố trí hàng hóa và kế hoạch xử lý phù hợp hơn với thực tế vận hành tại kho.

2.6. Các yếu tố ảnh hưởng tới công tác quản lý kho tại trung tâm logistics transimex

Công tác quản lý kho tại Trung tâm Logistics Transimex – Chi nhánh Đà Nẵng chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố khác nhau, tác động trực tiếp đến hiệu quả lưu trữ, xử lý và luân chuyển hàng hóa trong thực tế.

2.6.1. Nhân sự kho

Nhân sự kho là yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình vận hành tại Trung tâm Logistics Transimex Đà Nẵng. Tại kho, nhân viên đảm nhận nhiều công việc khác nhau như xuống hàng container, kiểm đếm, dán tem, sắp xếp hàng lên pallet, vận hành xe nâng, kiểm kê tồn kho và chuẩn bị hàng xuất cho khách.

khối lượng công việc của nhân viên khá lớn, đặc biệt vào những thời điểm nhiều container nhập kho cùng lúc hoặc cuối tháng khi lượng hàng xuất tăng cao. Nhân viên kho thường phải phối hợp liên tục giữa các vị trí như xe nâng, checker và bộ phận chứng từ để xử lý hàng hóa kịp tiến độ giao nhận.

Đối với các mặt hàng như sữa, bia hoặc hàng tiêu dùng có tần suất xuất nhập nhiều, nhân viên phải di chuyển và kiểm đếm liên tục để kịp tiến độ xuất hàng. Trong khi đó, các mặt hàng như linh kiện điện tử, sơn hoặc ắc quy lại yêu cầu kiểm tra và sắp xếp cẩn thận hơn do có yêu cầu riêng về bảo quản và an toàn lưu kho. Vì vậy áp lực công việc tại kho tương đối cao, đặc biệt khi lượng hàng tập trung nhiều tại một khu vực lưu trữ.

Ngoài ra, một số công đoạn trong kho vẫn phụ thuộc khá nhiều vào kinh nghiệm thực tế của nhân viên. Khi lượng hàng lớn hoặc xử lý nhiều mã hàng cùng lúc vẫn có thể xảy ra tình trạng tìm hàng mất thời gian, cập nhật chậm hoặc chênh lệch số liệu giữa thực tế và hệ thống. Bên cạnh đó, khả năng sử dụng phần mềm quản lý kho giữa các nhân sự vẫn chưa đồng đều, chủ yếu phụ thuộc vào kinh nghiệm làm việc thực tế tại kho.

Đánh giá chung: *Đội ngũ nhân sự tại kho có kinh nghiệm thực tế và đáp ứng được khối lượng công việc hằng ngày. Tuy nhiên vào thời điểm cao điểm, áp lực xử lý hàng hóa lớn nên nhân viên phải làm việc liên tục, dễ phát sinh sai sót trong kiểm đếm và cập nhật dữ liệu. Điều này cho thấy doanh nghiệp vẫn cần tăng cường đào tạo kỹ năng sử dụng hệ thống và bố trí nhân sự hợp lý hơn trong các thời điểm lượng hàng tăng cao..*

2.6.2. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Cơ sở vật chất và trang thiết bị kho ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình lưu trữ, sắp xếp và xử lý hàng hóa tại Trung tâm Logistics Transimex Đà Nẵng. Hiện nay, kho được bố trí thành nhiều khu vực lưu trữ khác nhau để phục vụ cho nhiều nhóm hàng như sữa, bia, hàng tiêu dùng, linh kiện điện tử, sơn, ắc quy,... Ngoài ra, kho được trang bị hệ thống kệ chứa hàng, pallet, xe nâng, camera giám sát và hệ thống phòng cháy chữa cháy nhằm phục vụ hoạt động vận hành và đảm bảo an toàn hàng hóa trong quá trình lưu kho.

Xe nâng được sử dụng thường xuyên để xuống hàng container, di chuyển pallet và sắp xếp hàng lên kệ, giúp giảm đáng kể sức lao động thủ công và hỗ trợ xử lý hàng nhanh hơn. Đối với những lô hàng số lượng lớn hoặc hàng nặng như bia, sơn hoặc ắc quy, việc sử dụng pallet và xe nâng giúp quá trình nhập – xuất hàng thuận tiện hơn và hạn chế hư hỏng hàng hóa khi bốc xếp.

Tuy nhiên, do lượng hàng lưu trữ trong kho khá lớn và hàng hóa có nhiều chủng loại khác nhau nên vào một số thời điểm vẫn xảy ra tình trạng hàng tập trung nhiều ở cùng khu vực lưu trữ, đặc biệt khi nhiều container nhập kho cùng lúc. Điều này khiến việc tìm hàng và xuất hàng mất nhiều thời gian hơn, nhân viên phải di chuyển liên tục giữa các dãy kệ để kiểm tra và lấy hàng. Đối với các mặt hàng xuất nhập thường xuyên, nếu vị trí lưu trữ chưa sắp xếp hợp lý sẽ dễ gây ùn hàng cục bộ và ảnh hưởng đến tốc độ xử lý đơn hàng.

Ngoài ra, một số công đoạn trong kho hiện nay vẫn phụ thuộc nhiều vào thao tác thủ công và kinh nghiệm của nhân viên. Kho hiện chưa ứng dụng nhiều thiết bị tự động hóa như hệ thống kho thông minh, băng chuyền hoặc hệ thống tự động định vị pallet nên việc tìm kiếm và xử lý hàng hóa vẫn tốn khá nhiều thời gian vào giờ cao điểm.

Đánh giá chung: Hệ thống kho và trang thiết bị hiện tại cơ bản hỗ trợ tốt cho hoạt động lưu trữ và xử lý hàng hóa tại Transimex Đà Nẵng. Tuy nhiên, việc bố trí hàng hóa ở một số thời điểm chưa thật sự tối ưu, đặc biệt khi lượng hàng tăng mạnh hoặc nhiều container nhập cùng lúc, làm ảnh hưởng đến tốc độ lấy hàng và xuất hàng. Điều này cho thấy doanh nghiệp vẫn cần cải thiện cách sắp xếp hàng hóa và nâng cao mức độ hỗ trợ của thiết bị trong quá trình vận hành kho.

2.6.3. Hệ thống công nghệ thông tin

Hệ thống phần mềm quản lý kho là yếu tố quan trọng hỗ trợ hoạt động kiểm soát và theo dõi hàng hóa tại Trung tâm Logistics Transimex Đà Nẵng. Hiện nay, trung tâm đang sử dụng hệ thống quản lý kho Infor để phục vụ cho quá trình quản lý nhập – xuất – tồn hàng hóa và cập nhật dữ liệu trong quá trình vận hành kho.

Khi hàng hóa nhập kho hoặc xuất kho, nhân viên sẽ thực hiện cập nhật thông tin trên hệ thống phần mềm Infor để theo dõi số lượng, vị trí lưu trữ và tình trạng hàng hóa trong kho. Việc sử dụng phần mềm giúp bộ phận kho dễ dàng tra cứu thông tin hàng hóa, hỗ trợ kiểm kê và phối hợp với bộ phận chứng từ, điều vận trong quá trình xử lý đơn hàng. So với việc ghi chép thủ công, hệ thống giúp giảm bớt sai sót và hỗ trợ quản lý dữ liệu thuận tiện hơn.

Một số công đoạn vẫn phụ thuộc khá nhiều vào thao tác cập nhật của nhân viên. Vào thời điểm lượng hàng nhập xuất nhiều hoặc nhiều container về cùng lúc, nhân viên phải xử lý dữ liệu liên tục nên đôi lúc việc cập nhật trên hệ thống chưa kịp thời, dẫn đến chênh lệch giữa số liệu trên hệ thống Infor và thực tế hàng hóa tại kho. Một số trường hợp nhân viên vẫn phải kết hợp kiểm tra thực tế tại vị trí lưu trữ để đối chiếu lại hàng hóa thay vì chỉ dựa hoàn toàn trên hệ thống.

Ngoài ra, việc tìm kiếm và xử lý dữ liệu vào giờ cao điểm đôi lúc còn mất thời gian, đặc biệt khi xử lý nhiều mã hàng hoặc nhiều lệnh xuất nhập cùng lúc. Hệ thống hiện tại chủ yếu phục vụ quản lý vận hành cơ bản và lưu trữ dữ liệu, chưa tích hợp nhiều công nghệ tự động hóa như RFID, quét mã tự động hoặc định vị pallet trong kho nên quá trình kiểm tra và tìm hàng vẫn phụ thuộc khá nhiều vào kinh nghiệm của nhân viên kho.

Đánh giá chung: Việc ứng dụng hệ thống Infor đã hỗ trợ đáng kể cho hoạt động quản lý nhập – xuất – tồn và giúp việc tra cứu dữ liệu hàng hóa thuận tiện hơn so với phương pháp thủ công. Tuy nhiên trong thực tế, hệ thống vẫn phụ thuộc khá nhiều vào thao tác cập nhật của nhân viên nên đôi lúc còn xảy ra chênh lệch dữ liệu hoặc cập nhật chưa kịp thời vào giờ cao điểm. Điều này cho thấy doanh nghiệp cần tiếp tục cải thiện khả năng đồng bộ dữ liệu và nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ trong quản lý kho.

2.6.4. Nhu cầu khách hàng

Nhu cầu và yêu cầu giao nhận của khách hàng là yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động quản lý kho tại Trung tâm Logistics Transimex Đà Nẵng. Khối lượng hàng hóa nhập – xuất tại kho thường thay đổi theo từng thời điểm, đặc biệt vào cuối tháng, mùa cao điểm hoặc khi nhiều lô hàng cần xuất cùng lúc để kịp tiến độ giao hàng cho khách.

Đối với các mặt hàng có tần suất xuất nhập lớn như sữa, bia và hàng tiêu dùng, số lượng đơn hàng phát sinh trong ngày khá nhiều nên bộ phận kho phải xử lý liên tục các công việc như tìm hàng, kiểm đếm, chuẩn bị pallet và phối hợp xe nâng để xuất hàng đúng thời gian yêu cầu. Khi nhiều đơn hàng phát sinh cùng lúc hoặc khách yêu cầu giao gấp, áp lực xử lý tại kho tăng lên đáng kể.

Ngoài ra, yêu cầu giao hàng đúng thời gian và đúng số lượng từ khách hàng cũng ảnh hưởng lớn đến quá trình vận hành kho. Vào thời điểm hàng hóa tập trung nhiều hoặc lượng container nhập – xuất tăng cao, nhân viên kho phải làm việc với cường độ lớn để kịp tiến độ giao nhận. Điều này đôi lúc có thể dẫn đến chậm tiến độ xử lý, mất nhiều thời gian tìm hàng hoặc xảy ra sai sót trong quá trình kiểm đếm và cập nhật dữ liệu hàng hóa.

Đánh giá chung: Sự thay đổi liên tục về số lượng đơn hàng và thời gian giao nhận khiến hoạt động tại kho thường xuyên chịu áp lực lớn, đặc biệt vào cuối tháng hoặc mùa cao điểm. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ xử lý đơn hàng và khả năng điều phối hàng hóa trong kho. Vì vậy doanh nghiệp cần chủ động hơn trong việc bố trí nhân sự và kế hoạch xuất hàng để đáp ứng tốt yêu cầu của khách hàng.

2.6.5. Hạ tầng logistics và giao thông

Hoạt động quản lý kho tại Trung tâm Logistics Transimex Đà Nẵng còn chịu ảnh hưởng trực tiếp từ hệ thống hạ tầng logistics và giao thông kết nối với cảng biển, khu công nghiệp và các tuyến vận tải trên địa bàn. Do kho thường xuyên tiếp nhận và xuất hàng bằng xe container nên tiến độ giao nhận phụ thuộc khá nhiều vào tình hình giao thông và kế hoạch vận chuyển thực tế.

Vào một số thời điểm lượng xe container ra vào nhiều hoặc khi xe đến nhận hàng không đúng thời gian dự kiến sẽ ảnh hưởng đến tiến độ xuất hàng của kho. Một số trường hợp xe đến trễ hoặc phải chờ điều phối khiến hàng hóa phải lưu tại khu vực tập kết lâu hơn dự kiến, làm khu vực xuất hàng bị quá tải tạm thời và gây khó khăn cho việc sắp xếp hàng hóa trong kho.

Ngoài ra, vào các khung giờ cao điểm hoặc thời điểm lượng hàng tăng mạnh, tình trạng ùn tắc giao thông tại các tuyến đường kết nối với khu công nghiệp và cảng biển cũng có thể làm chậm quá trình vận chuyển hàng hóa. Điều này ảnh hưởng đến kế hoạch nhập – xuất hàng, khiến nhân viên kho phải điều chỉnh lại việc bố trí hàng hóa và thời gian xử lý đơn hàng để phù hợp với tình hình thực tế.

Đánh giá chung: *Tình trạng giao thông và kế hoạch điều phối xe container có ảnh hưởng khá rõ đến tiến độ nhập – xuất hàng tại kho. Khi xe đến không đúng kế hoạch hoặc xảy ra ùn tắc giao thông, hàng hóa dễ bị tồn tại khu vực tập kết lâu hơn dự kiến, gây ảnh hưởng đến không gian lưu trữ và hoạt động xử lý hàng. Điều này cho thấy doanh nghiệp cần tăng cường phối hợp với đơn vị vận tải và chủ động hơn trong kế hoạch điều phối hàng hóa.*

2.6.6. Yếu tố thị trường và kinh tế

Hoạt động quản lý kho tại Trung tâm Logistics Transimex Đà Nẵng chịu ảnh hưởng khá lớn từ tình hình thị trường và sự biến động của hoạt động xuất nhập khẩu. Lượng hàng hóa lưu chuyển tại kho thường thay đổi theo nhu cầu tiêu thụ của khách hàng và tình hình kinh doanh của doanh nghiệp trong từng thời điểm.

Khi nhu cầu thị trường tăng cao hoặc vào các giai đoạn cao điểm, lượng hàng nhập kho và xuất kho tăng nhanh khiến áp lực lưu trữ và xử lý hàng hóa tại kho cũng tăng theo.

Đối với các mặt hàng tiêu dùng như sữa, bia hoặc hàng phân phối nội địa, số lượng đơn hàng phát sinh nhiều làm nhân viên kho phải tăng cường xử lý nhập – xuất liên tục để đảm bảo tiến độ giao hàng. Khi lượng hàng tăng mạnh trong thời gian ngắn, một số khu vực lưu trữ dễ rơi vào tình trạng quá tải tạm thời, gây khó khăn cho việc sắp xếp và tìm kiếm hàng hóa.

Ngược lại, khi thị trường biến động hoặc nhu cầu tiêu thụ giảm, một số mặt hàng có thể lưu kho trong thời gian dài hơn dự kiến. Điều này làm tăng diện tích hàng tồn trong kho, ảnh hưởng đến khả năng bố trí vị trí lưu trữ cho các lô hàng mới và làm phát sinh thêm chi phí lưu kho, bảo quản hàng hóa. Đối với các mặt hàng có thời hạn sử dụng hoặc yêu cầu bảo quản riêng như sữa hoặc hàng tiêu dùng, việc lưu kho kéo dài còn làm tăng áp lực kiểm soát tồn kho và quản lý hàng hóa.

Ngoài ra, những biến động của thị trường xuất nhập khẩu, giá nguyên vật liệu hoặc tình hình vận tải cũng có thể ảnh hưởng đến kế hoạch nhập hàng và lưu chuyển hàng hóa của doanh nghiệp. Khi lượng hàng thay đổi đột ngột, bộ phận kho phải điều chỉnh lại việc bố trí hàng hóa và kế hoạch xử lý để phù hợp với tình hình thực tế.

Đánh giá chung: Sự biến động của thị trường và nhu cầu tiêu thụ hàng hóa làm lượng hàng lưu chuyển tại kho thay đổi khá lớn theo từng thời điểm. Khi lượng hàng tăng mạnh, kho dễ gặp áp lực về diện tích lưu trữ và tốc độ xử lý hàng hóa; ngược lại khi nhu cầu giảm, tình trạng tồn kho kéo dài sẽ làm tăng chi phí lưu kho và ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng diện tích. Điều này cho thấy hoạt động quản lý kho cần linh hoạt hơn để thích ứng với biến động của thị trường và nhu cầu khách hàng.

2.7. Đánh giá công tác quản lý kho

2.7.1. Kết quả đạt được

Trong thời gian thực tập và tìm hiểu thực tế tại Trung tâm Logistics Transimex – Chi nhánh Đà Nẵng, có thể nhận thấy công tác quản lý kho của doanh nghiệp đã đạt được nhiều kết quả tích cực trong quá trình vận hành, góp phần đảm bảo hoạt động logistics diễn ra ổn định và hiệu quả.

Trước hết, hoạt động nhập kho được thực hiện tương đối bài bản và có sự phối hợp giữa các bộ phận liên quan. Khi hàng hóa được đưa vào kho, nhân viên tiến hành kiểm tra chứng từ, đối chiếu số lượng và tình trạng hàng hóa trước khi cập nhật lên hệ thống. Quy trình nhập kho rõ ràng giúp hạn chế tình trạng thất lạc hàng hóa hoặc sai lệch thông tin trong quá trình tiếp nhận.

Đối với hoạt động lưu trữ hàng hóa, doanh nghiệp đã thực hiện sắp xếp hàng hóa theo từng khu vực, mã hàng và đặc tính lưu trữ khác nhau. Việc bố trí hàng hóa tương đối khoa học giúp tận dụng diện tích kho, thuận tiện cho quá trình kiểm kê và hỗ trợ nhân viên dễ dàng truy xuất hàng hóa khi cần xuất kho. Ngoài ra, việc áp dụng nguyên tắc FIFO (nhập trước – xuất trước trong quản lý hàng tồn kho và kho bãi) đối với một số mặt hàng (sữa, bia và một số loại ắc quy) , cũng góp phần hạn chế tình trạng tồn kho lâu ngày.

Trong hoạt động xuất kho, hàng hóa được kiểm tra và đối chiếu với chứng từ trước khi xuất đi, giúp giảm thiểu nhầm lẫn trong quá trình giao nhận. Nhờ sự phối hợp giữa bộ phận kho và bộ phận vận tải, quá trình xử lý đơn hàng và điều phối hàng hóa được thực hiện tương đối nhanh chóng, đáp ứng yêu cầu giao hàng của khách hàng trong nhiều thời điểm có lượng hàng lớn.

Bên cạnh đó, công tác quản lý tồn kho được hỗ trợ bởi hệ thống phần mềm quản lý kho Infor, giúp theo dõi tình trạng nhập – xuất – tồn của hàng hóa tương đối chính xác. Thông tin về vị trí lưu trữ, số lượng tồn kho và lịch sử xuất nhập được cập nhật thường xuyên, hỗ trợ cho việc kiểm kê và quản lý hàng hóa trong kho.

Ngoài các hoạt động nghiệp vụ chính, đội ngũ nhân viên kho cũng có khả năng phối hợp xử lý tương đối linh hoạt đối với các tình huống phát sinh trong quá trình vận hành như chênh lệch số lượng hàng hóa, thay đổi kế hoạch xuất hàng hoặc lượng hàng tăng cao vào thời điểm cao điểm. Điều này góp phần duy trì hoạt động kho diễn ra liên tục và hạn chế ảnh hưởng đến tiến độ giao nhận hàng hóa.

Nhìn chung, công tác quản lý kho tại Trung tâm Logistics Transimex – Chi nhánh Đà Nẵng đã đáp ứng tương đối tốt yêu cầu vận hành thực tế, hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao hiệu quả lưu trữ, kiểm soát hàng hóa và chất lượng dịch vụ logistics.

2.7.2. Hạn chế

Mặc dù công tác quản lý kho tại Trung tâm Logistics Transimex Đà Nẵng đã đạt được nhiều kết quả tích cực, quá trình thực tập và quan sát thực tế cho thấy vẫn còn một số hạn chế nhất định ảnh hưởng đến hiệu quả vận hành kho.

Mức độ ứng dụng công nghệ trong quản lý kho hiện nay chưa thực sự đồng bộ. Một số hoạt động như kiểm đếm hàng hóa, cập nhật vị trí lưu trữ và theo dõi tiến độ xử lý hàng vẫn được thực hiện thủ công, làm gia tăng thời gian xử lý và tiềm ẩn nguy cơ sai sót khi khối lượng hàng hóa tăng cao.

Công tác bố trí và lưu trữ hàng hóa trong kho vẫn còn tồn tại một số bất cập. Vào những thời điểm cao điểm, lượng hàng tập trung lớn tại một số khu vực gây khó khăn cho việc di chuyển của nhân viên và phương tiện nâng hạ. Bên cạnh đó, việc thay đổi vị trí lưu trữ hàng hóa nhưng chưa được cập nhật kịp thời trên hệ thống cũng làm tăng thời gian tìm kiếm và lấy hàng phục vụ xuất kho.

Hoạt động quản lý tồn kho vẫn phụ thuộc tương đối nhiều vào kinh nghiệm và thao tác của nhân viên. Trong một số trường hợp, số liệu tồn kho thực tế và dữ liệu trên hệ thống còn xuất hiện chênh lệch nhỏ, khiến quá trình đối chiếu, kiểm tra và xác nhận thông tin hàng hóa mất nhiều thời gian hơn.

Hiệu quả xử lý đơn hàng tại kho chưa thực sự ổn định trong các giai đoạn có khối lượng công việc lớn. Thời gian lấy hàng, tập kết hàng hóa và đóng container đôi khi còn kéo dài, đặc biệt đối với các đơn hàng có số lượng lớn hoặc bao gồm nhiều mã hàng khác nhau. Áp lực về tiến độ cũng làm gia tăng nguy cơ phát sinh sai sót trong quá trình thao tác và kiểm đếm hàng hóa.

Sự phối hợp giữa các bộ phận liên quan trong hoạt động kho vận nhìn chung đã được triển khai tương đối hiệu quả, tuy nhiên vẫn còn một số trường hợp thông tin về kế hoạch xuất hàng hoặc lịch vận chuyển chưa được cập nhật kịp thời. Điều này ảnh hưởng đến khả năng điều phối nguồn lực, tiến độ chuẩn bị hàng hóa và hiệu quả vận hành chung của kho.

Những hạn chế trên là cơ sở để đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản lý kho tại Trung tâm Logistics Transimex Đà Nẵng trong thời gian tới.

2.7.3 Nguyên nhân

Những nguyên nhân dẫn đến những hạn chế trong công tác quản lý kho tại Trung tâm Logistics Transimex – Chi nhánh Đà Nẵng xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau trong quá trình vận hành thực tế.

Trước hết, lượng hàng hóa nhập và xuất tại kho có sự biến động khá lớn theo từng thời điểm. Vào những giai đoạn cao điểm hoặc khi nhiều lô hàng về cùng lúc với trọng lượng và kích thước lớn (linh kiện điện tử, hàng DAIKIN, MEDIA, ..), diện tích lưu trữ trong kho dễ rơi vào tình trạng quá tải cục bộ, làm cho việc bố trí hàng hóa và di chuyển trong kho trở nên khó khăn hơn. Điều này cũng ảnh hưởng trực tiếp đến tốc độ lấy hàng, tập kết hàng và đóng hàng vào container.

Bên cạnh đó, số lượng nhân viên tại từng ca làm việc đôi khi chưa đáp ứng kịp khối lượng công việc thực tế, đặc biệt vào thời điểm xử lý nhiều đơn hàng cùng lúc. Khi áp lực công việc tăng cao, nhân viên phải xử lý liên tục các công đoạn như kiểm đếm, tìm vị trí hàng, lấy hàng và hỗ trợ đóng container nên dễ xảy ra chậm trễ hoặc sai sót trong quá trình thao tác.

Ngoài ra, việc sắp xếp vị trí lưu trữ hàng hóa trong kho đôi lúc chưa được cập nhật kịp thời trên hệ thống khi có thay đổi vị trí thực tế. Điều này khiến nhân viên mất nhiều thời gian tìm kiếm hàng hóa hoặc phải kiểm tra lại nhiều lần trước khi xuất hàng.

Một số hoạt động trong kho hiện nay vẫn còn thực hiện thủ công như kiểm kê, đối chiếu số lượng hoặc cập nhật dữ liệu hàng hóa, nên phụ thuộc khá nhiều vào kinh nghiệm và sự cẩn thận của nhân viên. Khi khối lượng hàng lớn, việc cập nhật chậm hoặc sai lệch thông tin vẫn có thể xảy ra.

Bên cạnh đó, khu vực tập kết hàng và khu vực đóng hàng container trong một số thời điểm chưa được bố trí thực sự linh hoạt, dẫn đến tình trạng chờ hàng hoặc ùn hàng khi nhiều lô được xử lý cùng lúc. Điều này làm kéo dài thời gian đóng hàng và ảnh hưởng đến tiến độ xuất hàng.

Ngoài ra, hệ thống công nghệ hỗ trợ quản lý kho tuy đã được áp dụng nhưng chưa đồng bộ hoàn toàn giữa các bộ phận, khiến việc trao đổi thông tin và phối hợp xử lý công việc đôi lúc còn chậm, đặc biệt khi phát sinh thay đổi về kế hoạch xuất nhập hàng.

CHƯƠNG 3: HOÀN THIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ KHO HÀNG TẠI TRUNG TÂM LOGISCTICS TRANSIMEX ĐÀ NẴNG

3.1 Nghiên cứu và dự báo môi trường kinh doanh của công ty

Trong những năm gần đây, ngành logistics tại Việt Nam có tốc độ phát triển khá nhanh nhờ sự tăng trưởng của hoạt động xuất nhập khẩu, thương mại điện tử và nhu cầu lưu trữ, phân phối hàng hóa ngày càng cao. Đặc biệt tại khu vực miền Trung, Đà Nẵng đang dần trở thành trung tâm logistics quan trọng với lợi thế về cảng biển, hạ tầng giao thông và vị trí kết nối giữa các khu vực kinh tế trọng điểm.

Cùng với những cơ hội phát triển, môi trường kinh doanh của các doanh nghiệp logistics cũng chịu nhiều tác động từ sự cạnh tranh ngày càng lớn trong ngành. Hiện nay, nhiều doanh nghiệp đang đầu tư mạnh vào hệ thống kho bãi, công nghệ quản lý kho và dịch vụ vận tải nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ và tối ưu chi phí vận hành. Điều này tạo áp lực cho Transimex Đà Nẵng trong việc cải thiện hiệu quả quản lý kho và nâng cao năng lực cạnh tranh.

Xu hướng chuyển đổi số trong lĩnh vực logistics cũng đang diễn ra mạnh mẽ. Các doanh nghiệp ngày càng đẩy mạnh ứng dụng hệ thống WMS, mã vạch, RFID và phần mềm quản lý dữ liệu nhằm tăng độ chính xác trong quản lý hàng hóa và giảm thời gian xử lý đơn hàng. Đây vừa là cơ hội giúp doanh nghiệp nâng cao hiệu quả vận hành, vừa là yêu cầu cần thiết để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

Hiện nay, khách hàng không chỉ quan tâm đến chi phí mà còn yêu cầu cao về tốc độ xử lý đơn hàng, độ chính xác tồn kho và khả năng giao hàng đúng thời gian. Điều này đòi hỏi doanh nghiệp phải nâng cao khả năng phối hợp giữa các bộ phận, tối ưu quy trình vận hành và hạn chế tối đa sai sót trong quá trình lưu trữ, xuất nhập hàng hóa.

Trong thời gian tới, dự báo nhu cầu thuê kho và sử dụng dịch vụ logistics tại khu vực miền Trung sẽ tiếp tục tăng, đặc biệt đối với các mặt hàng tiêu dùng, linh kiện điện tử, hàng điện lạnh và hàng xuất nhập khẩu. Vì vậy, nếu tiếp tục đầu tư vào công nghệ, cơ sở vật chất và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, Transimex Đà Nẵng sẽ có nhiều cơ hội mở rộng hoạt động và nâng cao vị thế cạnh tranh trên thị trường logistics.

a) Yếu tố kinh tế

Kinh tế Việt Nam duy trì tốc độ tăng trưởng khá ổn định, đặc biệt trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, thương mại và xuất nhập khẩu. Khi hoạt động sản xuất mở rộng, khối lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường cũng tăng lên, kéo theo nhu cầu lưu trữ, vận chuyển và phân phối hàng hóa ngày càng lớn. Điều này tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp logistics mở rộng quy mô hoạt động, nâng công suất khai thác kho và phát triển thêm nhiều dịch vụ hỗ trợ.

Sự gia tăng của hoạt động xuất nhập khẩu tại khu vực miền Trung góp phần làm nhu cầu thuê kho và sử dụng dịch vụ logistics tăng lên đáng kể. Nhiều doanh nghiệp lựa chọn thuê ngoài dịch vụ lưu kho, quản lý hàng hóa và vận chuyển nhằm giảm chi phí đầu tư cơ sở hạ tầng. Nhờ đó, Transimex Đà Nẵng có thêm cơ hội mở rộng tệp khách hàng và nâng cao doanh thu từ hoạt động kho vận.

Sự phát triển mạnh của thương mại điện tử cũng làm thay đổi nhu cầu thị trường. Khách hàng yêu cầu thời gian giao hàng nhanh hơn, khả năng kiểm soát tồn kho chính xác hơn và tốc độ xử lý đơn hàng cao hơn trước. Điều này buộc doanh nghiệp phải cải thiện khả năng vận hành kho, đầu tư thêm công nghệ quản lý hàng hóa và nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các bộ phận. Nếu đáp ứng tốt các yêu cầu này, doanh nghiệp sẽ nâng cao được năng lực cạnh tranh và duy trì khách hàng ổn định.

Lạm phát, biến động tỷ giá ngoại tệ và giá nhiên liệu tăng cao làm chi phí vận tải, điện năng và vận hành kho tăng đáng kể. Khi chi phí đầu vào tăng liên tục, doanh nghiệp sẽ chịu áp lực lớn về lợi nhuận cũng như khả năng cạnh tranh về giá dịch vụ. Tình hình kinh tế thế giới biến động hoặc thị trường xuất khẩu gặp khó khăn cũng làm sản lượng hàng hóa giảm theo, từ đó ảnh hưởng trực tiếp đến nhu cầu thuê kho và hiệu quả khai thác kho bãi.

b) Yếu tố xã hội

Thói quen tiêu dùng của người dân đang thay đổi rõ rệt, đặc biệt là xu hướng mua sắm trực tuyến ngày càng phổ biến. Nhu cầu giao nhận, lưu chuyển và phân phối hàng hóa vì vậy tăng nhanh trong thời gian gần đây. Các doanh nghiệp bán lẻ, thương mại điện tử và

phân phối hàng hóa đều cần hệ thống kho bãi cùng dịch vụ vận chuyển hoạt động liên tục để đáp ứng nhu cầu thị trường. Điều này mở ra cơ hội phát triển lớn cho các doanh nghiệp logistics tại khu vực miền Trung.

Khách hàng hiện nay không chỉ quan tâm đến chi phí mà còn chú trọng nhiều đến thời gian giao hàng, độ chính xác trong kiểm đếm hàng hóa và khả năng xử lý đơn hàng nhanh chóng. Điều này buộc Transimex Đà Nẵng phải nâng cao hiệu quả quản lý kho, cải thiện quy trình vận hành và giảm thiểu sai sót trong quá trình xuất nhập hàng hóa.

Nguồn nhân lực logistics tại khu vực miền Trung vẫn còn thiếu lao động có chuyên môn và kinh nghiệm thực tế. Doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn trong quá trình tuyển dụng và đào tạo nhân sự phù hợp với yêu cầu công việc. Nếu nhân viên chưa đáp ứng được yêu cầu vận hành sẽ dễ phát sinh sai sót trong kiểm đếm, sắp xếp và xử lý hàng hóa, từ đó ảnh hưởng đến tiến độ giao hàng và chất lượng dịch vụ.

c) Yếu tố vĩ mô

Nhà nước đang tập trung đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng giao thông, cảng biển và trung tâm logistics nhằm phục vụ hoạt động lưu thông hàng hóa và thúc đẩy xuất nhập khẩu. Hệ thống đường bộ và cảng biển được mở rộng giúp rút ngắn thời gian vận chuyển, giảm chi phí giao nhận và nâng cao hiệu quả khai thác kho bãi.

Vị trí tại khu vực miền Trung cùng lợi thế kết nối với cảng biển và các tuyến giao thông chính giúp Transimex Đà Nẵng thuận lợi hơn trong việc khai thác dịch vụ kho vận và vận chuyển hàng hóa. Hạ tầng giao thông được cải thiện giúp tăng tốc độ lưu chuyển hàng hóa và mở rộng khả năng phục vụ khách hàng tại nhiều khu vực khác nhau.

Xu hướng chuyển đổi số trong ngành logistics cũng thúc đẩy doanh nghiệp ứng dụng công nghệ vào hoạt động quản lý kho. Việc sử dụng hệ thống WMS, RFID và mã vạch giúp kiểm soát hàng hóa chính xác hơn, giảm thời gian xử lý đơn hàng và hạn chế sai sót trong quá trình vận hành. Điều này góp phần nâng cao hiệu quả khai thác kho và cải thiện chất lượng dịch vụ.

Biến động kinh tế toàn cầu và thay đổi chính sách thương mại quốc tế vẫn ảnh hưởng lớn đến ngành logistics. Khi nhu cầu tiêu dùng tại các thị trường xuất khẩu giảm hoặc hoạt

động thương mại gặp khó khăn, sản lượng hàng hóa xuất nhập khẩu cũng giảm theo. Điều này tác động trực tiếp đến nhu cầu lưu kho, vận chuyển hàng hóa và doanh thu dịch vụ logistics.

d) Yếu tố vi mô

Mức độ cạnh tranh trong ngành logistics ngày càng cao khi nhiều doanh nghiệp đầu tư mạnh vào hệ thống kho bãi, phương tiện vận tải và công nghệ quản lý hiện đại. Các doanh nghiệp không chỉ cạnh tranh về giá mà còn tập trung vào tốc độ xử lý hàng hóa, khả năng đáp ứng yêu cầu khách hàng và chất lượng dịch vụ. Điều này tạo áp lực lớn cho Transimex Đà Nẵng trong việc nâng cao hiệu quả vận hành và cải thiện năng lực cạnh tranh.

Khách hàng hiện nay có nhiều lựa chọn hơn khi sử dụng dịch vụ logistics. Nếu doanh nghiệp không đảm bảo tiến độ giao hàng hoặc thường xuyên xảy ra sai sót trong lưu trữ và xuất nhập hàng hóa thì khả năng mất khách hàng là rất lớn. Vì vậy, doanh nghiệp cần duy trì chất lượng phục vụ ổn định, nâng cao khả năng phối hợp giữa các bộ phận và cải thiện công tác chăm sóc khách hàng để giữ mối quan hệ hợp tác lâu dài.

Hoạt động logistics phụ thuộc nhiều vào các hãng tàu, đơn vị vận tải và đối tác dịch vụ liên quan. Khi quá trình phối hợp giữa các bên không hiệu quả hoặc phát sinh chậm trễ trong vận chuyển sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ giao hàng, hiệu quả khai thác kho và chất lượng phục vụ khách hàng.

e) Đặc thù của ngành logistics

Ngành logistics có đặc điểm là khối lượng hàng hóa lớn, tần suất xuất nhập liên tục và yêu cầu sự phối hợp chặt chẽ giữa nhiều bộ phận như kho bãi, vận tải, giao nhận và chăm sóc khách hàng. Chỉ cần phát sinh sai sót trong kiểm đếm, lưu trữ hoặc sắp xếp hàng hóa cũng có thể làm chậm tiến độ giao hàng và ảnh hưởng đến uy tín doanh nghiệp.

Hoạt động logistics chịu tác động lớn bởi tính mùa vụ của hàng hóa và biến động nhu cầu thị trường. Trong các giai đoạn cao điểm như cuối năm hoặc mùa mua sắm, lượng hàng hóa tăng nhanh sẽ gây áp lực lớn lên diện tích kho, thiết bị và nhân sự. Nếu không có kế hoạch bố trí phù hợp sẽ dễ xảy ra tình trạng ùn tắc hàng hóa, chậm xử lý đơn hàng và gia tăng sai sót trong vận hành kho.

Yêu cầu giao hàng nhanh và kiểm soát tồn kho chính xác hiện nay cũng buộc doanh nghiệp phải đầu tư thêm công nghệ quản lý và nâng cao trình độ nhân viên. Mặc dù chi phí đầu tư ban đầu khá lớn nhưng việc ứng dụng công nghệ sẽ giúp giảm sai sót, nâng cao hiệu quả vận hành và cải thiện khả năng cạnh tranh trong dài hạn.

3.2 Mục tiêu và định hướng phát triển của công ty trong thời gian tới

Trong giai đoạn sắp tới, Công ty Cổ phần Transimex định hướng phát triển hoạt động logistics theo hướng hiện đại, nâng cao chất lượng dịch vụ và tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường. Đối với Trung tâm Logistics Transimex – Chi nhánh Đà Nẵng, doanh nghiệp tập trung cải thiện hiệu quả vận hành kho và nâng cao khả năng đáp ứng nhu cầu lưu trữ, giao nhận hàng hóa của khách hàng tại khu vực miền Trung

Doanh nghiệp chú trọng nâng cao hiệu quả khai thác kho thông qua việc tối ưu bố trí hàng hóa và sử dụng hợp lý diện tích lưu trữ. Các khu vực lưu trữ, tập kết và xuất hàng được sắp xếp khoa học hơn nhằm rút ngắn thời gian xử lý đơn hàng, hạn chế tình trạng ứ ứ hàng hóa và nâng cao hiệu quả vận hành trong các giai đoạn sản lượng tăng cao

Doanh nghiệp cũng tiếp tục đầu tư thêm trang thiết bị, xe nâng và tăng cường ứng dụng công nghệ vào công tác quản lý kho thông qua việc nâng cấp hệ thống phần mềm quản lý. Việc cải thiện khả năng cập nhật dữ liệu nhập – xuất – tồn giúp hỗ trợ theo dõi vị trí hàng hóa chính xác hơn. Đồng thời, doanh nghiệp định hướng mở rộng ứng dụng mã vạch, mã QR cùng các thiết bị quét dữ liệu nhằm giảm thao tác thủ công, hạn chế sai sót và nâng cao độ chính xác trong quản lý tồn kho

Transimex Đà Nẵng đồng thời đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động logistics thông qua việc nâng cấp hệ thống WMS (Warehouse Management System), tăng khả năng kết nối dữ liệu giữa các bộ phận kho, vận tải và chăm sóc khách hàng. Điều này giúp quá trình phối hợp xử lý công việc diễn ra hiệu quả hơn, đồng thời hỗ trợ kiểm soát hàng hóa theo thời gian thực.

Nguồn nhân lực tiếp tục được doanh nghiệp quan tâm thông qua hoạt động đào tạo nghiệp vụ thực tế cho nhân viên kho như kiểm kê hàng hóa, sử dụng hệ thống quản lý kho,

vận hành xe nâng và xử lý các tình huống phát sinh trong quá trình xuất nhập hàng. Việc nâng cao kỹ năng chuyên môn và khả năng phối hợp giữa các bộ phận góp phần cải thiện hiệu quả vận hành cũng như nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng.

Không chỉ tập trung nâng cao hiệu quả vận hành, doanh nghiệp còn hướng đến mở rộng mạng lưới khách hàng, đặc biệt trong lĩnh vực hàng tiêu dùng, điện tử, điện lạnh và hàng xuất nhập khẩu tại khu vực miền Trung. Qua đó, Transimex từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh và khẳng định vị thế trong lĩnh vực logistics và dịch vụ kho bãi tại Việt Nam.

3.3 Một số giải pháp nhằm hoàn thiện hoạt động quản lý kho

3.3.1 Hoàn thiện hệ thống công nghệ trong quản lý kho

a) Cơ sở đề xuất giải pháp

Trong quá trình thực tế tại kho, một số công đoạn như kiểm đếm hàng hóa, cập nhật vị trí lưu trữ hoặc đối chiếu tồn kho vẫn còn thực hiện thủ công nên dễ phát sinh chậm trễ và sai sót khi lượng hàng tăng cao. Đặc biệt đối với các mặt hàng linh kiện điện tử có nhiều mã hàng, nhiều loại tem nhãn và quy cách đóng gói khác nhau, nhân viên phụ trách lấy hàng thường phải kiểm tra thủ công từng mã để nhập hoặc xuất kho. Điều này dễ dẫn đến tình trạng lấy nhầm mã hàng, nhập hàng vào sai khu vực lưu trữ hoặc xuất không đúng theo yêu cầu đơn hàng nếu thao tác quá nhanh hoặc hàng hóa có hình thức tương tự nhau.

Đối với các mặt hàng như sữa, bia, ốc quy hoặc sơn, việc kiểm kê số lượng hiện nay vẫn chủ yếu dựa vào phương pháp đếm thủ công theo thùng hoặc pallet. Khi số lượng hàng lớn và thời gian xử lý gấp, nhân viên dễ xảy ra sai lệch số lượng thực tế so với dữ liệu trên hệ thống, đặc biệt trong các đợt xuất hàng liên tục hoặc kiểm kê cuối kỳ. Việc phải kiểm tra và đối chiếu nhiều lần cũng làm tăng thời gian xử lý đơn hàng và ảnh hưởng đến tiến độ đóng container.

b) Nội dung giải pháp

Vì vậy, doanh nghiệp cần tiếp tục nâng cấp hệ thống quản lý kho theo hướng đồng bộ và thuận tiện hơn cho nhân viên trong quá trình thao tác thực tế. Cụ thể, doanh nghiệp nên áp dụng mã vạch hoặc mã QR cho từng pallet, từng mã hàng và từng vị trí lưu trữ trong

kho nhằm hỗ trợ nhân viên xác định vị trí hàng hóa nhanh và chính xác hơn. Khi nhập hoặc xuất hàng, nhân viên có thể sử dụng thiết bị quét mã vạch để kiểm tra trực tiếp thông tin trên hệ thống thay vì phải dò tìm và đối chiếu thủ công như hiện nay.

Đối với hàng linh kiện điện tử có nhiều mã gần giống nhau, hệ thống có thể cài đặt cảnh báo khi nhân viên quét sai mã hoặc lấy hàng không đúng vị trí lưu trữ. Điều này sẽ giúp hạn chế nhầm lẫn trong quá trình xuất hàng và giảm thời gian xử lý sai sót sau đó. Đối với các mặt hàng số lượng lớn như bia, sữa hoặc sơn, việc áp dụng quét mã pallet kết hợp cập nhật số lượng tự động sẽ giúp giảm áp lực kiểm đếm thủ công cho nhân viên kho và nâng cao độ chính xác của dữ liệu tồn kho.

Hệ thống dữ liệu giữa bộ phận kho và bộ phận vận tải cũng cần được cập nhật đồng bộ hơn nhằm hạn chế tình trạng thay đổi kế hoạch xuất hàng nhưng thông tin chưa được cập nhật kịp thời xuống kho. Trong thực tế, có trường hợp xe container đã vào khu vực chờ nhưng danh sách hàng xuất vẫn thay đổi hoặc chưa xác nhận chính thức, dẫn đến việc nhân viên phải lấy lại hàng hoặc điều chỉnh vị trí tập kết nhiều lần. Vì vậy, việc đồng bộ dữ liệu theo thời gian thực giữa các bộ phận sẽ giúp giảm thời gian chờ xử lý, hạn chế ùn hàng tại khu vực xuất và nâng cao hiệu quả vận hành kho.

c) Cách thức thực hiện giải pháp

Doanh nghiệp cần rà soát các công đoạn còn thực hiện thủ công trong hoạt động kho để xây dựng kế hoạch nâng cấp hệ thống quản lý phù hợp. Đồng thời, triển khai áp dụng mã vạch hoặc mã QR cho hàng hóa, pallet và vị trí lưu trữ, kết hợp trang bị thiết bị quét mã nhằm hỗ trợ nhập liệu và kiểm soát hàng hóa chính xác hơn.

Bên cạnh đó, cần tổ chức đào tạo nhân viên sử dụng hệ thống mới và tăng cường kết nối dữ liệu giữa bộ phận kho, vận tải và các bộ phận liên quan để bảo đảm thông tin được cập nhật kịp thời, góp phần nâng cao hiệu quả vận hành kho.

3.3.2 Tối ưu hóa bố trí và lưu trữ hàng hóa trong kho

a) Cơ sở đề xuất giải pháp

Trong thực tế vận hành kho, một số thời điểm hàng hóa bị tập trung quá nhiều tại cùng một khu vực hoặc bố trí chưa hợp lý khiến nhân viên kho và nhân viên kiểm kho mất nhiều thời gian di chuyển, tìm kiếm và lấy hàng khi xuất kho. Đặc biệt vào thời gian cao điểm, khi nhiều đơn hàng được xử lý cùng lúc, tình trạng hàng hóa sắp xếp chưa khoa học dễ làm phát sinh ùn hàng, xe nâng khó di chuyển và ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ xuất container.

b) Nội dung giải pháp

Vì vậy, doanh nghiệp cần rà soát và sắp xếp lại khu vực lưu trữ dựa trên đặc điểm hàng hóa, kích thước hàng và tần suất xuất nhập thực tế.

Đối với các mặt hàng có tần suất xuất nhập cao như sữa, bia và ắc quy, doanh nghiệp nên ưu tiên bố trí tại khu vực gần lối đi chính hoặc gần khu vực xuất hàng nhằm giảm quãng đường di chuyển của xe nâng và nhân viên lấy hàng. Các mặt hàng này thường có số lượng pallet xuất liên tục trong ngày nên nếu bố trí quá sâu trong kho sẽ làm tăng thời gian lấy hàng, dễ gây ùn xe nâng và ảnh hưởng tiến độ đóng hàng.

Các mặt hàng có thời gian lưu kho dài hơn như linh kiện điện tử, sơn, máy nóng lạnh hoặc điều hòa có thể bố trí ở khu vực phía trong kho để tối ưu diện tích lưu trữ. Tuy nhiên, do kích thước và đặc điểm của từng loại hàng khác nhau nên việc sắp xếp cần phù hợp với tải trọng và không gian lưu trữ thực tế.

Ví dụ:

Hàng điều hòa, máy nóng lạnh có kích thước lớn và cồng kềnh nên cần bố trí tại khu vực có khoảng cách pallet rộng để xe nâng dễ thao tác.

Hàng sơn và ắc quy có trọng lượng nặng nên cần lưu trữ tại tầng thấp nhằm đảm bảo an toàn và thuận tiện khi xuất nhập.

Linh kiện điện tử có nhiều mã hàng nhỏ và dễ nhầm lẫn nên cần chia rõ theo từng mã hoặc từng khách hàng để giảm thời gian tìm kiếm và hạn chế xuất nhầm hàng.

Doanh nghiệp cần phân chia rõ khu vực chứa hàng nhập mới, hàng chờ xuất và hàng tồn kho nhằm tránh tình trạng hàng hóa bị tập trung lộn xộn hoặc chồng chéo vị

trí lưu trữ. Trong thực tế, nếu hàng nhập mới và hàng chờ xuất để gần nhau rất dễ xảy ra nhầm lẫn khi xe nâng lấy hàng, đặc biệt đối với các pallet có bao bì tương tự nhau.

Doanh nghiệp cũng nên bố trí lại khu vực tập kết hàng xuất theo từng khách hàng hoặc từng chuyên container thay vì tập trung toàn bộ tại một khu vực chung. Việc này sẽ giúp nhân viên dễ kiểm tra số lượng, giảm tình trạng lấy nhầm hàng và hạn chế ùn hàng tại khu vực xuất khi nhiều đơn hàng được xử lý cùng lúc.

c) Cách thức thực hiện giải pháp

Doanh nghiệp cần tiến hành rà soát hiện trạng bố trí kho và phân tích tần suất xuất nhập của từng nhóm hàng để xây dựng phương án sắp xếp phù hợp. Trên cơ sở đó, thực hiện phân khu lưu trữ theo đặc điểm hàng hóa, đồng thời bố trí các mặt hàng có tần suất xuất nhập cao tại những vị trí thuận lợi cho việc lấy hàng và vận chuyển.

Bên cạnh đó, cần cập nhật đầy đủ thông tin vị trí lưu trữ trên hệ thống quản lý kho, kết hợp kiểm tra định kỳ nhằm bảo đảm việc sắp xếp hàng hóa luôn phù hợp với tình hình vận hành thực tế và hạn chế tình trạng ùn hàng trong kho.

3.3.3 Nâng cao hiệu quả quản lý tồn kho

a) Cơ sở đề xuất giải pháp

Quá trình vận hành kho, việc sai lệch giữa số lượng hàng thực tế và dữ liệu trên hệ thống vẫn có thể xảy ra, đặc biệt vào thời điểm lượng hàng xuất nhập nhiều hoặc khi hàng hóa thường xuyên thay đổi vị trí lưu trữ. Điều này khiến nhân viên mất nhiều thời gian kiểm tra lại hàng hóa, ảnh hưởng đến tiến độ xuất hàng và độ chính xác của tồn kho.

b) Nội dung giải pháp

Vì vậy, doanh nghiệp cần tăng cường kiểm kê định kỳ theo từng khu vực và từng nhóm hàng thay vì chờ kiểm kê tổng thể sau thời gian dài. Việc kiểm kê thường xuyên sẽ giúp nhân viên dễ phát hiện sai lệch số lượng hoặc vị trí hàng hóa để xử lý kịp thời.

Trong quá trình kiểm kê, nhân viên cần cập nhật ngay các thay đổi về vị trí lưu trữ và số lượng hàng hóa lên hệ thống nhằm đảm bảo dữ liệu thực tế khớp với dữ liệu trên phần

mềm quản lý kho. Thực tế tại kho, một số mặt hàng như bia, sơn và ốc quy thường được xuất với số lượng nhỏ nhưng liên tục, dẫn đến tình trạng vị trí hàng thực tế đã trống nhưng trên hệ thống vẫn còn tồn. Điều này làm nhân viên mất thời gian tìm hàng khi xuất kho và ảnh hưởng đến việc bố trí hàng hóa mới trong kho.

Sau mỗi lần xuất hàng hoặc thay đổi vị trí lưu trữ, nhân viên kiểm kho cần cập nhật ngay tình trạng vị trí trống trên hệ thống để bộ phận liên quan dễ theo dõi và sắp xếp hàng hóa hợp lý hơn. Việc này không chỉ giúp giảm thời gian tìm kiếm hàng mà còn góp phần tối ưu không gian lưu trữ và nâng cao độ chính xác của tồn kho.

Doanh nghiệp cũng cần thường xuyên theo dõi các mặt hàng lưu kho lâu ngày để có phương án xử lý phù hợp. Nếu hàng tồn lưu quá nhiều sẽ làm giảm diện tích chứa hàng mới, gây khó khăn cho việc sắp xếp và ảnh hưởng đến hiệu quả vận hành chung của kho.

c) Cách thức thực hiện giải pháp

Doanh nghiệp cần xây dựng kế hoạch kiểm kê định kỳ theo từng khu vực và nhóm hàng, đồng thời quy định rõ trách nhiệm của nhân viên trong việc cập nhật số lượng và vị trí hàng hóa trên hệ thống sau mỗi lần nhập, xuất hoặc di chuyển hàng. Bên cạnh đó, cần thường xuyên đối chiếu dữ liệu giữa thực tế và hệ thống để kịp thời phát hiện, xử lý các sai lệch phát sinh.

Ngoài ra, bộ phận kho cần theo dõi thường xuyên tình trạng tồn kho và các mặt hàng lưu kho lâu ngày nhằm có biện pháp xử lý phù hợp, góp phần nâng cao độ chính xác của dữ liệu tồn kho và tối ưu hóa không gian lưu trữ.

3.3.4 Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực kho

a) Cơ sở đề xuất giải pháp

Trong hoạt động kho, kỹ năng xử lý tình huống thực tế của nhân viên có ảnh hưởng trực tiếp đến tốc độ xử lý đơn hàng và độ chính xác trong quá trình vận hành. Thực tế tại kho thường phát sinh nhiều tình huống như nhập sai số lượng trên hệ thống, quét nhầm mã vạch, sắp xếp hàng sai vị trí, xuất nhầm mã hàng có bao bì gần giống nhau hoặc thay đổi kế hoạch xuất hàng gấp từ phía khách hàng. Nếu nhân viên thiếu kinh nghiệm xử lý sẽ dễ

dẫn đến mất nhiều thời gian kiểm tra lại, ảnh hưởng tiến độ xuất nhập hàng và gây chênh lệch tồn kho.

b) Nội dung giải pháp

Vì vậy, doanh nghiệp cần tăng cường đào tạo theo hướng thực hành trực tiếp tại kho thay vì chỉ hướng dẫn lý thuyết chung. Cụ thể, nhân viên cần được hướng dẫn chi tiết về cách đối chiếu chứng từ với mã hàng thực tế, kiểm tra số lượng theo pallet hoặc theo vị trí lưu kho trước khi xác nhận trên hệ thống. Đối với các mặt hàng có mẫu mã hoặc bao bì giống nhau như linh kiện điện tử, sữa, bia hoặc hàng điện lạnh, nhân viên cần được nhắc kỹ việc kiểm tra mã SKU, mã vạch và vị trí hàng trước khi xuất để tránh giao nhầm.

Doanh nghiệp nên xây dựng quy trình xử lý cụ thể đối với từng tình huống phát sinh.

Ví dụ:

Khi phát hiện hàng đặt sai vị trí, nhân viên phải cập nhật lại đúng vị trí trên hệ thống trước khi xuất hàng để tránh thất lạc.

Khi thiếu hàng thực tế so với hệ thống, cần phối hợp kiểm tra camera, phiếu nhập và lịch sử thao tác của xe nâng để xác định nguyên nhân.

Khi khách hàng thay đổi kế hoạch xuất hàng đột xuất, nhân viên điều phối cần thông báo ngay cho bộ phận kho và xe nâng để ưu tiên lấy hàng theo thứ tự mới, tránh tình trạng lấy sai container hoặc chờ hàng quá lâu.

Đối với trường hợp quét sai mã vạch hoặc xuất nhầm hàng, cần có bước kiểm tra chéo giữa nhân viên kiểm đếm và nhân viên điều phối trước khi đóng container.

Đối với nhân viên mới, doanh nghiệp nên bố trí nhân viên có kinh nghiệm hướng dẫn trực tiếp trong thời gian đầu, đặc biệt ở các công việc như kiểm đếm, xác định vị trí hàng, thao tác trên hệ thống WMS và phối hợp với xe nâng. Việc “cầm tay chỉ việc” trong môi trường thực tế sẽ giúp nhân viên quen nhanh với quy trình vận hành kho và hạn chế sai sót hơn so với chỉ học lý thuyết.

Cần nâng cao khả năng phối hợp giữa nhân viên xe nâng, nhân viên kiểm đếm và nhân viên điều phối. Trong thực tế, nhiều trường hợp xe nâng phải chờ xác nhận vị trí lấy hàng hoặc hàng chưa được kiểm đếm xong mới được đưa ra khu vực xuất, làm ảnh hưởng tiến độ đóng container. Vì vậy, các bộ phận cần trao đổi thông tin kịp thời qua bộ đàm hoặc hệ thống nội bộ để giảm thời gian chờ và nâng cao hiệu quả vận hành kho.

c) Cách thức thực hiện giải pháp

Doanh nghiệp cần xây dựng kế hoạch đào tạo định kỳ cho nhân viên kho, tập trung vào kỹ năng nghiệp vụ, sử dụng hệ thống quản lý kho và xử lý các tình huống phát sinh trong quá trình vận hành. Đối với nhân viên mới, cần bố trí nhân sự có kinh nghiệm hướng dẫn trực tiếp trong thời gian đầu để nhanh chóng làm quen với công việc thực tế.

Bên cạnh đó, doanh nghiệp cần ban hành các quy trình xử lý thống nhất đối với những tình huống thường gặp và tăng cường trao đổi thông tin giữa các vị trí công việc trong kho nhằm nâng cao khả năng phối hợp, giảm sai sót và nâng cao hiệu quả xử lý đơn hàng.

3.3.5 Tăng cường phối hợp giữa các bộ phận trong hoạt động kho vận

Trong quá trình vận hành thực tế, nhiều trường hợp thời gian xuất hàng bị chậm do thông tin giữa bộ phận kho, vận tải và chăm sóc khách hàng chưa được cập nhật kịp thời. Vì vậy, doanh nghiệp cần tăng cường khả năng phối hợp và trao đổi thông tin giữa các bộ phận liên quan.

Khi có thay đổi về lịch xe, kế hoạch xuất hàng hoặc số lượng hàng hóa, các bộ phận cần cập nhật thông tin sớm để kho chủ động chuẩn bị hàng và sắp xếp nhân sự phù hợp. Điều này giúp hạn chế tình trạng hàng đã tập kết nhưng xe chưa đến hoặc xe đến nhưng hàng chưa chuẩn bị kịp.

Doanh nghiệp nên xây dựng quy trình phối hợp rõ ràng giữa bộ phận kho và vận tải trong các khâu lấy hàng, kiểm đếm và đóng container nhằm giảm thời gian chờ xử lý và nâng cao hiệu quả vận hành chung của kho.

a) Cách thức thực hiện giải pháp

Doanh nghiệp cần xây dựng quy trình trao đổi thông tin thống nhất giữa các bộ phận kho, vận tải và chăm sóc khách hàng, trong đó quy định rõ trách nhiệm và thời gian cập nhật thông tin của từng bộ phận. Đồng thời, cần sử dụng hiệu quả các kênh liên lạc nội bộ để bảo đảm các thay đổi về lịch xe, kế hoạch xuất hàng hoặc số lượng hàng hóa được truyền đạt kịp thời.

Bên cạnh đó, doanh nghiệp nên tổ chức các buổi họp trao đổi định kỳ giữa các bộ phận liên quan nhằm kịp thời xử lý các vướng mắc phát sinh, nâng cao khả năng phối hợp và góp phần cải thiện hiệu quả hoạt động kho vận.

3.4 Kiến nghị

3.4.1 Đối với doanh nghiệp

Qua thời gian thực tập và tìm hiểu thực tế tại Trung tâm Logistics Transimex – Chi nhánh Đà Nẵng, em nhận thấy doanh nghiệp cần quan tâm cải thiện một số vấn đề nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý kho.

Trước hết, doanh nghiệp nên sắp xếp lại khu vực lưu trữ và khu vực tập kết hàng xuất hợp lý hơn. Trong quá trình thực tế, vào thời điểm nhiều hàng hóa nhập hoặc xuất cùng lúc, hàng thường bị tập trung nhiều ở một số khu vực, gây khó khăn cho việc di chuyển và lấy hàng. Điều này làm nhân viên mất nhiều thời gian xử lý đơn hàng và ảnh hưởng đến tiến độ xuất hàng.

Doanh nghiệp cần cập nhật vị trí hàng hóa trên hệ thống kịp thời hơn sau khi di chuyển hoặc sắp xếp lại hàng trong kho. Trong thực tế, có một số trường hợp vị trí hàng trên hệ thống và vị trí thực tế chưa khớp hoàn toàn, khiến nhân viên phải mất thêm thời gian tìm kiếm hoặc kiểm tra lại hàng hóa trước khi xuất kho.

Vào thời điểm khối lượng hàng lớn, doanh nghiệp nên bố trí thêm nhân sự hỗ trợ tại khu vực lấy hàng và đóng container để giảm áp lực công việc cho nhân viên kho. Trong quá trình quan sát thực tế, có những thời điểm nhân viên phải xử lý nhiều công việc cùng lúc như kiểm đếm, lấy hàng, tập kết hàng và hỗ trợ đóng container nên thời gian xử lý còn chậm.

Doanh nghiệp cũng nên tăng cường phối hợp giữa bộ phận kho và bộ phận vận tải trong việc cập nhật kế hoạch xuất hàng và thời gian xe đến nhận hàng. Một số trường hợp thay đổi lịch xe hoặc thay đổi kế hoạch xuất hàng chưa được cập nhật sớm làm ảnh hưởng đến quá trình chuẩn bị hàng hóa tại kho.

3.4.2 Đối với cơ quan nhà nước

Bên cạnh sự nỗ lực của doanh nghiệp, cơ quan nhà nước cũng cần tiếp tục hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi hơn cho hoạt động logistics và quản lý kho bãi phát triển hiệu quả.

Cơ quan nhà nước cần tiếp tục đầu tư và hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng giao thông, đặc biệt là hệ thống đường bộ, cảng biển và khu vực kết nối logistics tại khu vực miền Trung nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động vận chuyển và lưu thông hàng hóa. Việc hạ tầng giao thông được cải thiện sẽ góp phần giảm thời gian vận chuyển, hạn chế ùn tắc và nâng cao hiệu quả hoạt động logistics.

Các cơ quan chức năng cần tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực xuất nhập khẩu và hải quan nhằm giảm thời gian xử lý chứng từ và tạo thuận lợi cho doanh nghiệp trong quá trình giao nhận hàng hóa. Đồng thời, cần tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong các thủ tục quản lý để nâng cao tính đồng bộ và minh bạch trong hoạt động logistics.

Ngoài ra, cơ quan nhà nước cũng nên có thêm các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp logistics trong việc đầu tư công nghệ, nâng cấp hệ thống kho bãi và đào tạo nguồn nhân lực nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của ngành logistics hiện đại.

Cần tăng cường tổ chức các chương trình đào tạo, hội thảo và hoạt động kết nối giữa doanh nghiệp với các cơ sở đào tạo nhằm hỗ trợ sinh viên có cơ hội tiếp cận môi trường thực tế, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp và đáp ứng tốt hơn nhu cầu nhân lực của ngành logistics trong tương lai.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] “interlogistics.com.vn,” April 2026. [Trực tuyến]. Available: <https://interlogistics.com.vn/vi/tin-tuc/blog/kho-hang-la-gi-n-780#1-kho-hang-la-gi>.
- [2] “Quy trình quản lý kho - Các yếu tố ảnh hưởng đến quy trình quản lý kho,” [Trực tuyến]. Available: https://irtc.edu.vn/2374-quy-trinh-quan-ly-kho/tin-tuc.htm#H2_caacutec-yu-t-nh-hng-n-quy-trigravanh-q.
- [3] “Phương pháp sắp xếp hàng hóa trong kho hiệu quả,” [Trực tuyến]. Available: <https://www.baovan.com.vn/sap-xep-hang-hoa/>.
- [4] “GAWNP Capital,” 2024. [Trực tuyến]. Available: <https://gawnpcapital.vn/vi/cach-bo-tri-kho-hang-toi-uu-cho-doanh-nghiep/>.
- [5] “Vận tải container - Vinalogs,” 2026. [Trực tuyến]. Available: <https://www.container-transportation.com/kho-hang-la-gi.html>.
- [6] “Transimex,” 2026. [Trực tuyến]. Available: <https://transimex.com.vn/co-dong/bao-cao-thuong-nien/>.